

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm Kinh

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 359

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Hiệu đính: Đại Đức Thích Trí Thiện (03/2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13 (UTF-8) Normalized Version,
Release Date: 2004/11/20

Đại Đức Thích Trí Thiện hiệu đính
No. 359 [Nos. 357, 358]

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第一
Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới
trí quang-minh trang nghiêm Kinh quyền đệ nhất
KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI
TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM - Quyền Thứ Nhất
西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿傳梵大師賜紫沙門臣法護等奉 詔譯
Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu tán Đại phu thí quang lộc khanh truyện
phạm Đại su tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng phụng chiếu dịch
Ngài Tam Tạng Triêu Tán Đại Phu Thí Quang Lục Khanh Truyện Phạm Đại Su
người Thiên Trúc sắc nhóm Sa-môn Pháp-hộ cùng phụng chiếu dịch.

如是我聞。一時世尊。

như thị ngã văn. nhất thời Thế tôn.

Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, Thế Tôn

在王舍城鷲峯山半月妙峯法界殿中。與大苾芻眾二萬五千人俱。

tại Vương xá thành Thấu Phong sơn bán nguyệt diệu phong Pháp giới điện

trung. dữ Đại Tỳ-kheo chúng nhị vạn ngũ thiên nhân câu.

tại núi Thấu phong thuộc thành Vương xá, vào giữa tháng, ngọn núi đẹp như

ở trong cung điện, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm hai vạn năm ngàn người

皆阿羅漢。一切漏盡離諸煩惱。

giai A La Hán. nhất thiết lậu tận ly chư phiền não.

đều là A-la-hán, tất cả sạch các lậu, lìa xa các phiền não.

心善解脫慧善解脫。如大龍王。諸所應作修作已辦。

tâm thiện giải thoát tuệ thiện giải thoát. như Đại long Vương. chư sở ứng

tác tu tác dĩ biện.

Tâm khéo giải thoát, Tuệ khéo giải thoát như Đại long vương các việc nên

làm đã làm xong.

去除重擔逮得己利。盡諸有結心智解脫。

khử trừ trọng đấm đãi đắc kỷ lợi. tận chư hữu kiết tâm trí giải thoát.

Khử trừ các uẩn, kịp được lợi mình, hết các kiết hữu, tâm trí giải thoát,

chư tâm tự-tại đáo u bi ngạn. A nhã Kiều trần như đấng thập bát Đại thanh

văn. nhi vi thượng thủ.

Các tâm tự tại đến nơi bờ Giác. A-nhã-kiều-trần-nhu.v.v. mười tám vị Đại Thanh văn đều là hàng thượng thủ.

復有七百二十萬俱胝那庾多菩薩摩訶薩眾。其名曰妙吉祥童真菩薩摩訶薩。

phục hữu thất bách nhị thập vạn câu chi na dữu đa Bồ-tát Ma-Ha tát

chúng. kỳ danh viết diệu cát tường đồng chân Bồ-tát Ma-Ha tát.

Lại có bảy trăm hai mươi vạn úc na-du-đa (na-do-tha) chúng Đại Bồ-tát.

Tên các vị ấy là Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chơn,

財吉祥菩薩摩訶薩。覺吉祥菩薩摩訶薩。

tài cát tường Bồ-tát Ma-Ha tát. giác cát tường Bồ-tát Ma-Ha tát.

Đại Bồ-tát Tài Cát Tường, Đại Bồ-tát Giác Cát Tường,

藥王菩薩摩訶薩。藥上菩薩摩訶薩等。

duộc Vương Bồ-tát Ma-Ha tát. dược thượng Bồ-tát Ma-Ha tát đẳng.

Đại Bồ-tát Dược Vương, Đại Bồ-tát Dược Thượng, .v.v.

是諸菩薩。皆悉善轉不退轉法輪。

thị chư Bồ-tát. giai tất thiện chuyển bất thối chuyển Pháp luân.

Các vị Bồ-tát ấy, đều khéo chuyển Pháp luân không thối chuyển.

悉於寶積方廣正法而善請問。住法雲地其慧高廣猶若須彌。

tất ư Bảo Tích phương quảng chánh Pháp nhi thiện thỉnh vấn. trụ Pháp vân

địa kỳ tuệ cao quảng do nhược Tu-Di.

Tất cả đều ở nơi Bảo Tích Phương Quảng Chánh Pháp mà khéo thỉnh hỏi, trụ

nơi Pháp vân địa. Các vị ấy trí tuệ cao rộng giống như Tu-di,

善能觀察一切法空無相無願。

thiện năng quan sát nhất thiết Pháp không vô tướng vô nguyện.

khéo có thể quán sát tất cả pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện,

無生無起無性照明廣大。甚深法理善威儀道。

vô sanh vô khởi Vô tánh chiếu minh quảng Đại. thậm thâm Pháp lý thiện uy nghi đạo.

không sanh, không khởi, không tính, soi sáng rộng lớn, thâm sâu Pháp lý, khéo uy nghi đạo.

而諸菩薩皆是各各世界百千俱胝那庾多諸佛如來遣來至此。

nhi chư Bồ-tát giai thị các các thế giới bách thiên câu chi na dữu đa chư Phật như lai khiến

Các vị Bồ-tát ấy đều từ các thế giới trăm ngàn úc na-do-tha chư Phật Như Lai sai đến đây,

悉能出生諸神通事。

tất năng xuất sanh chư Thần thông sự.

có thể tạo ra tất cả các sự kiện thần thông,

安住諸法自性清淨。

an trú chư Pháp tự tánh thanh tịnh.

an trú trong các pháp tự tánh thanh tịnh.

爾時世尊即作是念。此諸菩薩摩訶薩眾。

nhi thời Thế tôn tức tác thị niệm. thử chư Bồ-tát Ma-Ha tát chúng.

Lúc bấy giờ Thế Tôn liền suy nghĩ rằng: Các chúng Đại Bồ-tát này,

具大威德為求法故。

cụ Đại uy đức vi cầu Pháp cố.

đầy đủ uy đức lớn vì cầu Pháp,

從旃伽沙數等大威德世界。迅疾如風來此集會。

tùng cãng đà sa số đẳng Đại uy đức thế giới. tấn tạt như phong lai thử

tập hội.

từ cãng-dà-sa-số (vô số) thế giới uy đức lớn, nhanh chóng như gió đến đây tập họp.

我今應為開明宣說廣大正法。或現光相廣大照曜。

ngã kim ứng vi khai minh tuyên thuyết quảng Đại chánh Pháp. hoặc hiện quang tướng quang Đại chiếu diệu.

Ta nay vì mở bày tuyên thuyết Chánh pháp rộng lớn nên hiện tướng ánh sáng rực rỡ chiếu rộng lớn,

復令此諸菩薩摩訶薩眾。

phục linh thử chư Bồ-tát Ma-Ha tát chúng.

lại khiến chúng Đại Bồ-tát

於此會中聞所說法請問其義。爾時世尊即放光明。

ư thử hội trung văn sở thuyết Pháp tinh văn kỳ nghĩa. nhi thời Thế tôn tức phóng quang-minh.

ở trong hội này nghe thuyết Pháp, tinh hoi nghĩa của Pháp. Bây giờ Thế Tôn liền phóng ánh sáng

遍照十方不可思議如微塵等三千大千世界。

biên chiếu thập phương bất khả tu nghị như vi trần đẳng tam Thiên Đại Thiên thế giới.

chiếu khắp mười phương không thể nghĩ bàn như vi trần ở ba ngàn đại thiên thế giới.

即時十方一一方分。各有十佛刹不可說如微塵等。

tức thời thập phương nhất nhất phương phân. các hữu thập Phật sát bất khả thuyết như vi trần đẳng.

Ngay lúc đó, mười phương phân thành từng phương, mỗi phương đều có mười cõi Phật không thể nói như số vi trần.v.v.

百千俱胝那庾多菩薩摩訶薩眾來此集會。

bách thiên câu chi na dữu đa Bồ-tát Ma-Ha tát chúng lai thử tập hội. gồm trăm ngàn ức na-dữu-đa (na-do-tha) chúng Đại Bồ-tát đến tập họp ở đây.

一一菩薩各現不可思議菩薩所有神通。

nhất nhất Bồ-tát các hiện bất khả tu nghị Bồ-tát sở hữu Thần thông.

Mỗi vị Bồ-tát đều hiện thần thông không thể nghĩ bàn của Bồ-tát

而來到佛會已。各以不可思議妙色供養而供養佛。

nhi lai đáo Phật hội dĩ. các dĩ bất khả tu nghị diệu sắc cúng dường nhi cúng dường Phật.

đi đến Phật hội xong, sau đó đều dùng Diệu Sắc Cúng Dường không thể nghĩ bàn mà cúng dường Phật.

各各處自願力出生蓮花座中瞻仰世尊。

các các xứ tự nguyện lực xuất sanh liên hoa tọa trung chiêm ngưỡng Thế tôn.

Nơi mỗi xứ theo nguyện lực mà sanh ra trong tòa hoa sen chiêm ngưỡng Thế Tôn.

是時法界殿中自然出現大寶蓮花藏師子之座。

thị thời Pháp giới điện trung tự nhiên xuất hiện Đại bảo liên hoa tạng Su-từ chi tọa.

Lúc này trong cung điện tự nhiên xuất hiện tòa Su từ Đại Bảo Liên Hoa Tạng

縱廣正等阿僧祇俱胝由旬次第高顯。

túng quảng chánh đẳng a tăng kì câu chi do-tuần thứ đệ cao hiển.

thẳng đứng cao rộng vô số ức do-tuần lần lượt hiển lộ rõ rệt

以眾光明摩尼寶所成。

dĩ chúng quang-minh ma-ni bảo sở thành.

đều dùng tất cả ánh sáng ngọc quý ma-ni tạo thành,

以電光明摩尼寶而為界道。不思議光明摩尼寶為蓮花莖。

dĩ điệu quang minh ma-ni bảo nhi vi giới đạo. bất tu nghị quang minh ma-ni bảo vi liên hoa kinh

dùng tia chớp của ánh sáng bảo ngọc ma-ni làm đường ranh giới, ánh sáng không thể nghĩ bàn của bảo ngọc ma-ni làm cọng hoa sen,無比喻摩尼寶而為間錯。

vô tỉ dụ ma-ni bảo nhi vi gian thố.

ngọc quý ma-ni không thể so sánh được đan xen ở giữa các khoảng trống,超越譬喻光明摩尼寶作殊妙鬘。自在王摩尼寶網垂覆其上。

siêu việt thí dụ quang-minh ma-ni bảo tác thù diệu man, tự tại vương ma-ni bảo vông thủy phúc kỳ thượng

sự siêu việt thí dụ bằng ánh sáng ngọc quý ma-ni tạo nên sự mượt mà đẹp kỳ diệu, lưới ngọc quý Vua Tự-tại rủ xuống che trùm ở trên.

豎立種種光明摩尼寶蓋及寶幢幡。

thọ lập chủng chủng quang-minh ma-ni bảo cái cập bảo tràng phiên.

Ánh sáng ngọc quý tạo lập các thứ bảo cái và tràng phan quý,

而彼大摩尼寶蓮花藏師子座上。

nhi bi Đại ma-ni bảo liên hoa tạng Su-tử tọa thượng.

để trên toà Su tử ngọc quý lớn Liên hoa tạng ấy,

普遍出現十阿僧祇百千俱胝那庾多光明。其光普照十方世界。

phổ biến xuất hiện thập a tăng kì bách thiên câu chi na dữu đa quang-minh. kỳ quang phổ chiếu thập phương thế giới.

biến khắp xuất hiện mười a-tăng-kỳ trăm ngàn ức na-du-đa ánh sáng. Ánh sang ấy chiếu khắp mười phương thế giới.

是時十方一一方分。有十佛刹不可說微塵數等。

thị thời thập phương nhất nhất phương phân. hữu thập Phật sát bất khả thuyết vi trần số đẳng.

Lúc ấy mười phương phân ra có mười cõi Phật không thể nói số nhiều như vi trần,

百千俱胝那庾多天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓

bách thiên câu chi na dữu đa Thiên Long dạ xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu trăm ngàn ức na-du-đa Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la,

羅緊那羅摩睺羅伽。帝釋梵王護世天等。

la khẩn na la Ma hầu la dà. đế thích Phạm Vương hộ thế Thiên đẳng.

Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Đế thích, Phạm vương, trời Hộ thế.v.v.

皆來集會。

giai lai tập hội.

đều đến tập họp.

是中或有處寶樓閣與不思議百千俱胝那庾多天女眾等奏妙音樂。

thị trung hoặc hữu xứ bảo lâu các dữu bất tu nghị bách thiên câu chi na dữu đa Thiên nữ chúng đẳng tấu Diệu-Âm lạc.

Trong đó có chỗ có lầu gác và số không nghĩ bàn trăm ngàn ức na-du-đa chúng Thiên-nữ... tấu âm nhạc kỳ diệu,

或處妙花所成樓閣。或處龍堅栴檀香所成樓閣。

hoặc xứ diệu hoa sở thành lâu các. hoặc xứ long kiên chiên đàn hương sở thành lâu các.

hoặc nơi Diệu hoa tạo thành lầu gác, hoặc nơi mùi hương Long kiên chiên-đàn làm thành lầu gác,

或處真珠所成樓閣。或處大金剛寶所成樓閣。

hoặc xứ chân châu sở thành lâu các. hoặc xứ Đại Kim cương bảo sở thành lâu các.

hoặc nơi ngọc Chơn châu tạo thành lầu gác, hoặc nơi Đại kim cang bảo làm thành lầu gác,

或處金剛光明摩尼寶所成樓閣。

hoặc xử Kim cương quang-minh ma-ni bảo sở thành lầu gác.

hoặc nơi ánh sáng ngọc quý kim-cương tạo thành lầu gác,

或處渾金所成樓閣。

hoặc xử hồn kim sở thành lầu gác.

hoặc nơi ánh sáng tự nhiên tạo thành lầu gác,

或處一切光明積集摩尼寶王所成樓閣。或處自在王摩尼寶所成樓閣。

hoặc xử nhất thiết quang-minh tích tập ma-ni bảo Vương sở thành lầu gác.

hoặc xử tự tại Vương ma-ni bảo sở thành lầu gác.

hoặc nơi tất cả ánh sáng vua ngọc quý tích tụ tạo thành lầu gác, hoặc

ngọc quý nơi vua trời Tự Tại tạo thành lầu gác

或處如意寶所成樓閣。或處帝青摩尼寶所成樓閣。

hoặc xử như ý bảo sở thành lầu gác. hoặc xử đề thanh ma-ni bảo sở thành lầu gác.

hoặc nơi ngọc Như-ý tạo thành lầu gác, hoặc nơi ngọc quý xanh của vua trời tạo thành lầu gác,

或處大海之中清淨莊嚴普遍光明大摩尼寶所成樓閣。

hoặc xử Đại hải chí trung thanh tịnh trang nghiêm phổ biến quang-minh Đại ma-ni bảo sở thành lầu gác

hoặc đại ngọc quý trong biển lớn trang nghiêm thanh tịnh biến khắp tạo thành lầu gác,

皆有阿僧祇不思議百千俱胝那庾多天女眾等。奏妙音樂乘空而來到佛會已。

giai hữu a tăng kì bất tư nghị bách thiên câu chí na dữu đa Thiên nữ

chúng đẳng. tâu Diệu-Âm lạc thừa không nhi lai đáo Phật hội dĩ.

đều có a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn trăm ngàn ức na-do-tha (na-du-

đa) chúng Thiên nữ.v.v. tâu âm nhạc kỳ diệu ở trên hư không mà đến Phật hội xong,

皆以不思議無等比超越分量諸妙供養。供養佛已。

giai dĩ át tư nghị vô đẳng bì siêu việt phần lượng chư diệu cung dưỡng.

cung dưỡng Phật dĩ.

đều dùng các thứ cúng dường kỳ diệu không thể nghĩ bàn, không chi so

sánh, vượt quá việc phân lường. Cúng dường Phật xong,

各各於自願力出生座中瞻仰世尊。時此三千大千世界。

các các ư tự nguyện lực xuất sanh tọa trung chiêm ngưỡng Thế tôn. thời

thử tam Thiên Đại Thiên thế giới.

tất cả đều từ nơi nguyện lực sanh ra trong toà chiêm ngưỡng Thế Tôn. Lúc

ấy Tam thiên Đại thiên thế giới,

悉成閻浮檀金殊妙色相。自然出現種種摩尼寶莊嚴樹。

tất thành diêm-phù-đàn kim thù diệu sắc tướng. tự nhiên xuất hiện chúng

chúng ma-ni bảo trang nghiêm thụ.

tất cả thành vàng Diêm-phù-đàn, sắc tướng kỳ diệu tự nhiên xuất hiện các

loại cây ngọc quý trang nghiêm,

妙衣服樹。龍堅旃檀香樹。

diệu y phục thụ. long kiên chiên đàn hương thụ.

cây diệu y phục, cây Long kiên-chiên-đàn hương,

妙寶所成電光明摩尼寶網垂覆其上。豎立寶蓋及寶幢幡。

diệu bảo sở thành điện quang-minh ma-ni bảo võng thùy phúc kỳ thượng.

thọ lập bảo cái cập bảo tràng phiên.

tạo thành lưới ngọc quý ánh sáng như điện rù xuống che phủ bên trên, tạo lập bảo cái và tràng phan quý.

其諸樹間皆有阿僧祇百千俱胝那庾多天女。

kỳ chư thụ gian giai hữu a tăng kì bách thiên câu chi na dữu đa Thiên nữ.

Giữa các cây ấy đều có vô số trăm ngàn ức na-du-đa (na-do-tha) Thiên nữ
執持半身真珠瓔珞。或復執持摩尼寶鬘。

chấp trì bán thân chân châu anh lạc. hoặc phục chấp trì ma-ni bảo man.
cầm nắm nửa chuỗi ngọc chơn-châu, hoặc lại cầm nắm ngọc quý lóng bóng.
時彼大摩尼寶蓮花藏師子座中。

thời bí Đại ma-ni bảo liên hoa tạng Sư-tử tọa trung.

Lúc đó trong toà Sư tử Đại Ma-ni Bảo Liên Hoa Tạng ấy,
自然有聲說伽陀曰。

tự nhiên hữu thanh thuyết già đà viết.

tự nhiên có tiếng nói lời kệ rằng:

人中王來就此座

nhân trung Vương lai tựu thử tọa
Vua trong loài người đến toà này,

普令眾願悉圓成

phổ linh chúng nguyện tất viên thành
Khiến khắp thành tựu tất cả nguyện,

此我身相寶所成

thử ngã thân tướng bảo sở thành
Nay thân tướng tôi ngọc tạo thành,

隨其意樂人中尊

tùy kỳ ý lạc nhân trung tôn

Tùy theo sở thích Nhân trung tôn,

今此寶成蓮花座

kim thử bảo thành liên hoa tọa

Nay ngọc tạo thành toà hoa sen,

為俱胝眾說法門

vi câu chi chúng thuyết Pháp môn

Vì ức chúng sanh nói Pháp môn

汝身出現千光相

nhữ thân xuất hiện thiên quang tướng

Thân ông xuất hiện ngàn tướng sáng,

我觀此相歡喜生

ngã quán thử tướng hoan hỷ sanh

Tôi thấy tướng ấy sanh hoan hỷ,

速就座已攝受我

tốc tựu tọa dĩ nhiếp thọ ngã

Nhanh đến toà rồi nhiếp thọ tôi

今自然智牟尼尊

kim tự nhiên trí Mâu Ni tôn

Nay Tự nhiên trí Mâu-ni Tôn,

爾時世尊從本座起。

nhĩ thời Thế tôn tùng bản tọa khởi.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy,

即於寶蓮花藏師子座上。加趺而坐。

túc ư bảo liên hoa tạng Sư-tử tọa thượng. gia phu nhi tọa.

liên ở trên toà báu Sư tử Liên hoa tạng mà ngồi kết-già,

普遍觀察一切菩薩人天大眾。為諸菩薩欲當宣說最上妙法。

本從福力所出生

bổn tùng phúc lực sở xuất sanh

Nguồn gốc từ Phước mà sanh ra

勝二足尊願攝受

thắng nhị túc tôn nguyện nhiếp thọ

Tôi thắng Túc Tôn xin nhiếp thọ

中一寶謂蓮花座

trung nhất bảo vị liên hoa tọa

Trong ngọc gọi là Liên hoa toà.

能滿諸願救世者

năng mãn chư nguyện cứu thế giả

Đầy đủ các nguyện cứu giúp đời.

於此世間最殊妙

ư thử thế gian tối thù diệu

Rất là kỳ diệu thế gian này.

聞者皆令得此座

văn giả giai linh đắc thử tọa

Người nghe đều khiến được toà này.

普遍照曜諸世間

phổ biến chiếu diệu chư thế gian

Soi chiếu rõ khắp các thế gian.

願佛今就我此座

nguyện Phật kim tựu ngã thử tọa

Nguyện Phật nay đến toà của tôi

此座數有八俱胝

thử tọa số hữu bát câu chi

Số lượng toà này có tám ức.

登座普攝諸群品

đăng tọa phổ nhiếp chư quần phẩm

Lên toà nhiếp khắp các quần chúng

phổ biến quan sát nhất thiết Bồ-tát nhân Thiên Đại chúng. vì chư Bồ-tát
dục đương tuyên thuyết tối thượng diệu Pháp.

quán sát rộng khắp tất cả đại chúng Bồ-tát, người, trời, vì các Bồ-tát mà
sắp nói Pháp Tối thượng vi diệu.

爾時一切大菩薩眾咸作是念。

nhĩ thời nhất thiết Đại Bồ-tát chúng hàm tác thị niệm。

Lúc bấy giờ tất cả chúng Đại Bồ-tát đều suy nghĩ rằng:

若我今時得聞妙吉祥童真菩薩請問如來應供正等正覺

nhược ngã kim thời đắc văn diệu cát tường đồng chân Bồ-tát thịnh vấn Như-
Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác

Nếu tôi hôm nay nghe Bồ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chơn thịnh hỏi Như-lai,
Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác

不生不滅甚深正法。斯為慶幸。

bất sanh bất diệt thậm thâm chánh Pháp. tu vi khánh hạnh.

về chánh pháp sâu xa, bất sanh bất diệt. Điều ấy làm cho tôi vui mừng
hạnh phúc.

爾時妙吉祥童真菩薩先在會中。

nhĩ thời diệu cát tường đồng chân Bồ-tát tiên tại hội trung。

Lúc ấy Bồ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chơn ở trước hội

知諸菩薩摩訶薩眾心之所念。即從座起。前白佛言。

tri chư Bồ-tát Ma-Ha tát chúng tâm chi sở niệm. tức tùng toạ khởi. tiền
bạch Phật ngôn.

biết được tất cả tâm niệm của các vị Bồ-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy,
đến trước Phật bạch rằng:

世尊。如佛所說不生不滅。此所宣說當是世尊。

Thế tôn. Như Phật sở thuyết bất sanh bất diệt. thử sở tuyên thuyết đương
thị Thế tôn.

Bạch Thế Tôn! Như chỗ Phật nói bất sanh bất diệt, chỗ tuyên nói ấy phải
là Thế Tôn,

何法增語。即說伽陀而伸請問。

hà Pháp tăng ngữ. tức thuyết dà đà nhi thân thịnh vấn.

làm sao nói rộng pháp, liền nói kệ mà thịnh hỏi:

不生與不滅

bất sanh dữ bất diệt

Bất sanh và bất diệt,

大慧相云何

Đại Huệ tướng vân hà

Tướng Đại Huệ là sao,

若法不生滅

nhược Pháp bất sanh diệt

Nếu pháp không sanh diệt,

佛大牟尼尊

Phật Đại Mâu Ni tôn

Phật Đại Mâu-ni Tôn,

此十方菩薩

thử thập phương Bồ-tát

Mười phương Bồ-tát này,

求大智法門

cầu Đại trí Pháp môn

Cầu Pháp môn Đại trí,

爾時世尊。讚妙吉祥童真菩薩摩訶薩言。

nhĩ thời Thế tôn. tán diệu cát tường đồng chân Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn。

此是佛所說

thử thị Phật sở thuyết

Ấy là lời Phật nói.

於此中宣演

ư thử trung tuyên diễn

Ở trong đó tuyên bày?

即無見無因

tức vô kiến vô nhân

Tức không thấy không nhân.

復云何宣說

phục vân hà tuyên thuyết

Lại làm sao tuyên thuyết?

諸佛故遣來

chư Phật cố khiển lai

Do chư Phật khiển đến.

願尊說正法

nguyện tôn thuyết chánh Pháp

Nguyện Ngài nói Chánh Pháp.

Lúc bấy giờ Thế Tôn khen đại Bồ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chơn rằng:

善哉善哉妙吉祥。

Thiện tai Thiện tai diệu cát tường.

Hay thay! Hay thay! Diệu Cát Tường,

汝今善能請問如來如是義理。如汝意者。廣為多人作大利益。

nhữ kim thiện năng thỉnh vấn Như-Lai như thị nghĩa lý. như nhữ ý giả.

quảng vi đa nhân tác Đại lợi ích.

ông nay khéo thỉnh hỏi Như Lai về nghĩa lý ấy. Như ý ông là rộng vì lợi ích lớn cho nhiều người,

悲愍世間令其修行普得安樂。復能利樂諸天人眾。

bi mẫn thế gian linh kỳ tu hành phổ đắc an lạc. phục năng lợi lạc chu

Thiên nhân chúng.

thương xót thế gian khiến cho họ tu hành được an lạc rộng khắp, lại có thể lợi lạc cho chúng chu Thiên và loài người.

今此所來諸大菩薩摩訶薩眾。

kim thử sở lai chu Đại Bồ-tát Ma-Ha tát chúng.

Nay đến nơi chúng Đại Bồ-tát này,

為得佛地故不生恐怖。

vi đắc Phật địa cố bất sanh khủng phổ.

vì chúng được Phật địa cho nên không sanh sợ sệt,

是處施作亦無所畏復無驚悚妙吉祥。彼等皆得實智所攝。

thị xử thí tác diệc vô sở úy phục vô kinh tủng diệu cát tường. bi đẳng

giai đắc thật trí sở nhiếp.

đó chính là việc làm Vô sở úy lại cũng chính là chỗ kinh sợ của Diệu Cát Tường, tất cả kia đều được Thật trí thu nhiếp.

如來今此說如是法。所謂不生不滅。妙吉祥。不生滅者。

Như-Lai kim thử thuyết như thị Pháp. sở vị bất sanh bất diệt. diệu cát tường. bất sanh diệt giả.

Hôm nay Như Lai nói Pháp như vậy. Cái được gọi là không sanh không diệt.

Diệu-Cát Tường! Không sanh diệt nghĩa là

此說即是如來增語。譬如吠琉璃寶成大地相。

thử thuyết tức thị Như-Lai tăng ngữ. thí như phệ lưu ly bảo thành Đại địa tướng.

nói đây tức là Như Lai nói rộng nghĩa, thí như ngọc quý Phệ-lưu-li thành tướng Đại địa.

於彼所成大地相中。

ư bi sở thành Đại địa tướng trung.

Ở trong tướng Đại địa ấy,

而有忉利天中帝釋天主所居之處大廣勝殿。而彼天主常處其中。

nhĩ hữu Đao-lợi Thiên trung đế thích Thiên chủ sở cư chi xử Đại quảng

thắng điện. nhĩ bi Thiên chủ thường xử kỳ trung.

có cung điện thù thắng to rộng nơi ở của Thiên chủ Đế thích trong trời Đao-lợi. Các Thiên chủ ấy thường ở trong đó

受天五欲勝妙快樂嬉戲自在。

thọ Thiên ngũ dục thắng diệu khoái lạc hi hí tự-tại.

thọ ngũ dục cõi trời đùa giỡn tự tại vui vẻ thoả thích.

彼諸天眾呼彼閻浮提中若男若女童男童女一切人眾。

bi chư Thiên chúng hô bi Diêm-phù-đề trung nhược nam nhược nữ đồng nam

đồng nữ nhất thiết nhân chúng.

các vị Thiên chủ ấy gọi tất cả người hoặc nam hoặc nữ hoặc đồng nam đồng nữ ở trong Diêm-phù-đề kia

謂言善來。汝等且觀帝釋天主大廣勝殿。

vị ngôn thiện lai. nhữ đẳng thả quán đế thích Thiên chủ Đại quang thắng điện.

báo họ đến đây, các ông cứ nhìn cung điện thù thắng của Thiên chủ Đế thích.

天主於中受勝妙樂。汝等來此廣行布施。

Thiên chủ ở trung thọ thắng diệu lạc nhữ đẳng lai thử quang hành bố thí. Thiên chủ ở trong đó thọ điều vui thù thắng, các ông đến đây bố thí rộng rãi,

修作福事積集戒行。汝等當知。

tu tác phúc sự tích tập giới hành. nhữ đẳng đương tri.

tu tạo việc phước tích tụ giới hạnh.

今此帝釋天主所居大廣勝殿神通具足。汝等宜應修作福事。

kim thử đế thích Thiên chủ sở cư Đại quang thắng điện Thần thông cụ túc.

nhữ đẳng nghi ứng tu tác phúc sự.

Nay cung điện rộng lớn của Thiên chủ Đế thích này thần thông đầy đủ, các ông nên phải tu tạo việc phước.

願當獲報如彼天主。安處天宮受勝妙樂。

nguyện đương hoạch báo như bỉ Thiên chủ. an xứ Thiên cung thọ thắng diệu lạc.

nguyện sẽ được báo như Thiên chủ ấy, nơi cung trời an ổn thọ niềm vui thù thắng.

是時間浮提中若男若女童男童女一切人眾。

thị thời Diêm-phù-đề trung nhược nam nhược nữ đồng nam đồng nữ nhất thiết nhân chúng.

Lúc ấy tất cả người ở trong Diêm-phù-đề hoặc nam hoặc nữ hoặc đồng nam đồng nữ

見此吠瑠璃寶所成大地帝釋天主大廣勝殿。

kiến thử phệ lưu ly bảo sở thành Đại địa đế thích Thiên chủ Đại quang thắng điện.

thấy cung điện rộng lớn của Thiên chủ Đế thích do ngọc quý Phệ-lưu-ly tạo thành Đại địa ấy.

見已合掌執持香花向空散擲。作如是言。

kiến dĩ hợp chưởng chấp trì hương hoa hướng không tán trịch. tác như thị ngôn.

Thấy xong họ chấp tay cầm nắm hương hoa hướng trên hư không mà tung rãi, nói rằng:

願我等當來亦獲是相。如帝釋天主居廣勝殿。

nguyện ngã đẳng đương lai diệc hoạch thị tướng. như đế

Nguyện tất cả chúng tôi ở đời vị lai cũng được tướng ấy như Thiên chủ Đế thích sống trong điện rộng lớn thù thắng,

受勝妙樂嬉戲自在。

thọ thắng diệu lạc hi hí mục tại.

nhận lấy niềm khoái lạc thù thắng vui đùa tự tại.

然彼人眾而悉不知影像對現瑠璃大地。忉利天中帝釋天主。大廣勝殿清淨所成猶如影像。妙吉祥。

nhiên bỉ nhân chúng nhi tất bất tri ảnh tượng đối hiện lưu ly Đại địa.

Đao-lợi Thiên trung đế thích Thiên chủ. Đại quang thắng điện thanh tịnh sở thành do như ảnh tượng diệu cát tường.

Nhưng mà tất cả mọi người kia không biết ảnh tượng Lưu-ly Đại địa đối hiện, điện thù thắng rộng lớn của Thiên chủ Đế thích trong trời Đao-lợi, thanh tịnh tạo thành giống như ảnh tượng. Diệu Cát Tường!

彼帝釋天主以廣行布施。修作福事積集戒行。

bì để thích Thiên chủ dĩ quảng hành bố thí. tu tác phúc sự tích tập giới hành.

các Thiên chủ Đế thích đã hành bố thí rộng rãi, tu tạo các việc phước tích tụ giới hạnh,

宿善根力廣成熟故。感彼天中勝妙宮殿。妙吉祥。

túc thiện căn lực quảng thành thực cố. cảm bị Thiên trung thắng diệu cung điện. diệu cát tường.

súc căn lành kiếp trước đã chín muồi nên, cảm ứng trong cung điện thù thắng của cõi trời

而彼吠瑠璃地本無所有。

nhĩ bị phệ lưu ly địa bản vô sở hữu.

mà ngọc Phệ-lưu-ly thành Đại địa ấy vốn không có.

忉利諸天及彼帝釋天主所居大廣勝殿亦無所有。

Đao-lợi chư Thiên cập bị để thích Thiên chủ sở cư Đại quảng thắng điện diệc vô sở hữu.

Cung điện thù thắng rộng lớn chỗ ở của các trời Đao-lợi và Thiên chủ Đế thích kia vốn cũng không có,

皆是清淨所成影像對現而亦常在。而實不生亦復不滅。

giai thị thanh tịnh sở thành ảnh tượng đối hiện nhi diệc thường tại. nhi thật bất sanh diệc phục bất diệt.

đều là Thanh tịnh tạo thành ảnh tượng đối hiện mà cũng thường trụ, mà thật không sanh cũng lại không diệt.

妙吉祥。一切眾生亦復如是。

diệu cát tường. nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị.

Diệu Cát Tường! Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

以清淨心如實觀想。如來即為對現身相。復以如來威神力故。

Dĩ thanh tịnh tâm như thật quán tưởng. Như-Lai túc vi đối hiện thân tướng. phục dĩ Như-Lai uy Thần lực cố.

đem tâm thanh tịnh mà như thật quán tưởng. Như Lai liền vì đối hiện tướng thân nên Như Lai lại dùng sức oai thần

令諸眾生得見如來。然本無實不生不滅。

linh chư chúng sanh đắc kiến Như-Lai. nhiên bản vô thật bất sanh bất diệt.

khiến các chúng sanh được thấy Như-Lai, nhưng vốn là không thật không sanh không diệt

無性非無性。無見非無見。非世間非非世間。

Vô tánh phi Vô tánh. vô kiến phi vô kiến. phi thế gian phi phi thế gian.

Không tánh chẳng phải không tánh, không thấy chẳng phải không thấy, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian,

無狀貌非無狀貌。妙吉祥。

vô trạng mạo phi vô trạng mạo. diệu cát tường.

không hình dáng chẳng phải không hình dáng. Diệu Cát Tường!

一切眾生但以如來對現影像而為所緣。

nhất thiết chúng sanh dĩ dĩ Như-Lai đối hiện ảnh tượng nhi vi sở duyên.

Tất cả chúng sanh chỉ dùng ảnh tượng đối hiện của Như-Lai mà làm cảnh sở duyên,

散擲香花衣服妙寶而為供養。作如是言。願我當來獲勝妙報。

tán trịch hương hoa y phục diệu bảo nhi vi cung dưỡng. tác như thị

ngôn. nguyện ngã đương lai hoạch thắng diệu báo.

tung rãi hương hoa y phục quý mà cúng dường, nói rằng: Nguyện tôi đòi
tương lai thu được quả báo thù thắng

同彼如來應供正等正覺。

đồng bị Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác.

giống Như lai, Ứng cúng, Chánh đẳng, Chánh giác kia.

彼諸眾生求佛智故廣行布施。修作福事積集戒行。

bỉ chư chúng sanh cầu Phật trí cố quảng hành bố thí. tu tác phúc sự tích
tập giới hạnh.

Các chúng sanh kia cầu Phật trí cho nên thực hành bố thí rộng rãi, tu tạo
việc phước tích tụ giới hạnh,

迴向願當得如來智。

hồi hướng nguyện đương đắc Như-Lai trí.

hồi hướng nguyện sẽ được trí của Như Lai.

復次妙吉祥。又如吠瑠璃寶所成大地。

phục thứ diệu cát tường. hựu như phệ lưu ly bảo sở thành Đại địa.

Lại nữa Diệu Cát Tường! Như ngọc quý Phệ-lưu-ly tạo thành Đại địa,

帝釋天主對現影像。無動轉無領受無戲論。

đế thích Thiên chủ đối hiện ảnh tượng. vô động chuyển vô linh thọ vô hí
luận.

Đế thích Thiên chủ hình ảnh đối hiện, không chuyển động không nhận lãnh
không hí luận,

無分別不離分別。無計度不離計度。非思惟作意。

vô phân biệt bất ly phân biệt vô kế độ bất ly kế độ. phi tư duy tác ý.

không phân biệt không xa là phân biệt, không đo tính không lìa xa đo
tính, không suy nghĩ tác ý,

寂靜清涼無生無滅。

tịch tĩnh thanh lương vô sanh vô diệt.

thanh tịnh vắng lặng, không sanh không diệt,

無見無聞無嗅無味無觸無想。無施設無表了。妙吉祥。

vô kiến vô văn vô khứu vô vị vô xúc vô tướng. vô thí thiết vô biểu
liễu. diệu cát tường.

không thấy, không nghe, không ngửi, không nếm, không xúc chạm, không
tướng, không thiết lập, không bày tỏ. Diệu Cát Tường!

如來應供正等正覺亦復如是。無動轉無領受無戲論。

Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác diệc phục như thị. vô động chuyển
vô lãnh thọ vô hí luận.

Như-Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy. Không chuyển
động, không nhận lấy, không hí luận,

無分別不離分別。無計度不離計度。

vô phân biệt bất ly phân biệt. vô kế độ bất ly kế độ.

không phân biệt, không xa lìa phân biệt, không đo tính, không lìa đo
tính,

非思惟作意。寂靜清涼無生無滅。

phi tư duy tác ý. tịch tĩnh thanh lương, vô sanh vô diệt.

không suy nghĩ tác ý. Thanh tịnh vắng lặng không sanh, không diệt,

無見無聞無嗅無味無觸無想。無施設無表了。

vô kiến vô văn vô khứu vô vị vô xúc vô tướng. vô thí thiết vô biểu liễu
không thấy, không nghe, không ngửi, không nếm, không xúc chạm, không
tướng, không thiết lập, không bày tỏ.

如是等如來無所生趣向。諸所對現皆如影像。

như thị đẳng Như-Lai vô sở sanh thú hướng. chư sở đối hiện giai như ảnh tượng.

Như vậy hết thảy Như Lai không sanh hứng thú, các cảnh đối hiện đều giống như hình tượng.

隨諸眾生信解差別。現諸色相壽量分限。

tùy chư chúng sanh tín giải sai biệt. hiện chư sắc tướng thọ lượng phân hạn.

tùy vào các chúng sanh tin hiểu có sai khác, nên hiện các sắc tướng thọ lượng có phân hạn,

但為成熟信解力故。是菩提器彼眾生者即為對現。

đãn vì thành thực tín giải lực cố. thị bồ đề khí bị chúng sanh giả tức vì đối hiện.

nhưng vì sức tin hiểu thành thực, các chúng sanh kia chính là vật chứa Bồ-đề liền làm cảnh đối hiện,

隨其意樂隨其信解。令諸眾生得聞法要。

tùy kỳ ý lạc tùy kỳ tín giải. linh chư chúng sanh đắc văn Pháp yếu.

tùy vào ý thích, tùy vào sức tin hiểu của mỗi chúng sanh, khiến các chúng sanh được nghe Pháp yếu,

如所樂欲知三乘相。如所樂欲悉得解脫。妙吉祥。

như sở lạc dục tri tam thừa tướng. như sở lạc dục tất đắc giải

thoát. diệu cát tường.

như chỗ thích muốn biết tướng Tam thừa, như chỗ thích muốn đều được giải thoát. Diệu Cát Tường!

又如忉利天中帝釋天主。以福力成辦故。

hựu như Đao-lợi Thiên trung đế thích Thiên chủ. dĩ phúc lực thành bành cố.

Lại như Thiên chủ Đế thích trong trời Đao-lợi, do phúc lực đã đầy đủ,

有大法鼓出妙法音。處虛空中大廣勝殿上。

hữu Đại Pháp cổ xuất diệu Pháp âm. xử hư không trung Đại quảng thắng điện thượng

có Đại Pháp cổ phát ra tiếng Pháp âm vi diệu, ở giữa hư không, trên điện Đại Quảng Thắng.

彼諸天子極目徹視。不能觀見。妙吉祥。彼大法鼓。

bỉ chư Thiên tử cực mục triệt thị. bất năng quán kiến. diệu cát tường.

bỉ Đại Pháp cổ.

Các Thiên-tử ấy dùng mắt nhìn kĩ cũng không có thể nhìn thấy. Diệu Cát Tường! Đại Pháp cổ kia

若或忉利天中諸天子眾。

nhược hoặc Đao-lợi Thiên trung chư Thiên tử chúng.

nếu như trong trời Đao-lợi tất cả các Thiên tử,

耽嬉嬉戲五欲自娛心生放逸。而不樂入善法堂中歌詠法音。

đam miên hi hí ngũ dục tự ngu tâm sanh phóng dật. nhi bất lạc nhập thiện

Pháp đường trung ca vịnh Pháp âm.

mãi mê chơi đùa tự vui vẽ năm dục, tâm sanh phóng dật mà không thích vào trong nhà Thiện Pháp, ngợi ca, ngâm vịnh Pháp âm,

或時帝釋天主五欲娛樂。

hoặc thời đế thích Thiên chủ ngũ dục ngu lạc.

hoặc lúc Thiên chủ Đế thích vui thích ngũ dục,

亦復放逸不處法座為眾說法。彼大法鼓處虛空中極目徹視。

diệc phục phóng dật bất xử Pháp tọa vì chúng thuyết Pháp. bỉ Đại Pháp cổ xử hư không trung cực mục triệt thị.

cũng lại phóng dật không ở nơi Pháp toà vì mọi người mà nói Pháp, Đại Pháp cổ, ấy ở trong hư không nhìn kĩ tận mắt, siêu nhãn cảnh giới bất khả quán kiến. tự nhiên xuất thanh linh chu Thiên tử khai minh cảnh giác. vượt quá cảnh giới của mắt không thể nhìn thấy, tự nhiên xuất tiếng khiến các Thiên tử khai sáng tinh táo 謂言。諸仁者。色聲香味觸是無常法。 vị ngôn。chư nhân giả。sắc thanh hương vị xúc thị vô thường Pháp。 mà bảo rằng: Các Nhân giả! Sắc, thanh, hương, vị, xúc là pháp vô thường. 汝等今時勿生放逸。無令速疾離失宮殿。 nữ đẳng kim thời vật sanh phóng dật。vô linh tốc tật ly thất cung điện 今時勿生放逸, không khiến nhanh chóng lìa xa cung điện, 諸行是苦諸行皆空。諸法無我勿生放逸。 chư hành thị khổ chư hành giai khôngchư Pháp vô ngã vật sanh phóng dật。 các hành là khổ, các hành đều trống rỗng, các Pháp không có ngã chớ sanh phóng dật, 此苦蘊滅佗趣復生。汝諸仁者。宜當精勤歌詠正法。 thử khổ uẩn diệt ða thú phục sanh。nữ chư nhân giả。nghi đương tinh cần ca vịnh chánh Pháp。 khổ uẩn này diệt khổ khác lại theo sanh。Nhân giả các ông nên phải siêng năng tinh cần ngợi ca chánh-Pháp, 遊戲法園求真愛樂正法。於正法中隨念作意。 du hí Pháp viên cầu Pháp chân thật ái lạc chánh Pháp。ư chánh Pháp trung tùy niệm tác ý。 đạo chơi trong vườn Pháp chân thật, cầu Pháp yêu thích chánh Pháp, ở trong chánh Pháp tùy theo niệm mà ý khởi, 即得不離天中五欲娛樂。妙吉祥。 tức đắc bất ly Thiên trung ngũ dục ngu lạc。diệu cát tường。 liền được không lìa năm dục trong cõi Trời tự ý vui thích。Diệu Cát Tường! 然彼大法鼓。無分別無離分別。超眼境界不生不滅。 nhiên bỉ ðại Pháp cổ。vô phân biệt vô ly phân biệt。siêu nhãn cảnh giới bất sanh bất diệt。 Nhưng trống Pháp lớn ấy, không phân biệt, không xa lìa phân biệt, vượt quá cảnh giới của mắt không sanh, không diệt, 出語言道離心意識。 xuất ngữ ngôn ðạo ly tâm ý thức。 ra khỏi lời nói xa lìa tâm, ý, thức。 其大法鼓所出法音令彼天眾常所開覺驚怖迷亂。 kỳ ðại Pháp cổ sở xuất Pháp âm linh bỉ Thiên chúng thường sở khai giác kinh phổ mê loạn。 Trống Pháp lớn ấy phát ra tiếng Pháp khiến tất cả chư Thiên mê loạn sợ sệt, luôn để tâm cảnh giác。 即入善法堂中歌詠正法。遊戲法園求真愛樂正法。 tức nhập thiện Pháp đường trung ca vịnh chánh Pháp。du hí Pháp viên cầu Pháp chân thật ái lạc chánh Pháp。 Liên vào trong nhà Thiện pháp ngợi ca chánh Pháp, đạo chơi trong vườn Pháp chân thật, cầu Pháp, yêu thích chánh Pháp。 於正法中隨念作意。天趣歿已勝處受生。

ư chánh Pháp trung tùy niệm tác ý. Thiên thú một dĩ thắng xứ thọ sanh.
Ở trong chánh Pháp tùy vào niệm mà tác ý, kết thúc cõi Trời lại được thọ
sanh Thắng xứ.

又復帝釋天主。入善法堂處于法座。

hựu phục đế thích Thiên chủ. nhập thiện Pháp đường xử vu Pháp tọa.

Lại nữa Thiên chủ Đế Thích, vào nhà Thiện Pháp đến ngồi trên Pháp toà,
為諸天眾宣說法要。若時與彼阿修羅眾。

vi chư Thiên chúng tuyên thuyết Pháp yếu. nhược thời dữ bi A-tu-Lachúng.
vì tất cả chư Thiên mà tuyên nói Pháp-yếu, hoặc lúc cùng với chúng A-tu-
la kia

而共鬪戰天眾或負。彼大法鼓自然出聲。

nhi cộng đấu chiến Thiên chúng hoặc phụ. bi Đại Pháp cổ tự nhiên xuất
thanh.

hoặc phụ giúp các Trời để đánh nhau, trống Pháp lớn kia tự nhiên xuất
tiếng.

阿修羅眾驚怖迷亂馳走而去。妙吉祥。然彼法鼓亦無我相。

A-tu-La chúng kinh phổ mê loạn trì tẩu nhi khứ. diệu cát tường. nhiên bi
Pháp cổ diệc vô ngã tướng.

Chúng A-tu-la sợ hãi mê loạn tán loạn chạy đi. Diệu Cát Tường! Nhưng Đại
pháp cổ cũng không có Ngã tướng.

復無言說自然隱歿。大法鼓者無所觀矚。

phục vô ngôn thuyết tự nhiên ẩn mạt. Đại Pháp cổ giả vô sở quán chúc.

Lại không nói lời tự nhiên ẩn mất, trống Pháp lớn ấy không nơi xem xét
nhìn rõ,

住於真實無心無思。無相無色無聲無性。

trụ ư chân thật vô tâm vô tư. vô tướng vô sắc vô thanh Vô tánh.

trụ ở chân thật, vô tâm, vô tư, vô tướng, vô sắc, vô tiếng, vô tánh,

亦復無二超眼境界。妙吉祥。

diệc phục vô nhị siêu nhãn cảnh giới. diệu cát tường.

cũng phải không hai, vượt quá cảnh giới. Diệu Cát Tường!

以彼忉利天中諸天子眾宿善業故。有大法鼓出妙法音。

dĩ bi Đao-lợi Thiên trung chư Thiên tử chúng túc thiện nghiệp cố. hữu Đại
Pháp cổ xuất diệu Pháp âm.

Do chúng Thiên tử trong cõi trời Đao-lợi gieo trồng nghiệp thiện nên có
trống Pháp lớn xuất tiếng Pháp vi diệu

令彼天眾一切嬉亂隨煩惱等皆悉寂止。

linh bi Thiên chúng nhất thiết nhiều loạn tùy phiền não đẳng giai tất
tịch chi

khiến chúng Trời ấy tất cả nhiều loạn, tùy phiền não...tất cả đều lặng
yên.

彼大法鼓而亦常在。然其無心亦無所思。

bi Đại Pháp cổ nhi diệc thường tại. nhiên kỳ vô tâm diệc vô sở tư.

Trống Pháp lớn ấy cũng thường trụ nhưng nó không tâm, cũng không nghĩ,

無相無色無聲無性亦復無二。如來應供正等正覺亦復如是。

vô tướng vô sắc vô thanh Vô tánh diệc phục vô nhị. Như-Lai Ứng-Cúng

chánh đẳng chánh giác diệc phục như thị.

không tướng, không sắc, không tiếng, không tánh, cũng lại không hai. Như
lai, Ứng cúng, Chánh đẳng, Chánh giác cũng lại như vậy,

無見無觀然亦常在。而無我相無心無思。

vô kiến vô quán nhiên diệc thường tại. nhi vô ngã tướng vô tâm vô tư.

không thấy, không quán, nhưng cũng thường trụ mà không có tướng ngã không tâm, không nghĩ,

無相無色無聲無性超眼境界。

vô tướng vô sắc vô thanh Vô tánh siêu nhãn cảnh giới。

không tướng, không sắc, không tiếng, không tánh, vượt quá cảnh giới của mắt.

但隨眾生宿善業報。隨其信解為說法音。

Đãn tùy chúng sanh túc thiện nghiệp báo。tùy kỳ tín giải vi thuyết Pháp âm。

Nhưng tùy vào nghiệp báo lành đời trước của các chúng sanh, tùy vào tin hiểu của chúng sanh để nói Pháp âm,

令其開曉聞法音故。使諸眾生一切憍亂隨煩惱等皆得寂止。

linh kỳ khai hiểu văn Pháp âm cố。sử chư chúng sanh nhất thiết nhiễu loạn tùy phiền não đặng giai đắc tịch chỉ。

làm cho chúng sanh khai mở nghe hiểu âm thanh Pháp, khiến các chúng sanh tất cả nhiễu loạn tùy phiền não.v.v.đều được lặng yên.

彼法音聲當知即是如來音聲。妙吉祥。

他法音聲當知即是如來音聲。妙吉祥。

bỉ pháp âm thanh đương tri túc thị Như-Lai âm thanh。diệu cát tường。

Nên biết âm thanh Pháp ấy chính là âm thanh của Như Lai。Diệu Cát Tường!

是法音聲而無其實。

thị Pháp âm thanh nhi vô kỳ thật。

chính âm thanh pháp mà thực ra nó không có thật。

如來但為一切世間權巧施設。隨諸眾生宿善業報。如來乃為出法音聲。

Như-Lai đãn vi nhất thiết thế gian quyền xảo thi thiết。tùy chư chúng sanh túc thiện nghiệp báo。Như-Lai nãi vi xuất Pháp âm thanh。

Như Lai chỉ vì tất cả thế gian khéo thiết lập phương tiện, tùy vào nghiệp báo lành đời trước của các chúng sanh, Như Lai bèn theo đó nói lên âm thanh Pháp。

隨諸眾生各各意樂而生解了。

隨諸眾生各各意樂而生解了。

tùy chư chúng sanh các các ý lạc nhi sanh giải liễu。

Tùy theo từng ý thích của các chúng sanh mà sinh hiểu rõ,

為令一切眾生皆得安樂。諸放逸者咸皆警悟。妙吉祥。

vi linh nhất thiết chúng sanh giai đắc an lạc。chư phóng dật giả hàm

giai cảnh ngộ。diệu cát tường。

vì khiến tất cả chúng sanh đều được an lạc, các phóng dật hết thảy đều

được đánh thức tỉnh ngộ。Diệu Cát Tường!

一切眾生聞法音已。皆願當得如來身相。

nhất thiết chúng sanh văn Pháp âm dĩ。giai nguyện đương đắc Như-Lai thân tướng。

tất cả chúng sanh nghe âm thanh Pháp xong, đều nguyện sẽ được Thân tướng của Như Lai,

彼新發意菩薩及諸愚夫異生。

bỉ tân phát ý Bồ-tát cập chư ngu phu dị sanh。

Bồ-tát mới phát ý kia và các phàm phu ngu si khác

但以如來善法出生而為所緣。令其得聞如來法音。妙吉祥。

đãn dĩ Như-Lai thiện Pháp xuất sanh nhi vi sở duyên。linh kỳ đắc văn Như-

Lai Pháp âm。diệu cát tường。

chỉ lấy thiện pháp Như Lai phát ra mà làm cảnh sở duyên, khiến họ được

nghe pháp âm của Như Lai。Diệu Cát Tường!

如來應供正等正覺所說。

Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác sở thuyết。

Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác nói:

不生不滅甚深法理應如是知。

bất sanh bất diệt thậm thâm Pháp lý ứng như thị tri.

không sanh không, không diệt pháp lý rất sâu xa nên biết như vậy.

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第一

Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm

Kinh quyển đệ nhất

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG
NGHIÊM - QUYỂN THỨ NHẤT

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và

Lược Dịch Sun Apr 30 21:58:57 2006

=====

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm Kinh Quyển Thứ Hai

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 359

Hán dịch: Thần Pháp Hộ
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Hiệu đính: Thích Trí Thiện (04/2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 359 《佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經》CBETA 電子佛典
V1.13 普及版

Kinh văn tu tấn Đại Chánh Tâm Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 359

Kinh văn tu tấn Đại Chánh Tâm Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 359

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Vol. 12, No. 359

Thích Trí Thiện hiệu đính

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第二

Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh
quyển đệ nhị

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH
GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM,
QUYỂN THỨ HAI

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿傳梵大師賜紫沙門臣法護等奉詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí quang lộc khanh truyện phạm
Đại sư tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng phụng chiếu dịch

Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh Truyện Phạm Đại Sư người nước
Thiên Trúc truyền cho nhóm Sa-môn Pháp Hộ phụng chiếu dịch.

復次妙吉祥。

phục thứ diệu cát tường。

Lại nữa Diệu Cát Tường!

譬如炎夏向殘雨際初月時景方來。以諸眾生宿業報故。

thí như viêm hạ hướng tàn vũ tế sơ nguyệt thời cảnh phương lai。dĩ chư chúng
sinh túc nghiệp báo cố。

*Ví như sự điều tàn của nắng nóng mùa hè, trận mưa giao mùa đầu tháng thì cảnh
vật mới tươi tốt. Do nghiệp báo đời trước của các chúng sanh,*

此大地中一切種子。禾稼藥草樹林而悉成長。

thử Đại địa trung nhất thiết chủng tử。hòa giá dục thảo thụ lâm nhi tất thành
trường。

*tất cả các chủng tử trong đại địa này, lúa mạ, cỏ thuốc, rừng cây tất cả đều lớn
mạnh.*

時虛空中大風吹擊大水流注。是時大地而悉滋養。

thời hư không trung Đại phong xuy kích Đại thủy lưu chú。thị thời Đại địa nhi
tất tu dưỡng。

*Lúc đó ở trong hư không gió lớn thổi mạnh nước lớn chảy tràn, chính là lúc tất
cả vật trong đại địa đều được nuôi dưỡng.*

閻浮提中一切人眾。見是相已咸生歡喜。

Diêm-phù-đề trung nhất thiết nhân chúng. kiến thị tướng dĩ hàm sanh hoan hi .
Tất cả mọi người trong Diêm-phù-đề thấy tướng ấy đều sanh hoan hi,
其心適悅想此世間有大雲起。妙吉祥。

kỳ tâm thích duyệt tướng thù thế gian hữu Đại vân khởi. diệu cát tường .
trong lòng rất vui vẻ tưởng rằng trong thế gian này có mây lớn nổi lên. Diệu Cát
Tường!

而此空中有大水蘊流注大地。是時間浮提中一切人眾。

nhi thử không trung hữu Đại thủy uẩn lưu chú Đại địa . thị thời Diêm-phù-đề
trung nhất thiết nhân chúng .

ở trong hư không có chứa nước lớn chảy tràn ra đại địa, lúc ấy mọi người trong
Diêm-phù-đề,

即作是念。今此大地大水流注。

túc tác thị niệm . kim thử Đại địa Đại thủy lưu chú .

liền suy nghĩ rằng: Nay trong đại địa này nước lớn chảy tràn,

豈非此中有大雲起。作是念已咸發是言。

khởi phi thử trung hữu Đại vân khởi. tác thị niệm dĩ hàm phát thị ngôn .

há chẳng phải ở trong đó có mây lớn nổi lên hay sao? Nghĩ như vậy rồi tất cả đều
phát lời rằng:

奇哉大雲降注大水充滿大地。妙吉祥。

kì tai Đại vân giáng chú Đại thủy sung mãn Đại địa . diệu cát tường .

Lạ thay mây lớn tuôn nước lớn xuống tràn đầy đại địa. Diệu Cát Tường!

而彼大水非雲所有非雲施設。但以大風吹擊。故有大水充滿大地。

nhi bỉ Đại thủy phi vân sở hữu phi vân thi thiết . đãn dĩ Đại phong xuy kích .

cố hữu Đại thủy sung mãn Đại địa .

Mà nước lớn kia không phải do mây, không phải mây thiết lập, chỉ do gió lớn thổi
mạnh cho nên có nước lớn tràn đầy đại địa;

即彼水蘊以其眾生宿業報力。隨時隱沒。

túc bỉ thủy uẩn dĩ kỳ chúng sanh tú nghiệp báo lực. tùy thời ẩn mật.

túc chỗ chứa nước ấy theo sức nghiệp báo đời trước của các chúng sanh, tùy thời
mà ẩn mất,

風所攝持風所破散。如雲注水。妙吉祥。

phong sở nhiếp trì phong sở phá tán. như vân chú thủy . diệu cát tường .

nơi gió giữ lấy, nơi gió phá tan, như mây tuôn nước. Diệu Cát Tường!

但由眾生宿業報故。乃於空中大水流注。

đãn do chúng sanh túc nghiệp báo cố. nãi ư không trung Đại thủy lưu chú .

Chỉ do nghiệp báo đời trước của chúng sanh, cho đến nước lớn chảy tràn ở trong
hư không

非雲所有非雲施設。雲無所生非從心入。

phi vân sở hữu phi vân thi thiết. vân vô sở sanh phi tùng tâm nhập .

không phải mây có, chẳng phải mây thiết lập, mây không chỗ sanh, không theo tâm
vào.

離於來去彼善根成熟。

ly ư lai khứ bỉ thiện căn thành thực .

Xa lìa khứ lai, căn lành thành thực.

諸菩薩摩訶薩及聲聞緣覺諸異生等亦復如是。謂由彼等隨智所樂。

chư Bồ-tát Ma-Ha tát cập Thanh văn, Duyên giác chư dị sanh đẳng diệc phục như
thị . vị do bỉ đẳng tùy trí sở lạc .

Các Bồ-tát Ma-ha-tát cùng Thanh văn, Duyên giác các phàm phu.v.v. cũng lại như
vậy. Nghĩa là tất cả kia tùy theo chỗ thích của trí,

積集勝行種善根故。如來應供正等正覺出現世間。

tích tập thắng hành chủng thiện căn cố . Như Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác xuất hiện thế gian .

tích tụ hạnh thù thắng gieo trồng căn lành. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời

為諸眾生示涅槃道對現無礙。

vi chư chúng sanh thị Niết-Bàn đạo đối hiện vô ngại .

vì các chúng sanh mà chỉ đạo Niết-bàn một cách không chướng ngại,

如來處於天人眾中。諸有所說名字建立悉無別異。

Như Lai xử u hiên Nhơn chúng trung. chư hữu sở thuyết danh tự kiến lập tất vô biệt dị.

Như Lai ở trong chúng Trời Người, chỗ nói các Hữu tạo lập danh tự, tất cả không có sai khác.

妙吉祥應知。如來於天人眾中所出音聲。

diệu cát tường ứng tri. Như Lai u Thiên Nhơn chúng trung sở xuất âm thanh .

Diệu Cát Tường nên biết, Như Lai ở trong chúng trời người, âm thanh nói ra

而無其實都無所有。妙吉祥。如來無相離諸相故。

nhi vô kỳ thật đồ vô sở hữu. diệu cát tường. Như Lai vô tướng ly chư tướng cố . mà kỳ thực không phải, tất cả đều không có. Diệu Cát Tường! Như Lai không tướng rời xa các tướng,

無方處不離方處。無實所成無生無滅。

vô phương xử bất ly phương xử . vô thật sở thành vô sanh vô diệt

không nơi chốn, không rời xa nơi chốn, không thật có thành tựu, không sanh không diệt.

如來為諸天人世間。隨宜對現廣說正法悉充足已。

Như Lai vi chư Thiên nhân thế gian . tùy nghi đối hiện quảng thuyết chánh Pháp tất sung túc dĩ .

Như Lai vì chư Thiên và người thế gian, tùy nghi đối hiện nói rộng Chánh pháp đầy đủ tất cả.

而彼新發意菩薩及諸愚夫異生。

nhi bỉ tân phát ý Bồ-tát cập chư ngu phu dị sanh .

Bồ-tát mới phát ý và các phàm phu ngu si,

以宿善業報樂涅槃法而化度者。不見如來有所對現。

dĩ túc thiện nghiệp báo lạc Niết-Bàn Pháp nhi hóa độ giả . bất kiến Như Lai hữu sở đối hiện .

do nghiệp báo tốt đời trước thích pháp Niết-bàn để hoá độ, không thấy Như Lai có thị hiện

皆謂如來入大涅槃。妙吉祥。

giai vị Như Lai nhập Đại Niết-Bàn . diệu cát tường .

đều nói Như Lai nhập đại Niết-bàn. Diệu Cát Tường!

如來若生若滅悉無所有。以佛如來不生滅故。

Như Lai nhược sanh nhược diệt tất vô sở hữu. dĩ Phật như lai bất sanh diệt cố.

Như Lai hoặc sanh hoặc diệt, tất không chỗ có, do Phật Như Lai không sanh diệt.

如來應供正等正覺本來寂靜。如來無實如其大水。

Như Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác bản lai tịch tĩnh. Như Lai vô thật như kỳ Đại thủy.

Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xưa nay vắng lặng, Như Lai không thật như nước lớn kia,

所緣無實雲亦無實。無生無滅雲無實故。

sở duyên vô thật vân diệt vô thật. vô sanh vô diệt vân vô thật cố .

duyên không thật có, mây cũng không thật, không sanh không diệt, mây không thật có.

乃於世間假施設有。如來諸有說法所緣。

nãi u thể gian giả thí thiết hữu. Như Lai chu hữu thuyết Pháp sở duyên .
cho đến ở thế gian cũng do giả thiết lập mà có. Như Lai nói tất cả các pháp đều
do duyên,

亦復如是而無其實。不生不滅本來如是。

diệt phục như thị nhi vô kỳ thật . bất sanh bất diệt bản lai như thị .
cũng lại như vậy đều không thực có, không sanh không diệt, xưa nay như vậy.

如來應供正等正覺。於是無生法中。為諸世間假名安立。

Như Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác . u thị vô sanh Pháp trung . vì chu thể
gian giả danh an lập .

Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong pháp không sanh, vì các thế gian
thiết lập lên giả danh.

妙吉祥。又如大梵天王勝中最勝。

diệu cát tường. hựu như Đại Phạm Thiên Vương thắng trung tối thắng .

Diệu Cát Tường! Lại như vua đại Phạm thiên hơn hẳn trong mọi người,

於十三大千世界。百三千大千世界中。而得自在。

u thập tam Thiên Đại Thiên thể giới. bách tam Thiên Đại Thiên thể giới trung .
nhi đắc tự-tại .

ở nơi mười Tam thiên đại thiên thể giới, trăm Tam thiên đại thiên thể giới, mà
được tự tại.

日日觀察一切天眾。下至四大王天乃為邊際。

nhật nhật quan sát nhất thiết Thiên chúng . hạ chí tứ Đại Vương Thiên nãi vi
biên tế .

hàng ngày quan sát tất cả chúng Trời, dưới đến bờ mé cõi Tứ Thiên vương.

以其大梵天王。遍於諸天常觀察故。

dĩ kỳ Đại Phạm Thiên Vương. biền u chu Thiên thường quan sát cố .

Do Vua trời Phạm Thiên ấy, thường quán xét ở khắp các cõi trời,

彼彼一切諸天子眾。各各天中五欲娛樂。

bỉ bỉ nhất thiết chu Thiên tử chúng. các các Thiên trung ngũ dục ngu lạc .

tất cả các chúng Thiên tử cõi trời ấy đều ở trong Trời vui chơi năm dục,

彼娛樂已鼓吹歌音。復止息已捨諸樂事。

bỉ ngu lạc dĩ cổ xuy ca âm. phục chỉ túc dĩ xả chu lạc sự .

vui chơi xong nổi tiếng trống ca hát, lại dừng nghỉ rồi bỏ các việc vui chơi,

各各合掌尊重恭敬。瞻仰梵王目不暫捨。

các các hợp chưởng tôn trọng cung kính. chiêm ngưỡng Phạm Vương mục bất tạm xả.
tất cả đều chấp tay cung kính tôn trọng, chiêm ngưỡng Phạm vương mắt không tạm
ngừng.

諸天子眾各各願求大梵王出現世間成熟善根。

chu Thiên tử chúng các các nguyện cầu Đại Phạm Vương xuất hiện thế gian thành
thục thiện căn .

Các Thiên tử tất đều cầu xin Đại Phạm vương xuất hiện ở đời căn lành chín muồi.

是時大梵天王。於須臾頃即為出現。

thị thời Đại Phạm Thiên Vương. u tu du khoảnh túc vi xuất hiện

Lúc đó vua Đại Phạm Thiên trong khoảnh khắc chớp lát liền vì Chúng Thiên tử mà
xuất hiện,

若此大梵天王天報滅時。別有大梵天王安立宮殿。

nhược thử Đại Phạm Thiên Vương Thiên báo diệt thời . biệt hữu Đại Phạm Thiên
Vương an lập cung điện .

nếu vua Đại Phạm Thiên ấy lúc quả báo cõi trời hết, có vua Đại Phạm Thiên khác
thiết lập cung điện,

若十若百三千大千世界之中。

nhược thập nhược bách tam Thiên Đại Thiên thể giới chi trung .

hoặc mười hoặc trăm trong Tam thiên đại thiên thể giới,

以宿願力故而得自在。彼諸天子亦以宿世善根成熟故。

dĩ túc nguyện lực cố nhi đắc tự-tại. bi chu Thiên tử diệc dĩ túc thể thiện căn thành thực cố .

do sức nguyện kiếp trước nên được tự tại, các Thiên tử kia cũng do căn lành đời trước mà được thành thực.

感彼大梵天王日日觀察一切天眾。

cảm bi Đại Phạm Thiên Vương nhật nhật quan sát nhất thiết Thiên chúng .

Cảm thương đến đến họ nên vua Đại Phạm Thiên hàng ngày quan sát tất cả chúng trời,

乃至大梵天王於須臾頃即為出現。妙吉祥。

nãi chí Đại Phạm Thiên Vương u tu du khoảnh túc vi xuất hiện. diệu cát tường .

cho đến vua Đại Phạm Thiên trong chốc lát liền vì mọi người mà xuất hiện. Diệu Cát Tường!

彼大梵天王都無所有無處所。無動轉悉空無實。

bi Đại Phạm Thiên Vương đô vô sở hữu vô xử sở. vô động chuyển tất không vô thật vua Đại Phạm Thiên kia đều không có không nơi chốn, không chuyển động tất cả đều không, không thật có.

無文字無音聲。無說無性無思無相。

vô văn tự vô âm thanh . vô thuyết Vô tánh vô tu vô tướng .

không văn tự, không âm thanh, không nói, không tánh, không suy tu, không tướng,

離心意識無生無滅。為彼諸天子眾隨宜對現。

ly tâm thức vô sanh vô diệt. vì bi chu Thiên tử chúng tùy nghi đối hiện .

rời tâm, ý, thức không sanh, không diệt. Vì các chúng Thiên tử ấy mà tùy nghi đối hiện.

以其大梵天王宿世善根願力所建立故。

dĩ kỳ Đại Phạm Thiên Vương túc thể thiện căn nguyện lực sở kiến lập cố .

Do sức nguyện căn lành đời trước của vua Đại Phạm Thiên ấy mà kiến lập nên,

諸天子眾宿世善根亦成熟故。然彼諸天子眾。亦不作是念。

chư Thiên tử chúng túc thể thiện căn diệc thành thực cố . nhiên bi chu Thiên tử chúng . diệc bất tác thị niệm .

các chúng Thiên tử căn lành đời trước cũng chín muồi, nhưng các chúng Thiên tử ấy cũng không nghĩ rằng:

今此大梵天王諸所化現於空自在。

kim thử Đại Phạm Thiên Vương chư sở hóa hiện u không tự-tại .

Hôm nay vua Đại Phạm Vương hoá hiện các thứ tự tại ở trên hư không,

無有實無文字。無音聲無說。無性無相狀。

vô hữu thật vô văn tự. vô âm thanh vô thuyết. Vô tánh vô tướng trạng.

không thật có, không văn tự, không nói, không âm thanh, không tánh, không tướng trạng,

非思惟離心意識。無生無滅。妙吉祥。

phi tư duy ly tâm ý thức . vô sanh vô diệt . diệu cát tường .

chẳng tư duy xa lìa tâm, ý, thức, không sanh không diệt. Diệu Cát Tường!

如來應供正等正覺亦復如是。於空自在。無有實無文字。

Như Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác diệc phục như thị . u không tự-tại . vô hữu thật vô văn tự .

Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, tự tại trong hư không, không thật có, không văn tự,

無音聲無說。無性無相狀。非思惟離心意識。

vô âm thanh vô thuyết. Vô tánh vô tướng trạng. phi tư duy ly tâm ý thức.

không nói, không âm thanh, không tánh, không tướng trạng, chẳng tư duy, xa lìa tâm, ý, thức,

無生無滅。如來應供正等正覺。

vô sanh vô diệt 。 Như Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác 。

không sanh, không diệt. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác

但以宿昔菩薩行願力等所建立故。又以彼諸新發意菩薩。

đãn dĩ túc tích Bồ-tát hành nguyện lực đẳng sở kiến lập cố 。 hựu dĩ bi chu tân phát ý Bồ-tát 。

đã chỉ do sức hạnh nguyện của Bồ-tát đời xưa mà kiến tạo nên. Lại do các vị Bồ-tát mới phát ý ấy,

及一切聲聞緣覺諸愚夫異生等。

cập nhất thiết Thanh văn, Duyên giác chư ngu phu dị sanh đẳng 。

cùng với tất cả Thanh văn, Duyên giác các phàm phu ngu si.v.v.

宿昔善根成熟建立故。如來乃以百千種相。

túc tích thiện căn thành thực kiến lập cố. Như Lai nãi dĩ bách thiên chủng tướng căn lành đời trước đã chín muồi mà tạo lập. Như Lai liền dùng trăm ngàn loại tướng,

而為莊嚴出現世間。皆如影像。無處所無動轉。

nhĩ vi trang nghiêm xuất hiện thế gian 。 giai như ảnh tượng 。 vô xứ sở vô động chuyển 。

xuất hiện để làm trang nghiêm ở đời, đều như ảnh tượng, không nơi chốn, không chuyển động,

亦無新發意菩薩。無一切聲聞緣覺愚夫異生。

diệc vô tân phát ý Bồ-tát. vô nhất thiết Thanh văn, Duyên giác ngu phu dị sanh 。

cũng không có Bồ-tát mới phát ý, tất cả Thanh văn, Duyên giác phàm phu ngu si đều không,

亦無如來於空自在。無有實無文字。無音聲無說。

diệc vô Như Lai ư không tự-tại. vô hữu thật vô văn tự. vô âm thanh vô thuyết 。

cũng không có Như Lai tự tại trong hư không, không thật có, không văn tự, không nói, không âm thanh,

無性無相狀。非思惟離心意識。無生無滅。

Vô tánh vô tướng trạng. phi tư duy ly tâm ý thức 。

không tánh, không tướng trạng, chẳng tư duy, xa lìa tâm, ý, thức, không sanh, không diệt.

妙吉祥。以諸法空故。

diệu cát tường 。 dĩ chu Pháp không cố 。

Diệu Cát Tường! Do các pháp đều không,

如來身相乃有百千種相而為莊嚴。現起如來諸威儀道設諸法用。

Như Lai thân tướng nãi hữu bách thiên chủng tướng nhĩ vi trang nghiêm 。

hiện khởi Như Lai chư uy nghi đạo thiết chư Pháp dụng 。

cho nên thân tướng Như Lai mới có trăm ngàn tướng để làm trang nghiêm, hiện bày các đạo uy nghi thiết lập các Pháp dụng của Như Lai,

隨諸眾生種種信解說廣大法。

tùy chư chúng sanh chủng chủng tín giải thuyết quảng Đại Pháp 。

tùy theo sự tin hiểu của các chúng sanh mà nói Pháp rộng lớn,

其所說法令諸眾生一切憍亂隨煩惱等皆得寂止。

kỳ sở thuyết Pháp lệnh chư chúng sanh nhất thiết nhiều loạn tùy phiền não đẳng giai đắc tịch chỉ 。

tùy nơi chỗ nói Pháp ấy, khiến các chúng sanh hết thảy nhiều loạn, tùy phiền não.v.v. tất cả đều lặng dưng.

如來平等於一切處住平等捨。離諸疑惑亦無差別。

Như Lai bình đẳng u nhất thiết xử trụ bình đẳng xả. ly chử nghi hoặc diệt vô sai biệt .

Như Lai bình đẳng ở tất cả nơi chốn, bình đẳng xả bỏ, lìa xa các nghi hoặc cũng không sai khác.

妙吉祥。以是緣故當知不生不滅。

diệu cát tường . dĩ thị duyên cố đương tri bất sanh bất diệt .

Diệu Cát Tường! Do duyên này nên biết không sanh, không diệt,

皆是如來方便增語。

giai thị Như Lai phương tiện tăng ngữ .

đều là Như Lai phương tiện nói rộng.

爾時世尊說伽陀曰。

nhĩ thời Thế tôn thuyết dà đà viết .

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói kệ rằng:

如來無生法本常

Như Lai vô sanh Pháp bản thường

Như Lai không sanh pháp vốn thường,

有所執相乃愚癡

hữu sở chấp tướng nãi ngu si

Có tướng sở chấp là ngu si,

如來所成如影像

Như Lai sở thành như ảnh tượng

Như Lai hoá thành như ảnh tượng,

一切皆遍佛真如

nhất thiết giai biên Phật chân như

Tất cả đều thành Phật chơn như,

復次妙吉祥。如日光明行閻浮提。從東方出。

phục thứ diệu cát tường. như nhật quang-minh hành Diêm-phù-đề. Tùng Đông phương xuất.

Lại nữa Diệu Cát Tường! Như mặt trời chiếu sáng khắp cõi Diêm-phù-đề, từ phương Đông xuất hiện,

先照須彌山王。次照鐵圍山大鐵圍山。

tiên chiếu Tu-Di sơn Vương. thứ chiếu thiết vi sơn Đại thiết vi sơn .

trước tiên là chiếu Tu-di Sơn Vương, thứ đến chiếu núi Thiết Vi và Đại Thiết Vi,

次照餘諸大山。次照黑山。次照一切高顯地方。

thứ chiếu dư chử Đại sơn. thứ chiếu hắc sơn. thứ chiếu nhất thiết cao hiển địa phương .

thứ đến chiếu ra các núi lớn, tiếp chiếu núi đen (Hắc sơn), tiếp chiếu các cao hiện trong vùng,

次照一切此閻浮提低下地方。

thứ chiếu nhất thiết thử Diêm-phù-đề đê hạ địa phương .

thứ đến tất cả vùng thấp hèn ở trong Diêm-phù-đề này,

然彼日光悉無分別不離分別。非思惟非不思惟。離心意識。

nhiên bỉ nhật quang tất vô phân biệt bất ly phân biệt . phi tư duy phi bất tư duy . ly tâm ý thức .

nhưng mặt trời kia không phân biệt, không xa lìa phân biệt, chẳng tư duy chẳng phải không tư duy, lìa tâm, ý, thức.

又日光明無生無滅。無諸相狀以離相故。

hựu nhật quang-minh vô sanh vô diệt. vô chử tướng trạng dĩ ly tướng cố .

Ánh sáng mặt trời lại không sanh, không diệt, không tướng trạng đã lìa xa các tướng trạng.

一切法與善逝等

nhất thiết Pháp dữ thiện thế đẳng

Tất cả pháp và Thiện Thế thấy

無實法於世間轉

vô thật Pháp u thế gian chuyển

Pháp không thực chuyển ở thế gian

一切善法皆無漏

nhất thiết thiện Pháp giai vô lậu

Tất cả thiện pháp đều vô lậu.

三種影像世間現

tam chủng ảnh tượng thế gian hiện

Ba ảnh tượng hiện ở thế gian.

復無作意離作意故。無諸戲論離戲論故。

phục vô tác ý ly tác ý cố . vô chu hí luận ly hí luận cố .

[lại không tác ý, xa lìa tác ý, không hí luận, xa lìa các hí luận.](#)

無諸損惱離損惱故。非此非彼。非高非下。非縛非解。

vô chu tổn não ly tổn não cố. phi thử phi bi. phi cao phi hạ. phi phược phi giải
[không tổn não, lìa xa các tổn não, chẳng phải đây, chẳng phải kia, chẳng cao](#)
[chẳng thấp, chẳng buộc chẳng mở,](#)

非有智非無智。非有煩惱非離煩惱。

phi hữu trí phi vô trí . phi hữu phiền não phi ly phiền não .

[chẳng phải có trí chẳng phải không trí, chẳng phải phiền não, chẳng phải xa lìa](#)
[phiền não,](#)

非真實語非虛妄語。非此岸非彼岸。非平非不平。

phi chân thật ngữ phi hư vọng ngữ. phi thử ngạn phi bi ngạn. phi bình phi bất
bình.

[chẳng phải lời chơn thật, chẳng phải lời hư dối, chẳng phải bờ này, chẳng phải](#)
[bờ kia, chẳng phải bình đẳng, chẳng phải không bình đẳng,](#)

非水非陸。非尋伺非離尋伺。非色非非色。

phi thủy phi lục. phi tầm tứ phi ly tầm tứ . phi sắc phi phi sắc .

[chẳng phải nước, chẳng phải khô ráo, chẳng phải dò tìm, chẳng phải xa lìa dò](#)
[tìm, chẳng phải sắc, chẳng phải phi sắc.](#)

妙吉祥。為由大地有高下中容故。

diệu cát tường . vì do Đại địa hữu cao hạ trung dung cố .

[Diệu Cát Tường! Vì do đại địa có cao thấp trung dung](#)

光明照亦下中上影像差別。

quang-minh chiếu diệc hạ trung thượng ảnh tượng sai biệt .

[nên ánh sáng của mặt trời cũng có cao thấp trung dung, ảnh tượng có sai khác.](#)

如來應供正等正覺亦復如是。無生無滅。無諸相狀以離相故。

Như Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác diệc phục như thị . vô sanh vô diệt . vô
chu tướng trạng dĩ ly tướng cố .

[Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, không sanh, không diệt,](#)
[không có các tướng trạng, đã xa lìa các tướng,](#)

復無作意離作意故。無諸戲論離戲論故。

phục vô tác ý ly tác ý cố . vô chu hí luận ly hí luận cố .

[lại không tác ý, lìa xa tác ý, không có hí luận, xa lìa các hí luận,](#)

無諸損惱離損惱故。非此非彼。非高非下。非縛非解。

vô chu tổn não ly tổn não cố. phi thử phi bi. phi cao phi hạ. phi phược phi
giải.

[không tổn não, lìa xa các tổn não, chẳng đây, chẳng kia, chẳng cao chẳng thấp,](#)
[chẳng buộc chẳng mở,](#)

非有智非無智。非有煩惱非離煩惱。

phi hữu trí phi vô trí. phi hữu phiền não phi ly phiền não .

[chẳng có trí, chẳng không trí, chẳng phải phiền não, chẳng phải xa lìa phiền](#)
[não,](#)

非真實語非虛妄語。非此岸非彼岸。非平非不平。

phi chân thật ngữ phi hư vọng ngữ . phi thử ngạn phi bi ngạn . phi bình phi bất
bình .

[chẳng phải lời chơn thật chẳng phải lời hư dối, chẳng phải bờ này chẳng phải bờ](#)
[kia, chẳng phải bình đẳng chẳng phải không bình đẳng,](#)

非水非陸。非一切智非非一切智。

phi thủy phi lục . phi nhất thiết trí phi phi nhất thiết trí .

chẳng phải nước, chẳng phải khô ráo, chẳng phải nhất thiết trí, chẳng phải chẳng nhất thiết trí,

非尋伺非離尋伺。非積集非不積集。非有念非無念。

phi tầm tỳ phi ly tầm tỳ. phi tích tập phi bất tích tập. phi hữu niệm phi vô niệm.

chẳng phải dò tìm, chẳng phải xa lìa dò tìm, chẳng phải tích tụ, chẳng phải không tích tụ, chẳng phải có niệm, chẳng phải không niệm,

非思惟非離思惟。非意生非非意生。非名非非名。

phi tư duy phi ly tư duy. phi ý sanh phi phi ý sanh. phi danh phi phi danh .

chẳng phải tư duy, chẳng phải xa lìa tư duy, chẳng phải ý sanh, chẳng phải chẳng ý sanh, chẳng phải danh, chẳng phải chẳng danh,

非色非非色。非說非非說。非表了非無表了。

phi sắc phi phi sắc. phi thuyết phi phi thuyết. phi biểu liễu phi vô biểu liễu.

chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng phải nói, chẳng phải chẳng nói, chẳng phải tỏ bày, chẳng phải không tỏ bày,

非見非無見。非眼境非非眼境。

phi kiến phi vô kiến . phi nhãn cảnh phi phi nhãn cảnh .

chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy, chẳng phải cỗi của mắt, chẳng phải chẳng cỗi của mắt.

非開導非不開導。非得果非不得果。非分別非不分別。

phi khai đạo phi bất khai đạo . phi đắc quả phi bất đắc quả . phi phân biệt phi bất phân biệt

chẳng phải khai đạo, chẳng phải không khai đạo, chẳng phải đắc quả, chẳng phải không đắc quả, chẳng phải phân biệt, chẳng phải không phân biệt,

非離分別非不離分別。妙吉祥。

phi ly phân biệt phi bất ly phân biệt . diệu cát tường .

chẳng phải xa lìa phân biệt, chẳng phải không xa lìa phân biệt. Diệu Cát Tường!

如來日輪光明。於三界中普遍照曜。所照亦無中邊障礙。

Như Lai nhật luân quang-minh . ở tam giới trung phổ biến chiếu diệu . sở chiếu diệc vô trung biên chướng ngại .

Ánh sáng mặt trời của Như Lai luân chuyển chiếu sáng rộng khắp ở trong ba cõi, chỗ chiếu cũng không ngăn ngại trong ngoài.

如來所放智日光明。先照菩薩深固大山。

Như Lai sở phóng trí nhật quang-minh. tiên chiếu Bồ-tát thâm cố Đại sơn .

Như Lai đã phóng ánh sáng mặt trời trí tuệ, trước hết chiếu Bồ-tát núi lớn vững bền sâu xa,

次照住緣覺乘諸眾生等。

thứ chiếu trụ duyên giác thừa chư chúng sanh đẳng .

thứ đến trụ chiếu tất cả các chúng sanh trụ nơi Duyên giác thừa,

次照住聲聞乘諸眾生等。次照善根深固信解眾生。

thứ chiếu trụ Thanh văn thừa chư chúng sanh đẳng . thứ chiếu thiện căn thâm cố tín giải chúng sanh .

tiếp đến chiếu tất cả các chúng sanh trụ nơi Thanh văn thừa, tiếp đến chiếu nơi các chúng sanh có sức tín giải kiên cố bền chắc.

次照著邊執者。及邪定聚眾生。如來所放智日光明。

thứ chiếu trú biên chấp giả . cập tà định tụ chúng sanh . Như Lai sở phóng trí nhật quang-minh .

Lần lượt chiếu sáng người chấp thủ, cùng với nhóm chúng sanh tà định. Như Lai phóng ánh sáng mặt trời trí tuệ

但為成熟長養諸眾生故。出生未來因故。

đãn vi thành thực trường dưỡng chư chúng sanh cố. xuất sanh vị lai nhân cố .

chỉ vì nuôi lớn thành thực các chúng sanh, xuất sanh nhân đời vị lai,
增長善法語故。如來平等於一切處住平等捨。
tăng trường thiện Pháp ngữ cố. Như Lai bình đẳng u nhất thiết xử trụ bình đẳng
xả.

nói làm cho tăng trường pháp thiện, Như Lai bình đẳng ở tất cả nơi chốn bình
đẳng xả bỏ,

離諸疑惑亦無差別。妙吉祥。

ly chư nghi hoặc diệc vô sai biệt . diệu cát tường .

xa lìa các nghi hoặc cũng không sai biệt. Diệu Cát Tường!

如來智日光明不作是念。此眾生類具大信解。

Như Lai trí nhật quang-minh bất tác thị niệm. thử chúng sanh loại cụ Đại tín
giải.

Ảnh sang mặt trời trí tuệ của Như Lai không nghĩ rằng: Đây là loại chúng sanh
đầy đủ sự tin hiểu lớn,

我當為說廣大之法。此眾生類不為說法亦不分別。

ngã đương vi thuyết quảng Đại chi Pháp . thử chúng sanh loại bất vi thuyết Pháp
diệc bất phân biệt .

Ta nên vì vậy mà nói pháp rộng lớn. Đây là loại chúng sanh không nên nói pháp
cũng không phân biệt.

此類眾生具菩薩信解。此類眾生具緣覺信解。

thử loại chúng sanh cụ Bồ-tát tín giải. thử loại chúng sanh cụ duyên giác tín
giải .

Đây là loại chúng sanh đầy đủ sức tin hiểu nơi Bồ-tát, đây là những chúng sanh
đầy đủ sức tin hiểu nơi Duyên Giác,

此類眾生具聲聞信解。此類眾生有善意樂。

thử loại chúng sanh cụ Thanh văn tín giải. thử loại chúng sanh hữu thiện ý lạc.
những chúng sanh này đủ sức tin giải nơi Thanh văn, những chúng sanh này có ý
thích đều lành,

此類眾生下劣邪意。又復不作如是思惟。

thử loại chúng sanh hạ liệt tà ý . hựu phục bất tác như thị tư duy .

đây là những chúng sanh thấp hèn ý tà vậy. Lại càng không tư duy như vậy:

此大信解眾生。我當為說菩薩之法。此中信解眾生。

thử Đại tín giải chúng sanh . ngã đương vi thuyết Bồ-tát chi Pháp . thử trung
tín giải chúng sanh .

Đây là chúng sanh có sức tin hiểu lớn, Ta nên vì họ mà nói pháp Bồ-tát. Đây là
chúng sanh có sức tin hiểu bậc trung,

我當為說緣覺之法。此下信解眾生。

ngã đương vi thuyết duyên giác chi Pháp . thử hạ tín giải chúng sanh .

Ta nên vì họ mà nói pháp Duyên giác. Đây là chúng sanh có sức tin hiểu bậc hạ,
我當為說聲聞之法。此善意樂及正見眾生。

ngã đương vi thuyết Thanh văn chi Pháp . thử thiện ý lạc cập chánh kiến chúng
sanh .

Ta nên vì họ mà nói pháp Thanh văn. Đây là chúng sanh có ý niệm tốt và có chánh
kiến,

我當為彼清淨意樂。乃至住邪定聚諸眾生等。

ngã đương vi bỉ thanh tịnh ý lạc . nãi chí trụ tà định tụ chư chúng sanh đẳng .

Ta nên vì chúng sanh ấy mà làm ý thích trong sạch, cho đến tất cả những chúng
sanh trụ trong tà định v.v..

隨其所樂當為說法。

tùy kỳ sở lạc đương vi thuyết Pháp .

tùy theo chỗ thích của chúng sanh đó nên vì họ mà nói pháp.

如來智日光明不生如是種種分別。何以故。

Như Lai trí nhật quang-minh bất sanh như thị chủng chủng phân biệt 。 hà dĩ cố 。
Ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai không sinh các thứ phân biệt như thế. Vì sao?

如來智日光明照破一切分別遍計及分別所起。妙吉祥。

Như Lai trí nhật quang-minh chiếu phá nhất thiết phân biệt biến kế cập phân biệt sở khởi 。 diệu cát tường 。

Vì ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai soi chiếu phá tan tất cả phân biệt biến kế và nơi khởi lên phân biệt. Diệu Cát Tường!

當知為諸眾生種種意樂有差別故。

đương tri vi chư chúng sanh chủng chủng ý lạc hữu sai biệt cố 。

Nên biết rằng do ý thích của tất cả chúng sanh có sự sai biệt,

如來智日光明所照亦復差別。

Như Lai trí nhật quang-minh sở chiếu diệc phục sai biệt 。

nên ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai soi chiếu cũng lại sai khác.

復次妙吉祥。又如大海之中。

phục thứ diệu cát tường 。 hựu như Đại hải chi trung 。

Lại nữa Diệu Cát Tường! Giống như ở trong biển lớn,

有能圓滿一切意樂大摩尼寶。置高幢上。

hữu năng viên mãn nhất thiết ý lạc Đại ma-ni bảo 。 trí cao tràng thượng 。

có ngọc quý lớn làm mãn nguyện tất cả ý thích, trang trí trên màn cao,

隨諸眾生所有意樂。自然有聲令其知覺隨意皆得。

tùy chư chúng sanh sở hữu ý lạc 。 tự nhiên hữu thanh lệnh kỳ tri giác tùy ý giai đắc 。

tùy theo những chúng sanh có ý thích, tự nhiên có tiếng khiến cho chúng cảm nhận tùy ý đều được,

然彼大摩尼寶。都無分別不離分別。非心非離心。

nhiên bỉ Đại ma-ni bảo 。 đô vô phân biệt bất ly phân biệt 。 phi tâm phi ly tâm 。

nhưng ngọc quý lớn kia, đều không phân biệt không lìa xa phân biệt, chẳng tâm chẳng rời xa tâm,

非思惟非不思惟。離心意識。妙吉祥。

phi tư duy phi bất tư duy 。 ly tâm ý thức 。 diệu cát tường 。

chẳng phải tư duy chẳng phải không tư duy, xa rời tâm, ý, thức. Diệu Cát Tường!

如來亦復如是。無分別不離分別。非心非離心。

Như Lai diệc phục như thị 。 vô phân biệt bất ly phân biệt 。 phi tâm phi ly tâm 。

Như Lai cũng lại như vậy, không phân biệt không xa rời phân biệt, chẳng phải tâm chẳng phải xa lìa tâm,

非思惟非不思惟。離心意識。無能取無所取。

phi tư duy phi bất tư duy 。 ly tâm ý thức 。 vô năng thủ vô sở thủ 。

chẳng phải tư duy chẳng phải không tư duy, rời xa tâm, ý, thức, không chấp nơi chỗ không chấp,

無當得無已得。無差別諦。無貪無瞋無癡。

vô đương đắc vô dĩ đắc 。 vô sai biệt đế 。 vô tham vô sân vô si 。

không đắc nơi chỗ đã đắc, không sai biệt đế, không tham, không sân, không si,

無實無虛。非常非無常。無光明非無光明。

vô thật vô hư 。 phi thường phi vô thường 。 vô quang-minh phi vô quang-minh 。

không tục không hư, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, không ánh sáng ng chẳng phải không ánh sáng,

非世間非非世間。無尋無伺。無生無滅。

phi thế gian phi phi thế gian 。 vô tâm vô tý 。 vô sanh vô diệt 。

chẳng phải thể gian chẳng phải chẳng thể gian, không tìm kiếm không dò xét, không sanh không diệt,

非思惟非離思惟。無自性無自性空。無出無入。無性可取。

phi tu duy phi ly tu duy . vô tự tánh vô tự tánh không . vô xuất vô nhập . Vô tánh khả thủ .

chẳng phải tu duy chẳng phải xa lìa tu duy, không tự tánh không tự tánh Không, không ra không vào, không tánh có thể thủ lấy,

無言說言說斷故。

vô ngôn thuyết ngôn thuyết đoạn cố .

không lời nói cắt đứt lời nói,

無喜愛無離喜愛喜愛斷故。無數量離數量故。

vô hi ái vô ly hi ái hi ái đoạn cố . vô số lượng ly số lượng cố .

không vui thích không rời yêu thích đoạn tuyệt yêu thích. Không số lượng rời số lượng,

無趣類無趣類所向諸趣斷故。一切所行而悉斷故。

vô thú loại vô thú loại sở hướng chư thú đoạn cố . nhất thiết sở hạnh nhi tất đoạn cố

không cõi loài không hướng đến cõi loài các cõi loài đều đoạn tuyệt, tất cả chỗ làm đều đoạn diệt hết,

無見無觀無所取。非容受非不容受。非和合非不和合。

vô kiến vô quán vô sở thủ . phi dung thọ phi bất dung thọ . phi hòa hợp phi bất hòa hợp .

không thấy không nhìn không chỗ thủ lấy, chẳng phải dung nạp chẳng phải không dung nạp, chẳng phải hoà hợp chẳng phải không hoà hợp,

無分別無計度。無障礙無表示。非染非淨。

vô phân biệt vô kế độ . Vô chướng ngại vô biểu kì . phi nhiễm phi tịnh .

không phân biệt không đo lường, không chướng ngại không tỏ rõ, không nhiễm không tịnh,

無名無色相。無業無業報。無過去無未來無現在。

vô danh vô sắc tướng. vô nghiệp vô nghiệp báo. vô quá khứ vô vị lai vô hiện tại. không danh không sắc tướng không nghiệp không ghiệp báo, không quá khứ không vị lai không hiện tại,

無少法可得。無文字無音聲。離諸音聲故。

vô thiếu Pháp khả đắc . vô văn tự vô âm thanh . ly chư âm thanh cố .

không pháp nhỏ có thể đắc, không văn tự không âm thanh, rời xa các âm thanh,

無相狀離諸相故。非內非外亦非中間。

vô tướng trạng ly chư tướng cố . phi nội phi ngoại diệc phi trung gian .

không tướng trạng rời xa các tướng, chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng chẳng phải trung gian,

而有所得。妙吉祥。如來智寶深心清淨。

nhi hữu sở đắc . diệu cát tường . Như Lai trí bảo thâm tâm thanh tịnh .

mà có chỗ đắc. Diệu Cát Tường! Trí bảo của Như Lai thâm tâm thanh tịnh,

安置大悲最上勝幢。隨諸眾生意樂信解。

an trí Đại bi tối thượng thắng tràng . tùy chư chúng sanh ý lạc tín giải .

an bày tâm đại bi nơi màn thù thắng, tùy theo ý thích các chúng sanh, theo sức tín hiểu của chúng sanh

出妙音聲隨宜說法。令諸眾生成得解了。

xuất Diệu-Âm thanh tùy nghi thuyết Pháp . lệnh chư chúng sanh hàm đắc giải liễu

.

mà xuất ra âm thanh vi diệu tùy nghi mà nói pháp, khiến cho các chúng sanh tất cả được hiểu rõ.

如來平等於一切處住平等捨。離諸疑惑亦無差別。

Nhu Lai bình đẳng u nhất thiết xử trụ bình đẳng xả . ly chu nghi hoặc diệc vô sai biệt .

Nhu Lai bình đẳng ở tất cả nơi chốn, bình đẳng xả bỏ, rời xa nghi hoặc cũng không sai khác.

復次妙吉祥。如響應聲。隨彼響聲眾生知覺。

phục thứ diệc cát tường . nhu hưởng ứng thanh . tùy bỉ hưởng thanh chúng sanh tri giác .

Lại nữa Diệc Cát Tường! Như âm hưởng của tiếng, tùy theo âm hưởng của tiếng ấy mà chúng sanh nhận biết,

是聲無實。非過去非未來非現在。

thị thanh vô thật . phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại .

mà chính tiếng ấy không thực có, chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại,

非內非外亦非中間。而有所得。無生無滅非斷非常。

phi nội phi ngoại diệc phi trung gian . nhi hữu sở đắc . vô sanh vô diệt phi đoạn phi thường .

chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng chẳng phải trung gian mà có chỗ đắc, không sanh, không diệt, không đoạn, không thường,

非有智非無智。非有慧非無慧。非明非非明。

phi hữu trí phi vô trí . phi hữu tuệ phi vô tuệ . phi minh phi phi minh .

chẳng phải có trí chẳng phải không trí, chẳng phải có tuệ chẳng phải không tuệ, chẳng phải sáng chẳng phải chẳng sáng,

非解脫非不解脫。非有罪非無罪。非念非無念。

phi giải thoát phi bất giải thoát . phi hữu tội phi vô tội . phi niệm phi vô niệm .

chẳng phải giải thoát chẳng phải không giải thoát, chẳng phải có tội chẳng phải không tội chẳng phải niệm chẳng phải không niệm,

非有住非無住。非坐非不坐。

phi hữu trụ phi vô trụ . phi tọa phi bất tọa .

chẳng phải có trụ chẳng phải không trụ, chẳng phải ngồi chẳng phải không ngồi,

非地界非水火風界。非有為非無為。非戲論非離戲論。

phi địa giới phi thủy hỏa phong giới . phi hữu vi phi vô vi . phi hí luận phi ly hí luận .

chẳng phải địa giới chẳng phải thủy, hoả, phong giới, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải hí luận chẳng phải xa lìa hí luận,

非有造作非無造作。非見非無見。

phi hữu tạo tác phi vô tạo tác . phi kiến phi vô kiến .

chẳng phải có tạo tác chẳng phải không tạo tác, chẳng phải thấy chẳng phải không thấy,

無文字無音聲。超越音聲故。非稱量出過稱量故。

vô văn tự vô âm thanh . siêu việt âm thanh cố . phi xung lượng xuất quá xung lượng cố .

không văn tự không âm thanh, siêu việt âm thanh, chẳng phải nói lường vượt quá nói lường,

無相狀離諸相故。非寂靜非不寂靜。非長非短。

vô tướng trạng ly chu tướng cố . phi tịch tĩnh phi bất tịch tĩnh . phi trường phi đoản .

không tướng trạng rời xa các tướng, chẳng phải tịch tĩnh chẳng phải không tịch tĩnh, chẳng phải dài chẳng phải ngắn,

非思非無思。非狀貌非無狀貌。

phi tu phi vô tu . phi trạng mạo phi vô trạng mạo .
chẳng phải suy nghĩ chẳng phải không suy nghĩ, chẳng phải hình dáng chẳng phải không hình dáng,
非世間非非世間。諸見自性空。無念無作意。無尋無伺。
phi thể gian phi phi thể gian . chu kiến tự tánh không . vô niệm vô tác ý . vô tâm vô ý .
chẳng phải thể gian chẳng phải chẳng thể gian, các chỗ thấy tự tánh vốn không, không niệm không tác ý, không tìm cầu không dò xét;
離心意識一切處平等。離諸分別出過三世。
ly tâm ý thức nhất thiết xử bình đẳng . ly chu phân biệt xuất quá tam thế .
lìa tâm, ý, thức bình đẳng tất cả nơi; lìa các phân biệt ra khỏi ba đời.
妙吉祥。如來所出種種音聲。皆如響應。
diệu cát tường . Như Lai sở xuất chủng chủng âm thanh . giai nhu hưởng ứng .
Diệu Cát Tường! Như Lai xuất ra các loại âm thanh đều như âm hưởng của tiếng
但隨一切眾生種種意樂。乃出音聲隨宜施設。
đãn tùy nhất thiết chúng sanh chủng chủng ý lạc . nãi xuất âm thanh tùy nghi thí thiết .
chỉ tùy theo các loại ý thích của tất cả chúng sanh, liền xuất ra âm thanh tùy nghi mà thiết lập nên,
令諸眾生皆得解了。如來亦然。非過去未來現在。
lệnh chư chúng sanh giai đắc giải liễu . Như Lai diệc nhiên . phi quá khứ vị lai hiện tại .
khiến cho các chúng sanh đều được hiểu rõ. Như Lai cũng vậy, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại,
非內非外亦非中間。而有所得。
phi nội phi ngoại diệc phi trung gian . nhi hữu sở đắc .
không trong, không ngoài, cũng không trung gian, để có chỗ đắc,
不生不滅不斷不常。非有智非無智。非有慧非無慧。
bất sanh bất diệt bất đoạn bất thường . phi hữu trí phi vô trí . phi hữu tuệ phi vô tuệ .
không sanh, không diệt, không thường, không đoạn, chẳng phải có trí, chẳng phải không trí, chẳng phải có tuệ, chẳng phải không tuệ,
非明非非明。非解脫非不解脫。非有罪非無罪。
phi minh phi phi minh . phi giải thoát phi bất giải thoát . phi hữu tội phi vô tội .
chẳng phải sáng, chẳng phải chẳng sáng, chẳng phải giải thoát, chẳng phải không giải thoát, chẳng phải có tội, chẳng phải không tội,
非念非無念。非有住非無住。非坐非不坐。
phi niệm phi vô niệm . phi hữu trụ phi vô trụ . phi tọa phi bất tọa .
chẳng phải niệm, chẳng phải không niệm, chẳng phải có trụ, chẳng phải không trụ, chẳng phải ngồi, chẳng phải không ngồi,
非地界非水火風界。非有為非無為。
phi địa giới phi thủy hỏa phong giới . phi hữu vi phi vô vi .
chẳng phải địa giới chẳng phải thủy, hỏa, phong giới, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi,
非戲論非離戲論。非見非無見。無文字無音聲。
phi hí luận phi ly hí luận . phi kiến phi vô kiến . vô văn tự vô âm thanh .
chẳng phải hí luận, chẳng phải rời xa hí luận, chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy, không văn tự, không âm thanh,
超越音聲故。非稱量出過稱量故。無相狀離諸相故。

siêu việt âm thanh cổ . phi xung lượng xuất quá xung lượng cổ . vô tướng trạng ly chu tướng cổ .

siêu việt âm thanh, không nói lường, ra khỏi nói lường, không tướng trạng, xa lìa các tướng,

非寂靜非不寂靜。非長非短。非思非無思。

phi tịch tĩnh phi bất tịch tĩnh . phi trường phi đoản . phi tu phi vô tu .
chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải không tịch tĩnh, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải suy nghĩ, chẳng phải không suy nghĩ,

非狀貌非無狀貌。非世間非非世間。

phi trạng mạo phi vô trạng mạo . phi thể gian phi phi thể gian .
chẳng phải hình dáng, chẳng phải không hình dáng, chẳng phải thể gian, chẳng phải chẳng thể gian.

諸見自性空。無念無作意。無尋無伺。離心意識。

chư kiến tự tánh không . vô niệm vô tác ý . vô tầm vô tứ . ly tâm ý thức .
Các chỗ thấy tự tánh vốn không; không niệm, không ác ý; không tìm kiếm, không dò xét; lìa tâm, ý, thức;

一切處平等離諸分別出過三世。妙吉祥。

nhất thiết xử bình đẳng ly chu phân biệt xuất quá tam thế . diệu cát tường .
bình đẳng tất cả nơi rời các phân biệt, vượt ra ba đời. Diệu Cát Tường!

如來隨諸眾生種種信解種種意樂。

Như Lai tùy chư chúng sanh chùng chùng tín giải chùng chùng ý lạc .
Như Lai tùy theo những loại tin hiểu, những loại ý thích của các chúng sanh
出妙音聲隨宜說法。令諸眾生咸得解了。

xuất Diệu-Âm thanh tùy nghi thuyết Pháp . lệnh chư chúng sanh hàm đắc giải liễu .

mà xuất âm thanh vi diệu tùy nghi nói pháp, khiến cho các chúng sanh đều được hiểu rõ.

譬如世間依止於地由地安立一切樹林藥草悉得生成廣多增長。

thí như thế gian y chỉ u địa do địa an lập nhất thiết thụ lâm dược thảo tất đắc
sinh thành quang đa tăng trưởng .

Thí như thế gian nương tựa vào đất, do đất mà an lập, tất cả cây rừng, cỏ thuốc
tất cả được sinh thành, lớn lên rộng rãi,

然彼大地都無分別不離分別。

niên bị Đại địa đô vô phân biệt bất ly phân biệt .

nhưng đại địa kia đều không phân biệt, không rời xa phân biệt,

一切處平等無差別分別離心意識。一切眾生亦復如是。

nhất thiết xử bình đẳng vô sai biệt phân biệt ly tâm ý thức . nhất thiết chúng
sanh diệc phục như thị .

bình đẳng tất cả nơi không phân biệt sai khác, lìa tâm, ý, thức. Tất cả chúng
sanh cũng lại như vậy,

依止如來皆由如來之所安立。

y chỉ Như Lai giai do Như Lai chi sở an lập .

nuơng tựa vào Như Lai đều do nơi Như Lai an lập nên.

一切善根悉得生成廣多增長。

nhất thiết thiện căn tất đắc sinh thành quang đa tăng trưởng .

Tất cả căn lành đều được sinh thành và lớn lên rộng khắp,

所謂聲聞乘緣覺乘菩薩乘。及餘外道梵志尼乾陀等。一切邪外總略。

sở vị Thanh văn thừa duyên giác thừa Bồ-tát thừa . cập dư ngoại đạo phạm chí ni
kiền đà đẳng . nhất thiết tà ngoại tổng lược .

tức là Thanh văn thừa, Duyên giác Thừa, Bồ-tát thừa, ngoài ra cùng với các ngoại
đạo Phạm chí, Ni-càn-đà .v.v. thâm lược tất cả các tà ma ngoại đạo,

乃至邪定聚眾生。彼彼所有善根。

nãi chí tà định tụ chúng sanh . bi bi sở hữu thiện căn .
cho đến nhóm chúng sanh tà định. Tất cả kia có được căn lành
皆悉依止如來安立。悉得生成廣多增長。

giai tất y chỉ Như Lai an lập . tất đặc sanh thành quảng đa tăng trưởng .
đều nương tựa chỗ Như Lai an lập nên. Tất cả đều được sanh thành và lớn lên rộng
khắp

然佛如來都無分別不離分別。一切分別非分別所緣。

nhiên Phật như lai đô vô phân biệt bất ly phân biệt . nhất thiết phân biệt phi
phân biệt sở duyên .

nhưng Phật Như Lai đều không phân biệt, không rời xa phân biệt. Tất cả phân biệt
chẳng phải duyên phân biệt,

作意皆悉斷故。妙吉祥。如來應供正等正覺。

tác ý giai tất đoạn cố . diệu cát tường . Như Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác

.
tác ý đều được đoạn hết. Diệu Cát tường! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác,
離心意識。無尋伺無觀示。無思惟無作意。

ly tâm ý thức . vô tầm tỳ vô quán kì . vô tư duy vô tác ý .

đã lìa tâm, ý, thức; không dò tìm, không xem xét; không tư duy, không tác ý;

於一切處住平等捨悉無差別。

ư nhất thiết xử trụ bình đẳng xả tất vô sai biệt .

tất cả nơi chốn bình đẳng xả bỏ, thầy không sai biệt.

譬如虛空於一切處。無高無下。亦無差別無生無滅。

thí như hư không ư nhất thiết xử . vô cao vô hạ . diệt vô sai biệt vô sanh vô
diệt .

Thí như hư không ở tất cả nơi, không cao, không thấp, cũng không sai khác, không
sanh không diệt,

非過去未來現在。無色相無戲論。

phi quá khứ vị lai hiện tại . vô sắc tướng vô hí luận .

chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, không sắc tướng, không hí luận,

無表示無繫著無稱量無比喻。無安立無所取。

vô biểu kì vô hệ trú vô xung lượng vô bỉ dụ . vô an lập vô sở thủ .

không tỏ bày, không trói buộc không chấp trước, không nói lường không so sánh
thí dụ, không an lập không chỗ thủ lấy,

超眼境界離心意識。乃至超越諸語言道。於一切處悉無所住。

siêu nhãn cảnh giới ly tâm ý thức . nãi chí siêu việt chư ngữ ngôn đạo . ư nhất
thiết xử tất vô sở trụ .

vượt quá cảnh giới của mắt; lìa tâm, ý, thức, cho đến siêu việt con đường ngôn
ngữ. Đối với khắp mọi nơi đều không chỗ trụ.

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第二

Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh
quyển đệ nhị

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm Kinh,
Quyển Thứ Hai.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:59:03 2006

=====

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm Kinh Quyển Thứ Ba

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 359

Hán dịch: Thần Pháp Hộ
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Hiệu đính: Thích Trí Thiện (05/2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation
PO Box 91748, Henderson, NV 89009
Website <http://www.daitangvietnam.com>
Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 359 《佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經》CBETA 電子佛典 V1.13 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 359 《Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.13 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 359 《Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.13 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Vol. 12, No. 359
Thích Trí Thiện hiệu đính

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第三
Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh
quyển đệ tam

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM QUYỂN THỨ BA

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿傳梵大師賜紫沙門臣法護等奉詔譯
Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu tán Đại phu thí quang lộc khanh truyện phạm
Đại sư tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng phụng chiếu dịch

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triêu Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh
Truyện Phạm Đại Sư truyền ban cho Sa-môn Thần Pháp Hộ phụng chiếu dịch.

復次妙吉祥。眾生相狀有下中上故。

phục thứ diệu cát tường。 chúng sanh tướng trạng hữu hạ trung thượng cố。

Lại nữa Diệu Cát Tường! Tướng trạng chúng sanh có hạ, trung, thượng,

乃謂虛空有下中上。如來應供正等正覺亦復如是。

nãi vị hư không hữu hạ trung thượng。 Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác
diệc phục như thị。

cho đến cái gọi là hư không cũng có hạ, trung, thượng。 Như Lai Ứng Cúng Chánh
Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy,

一切處平等無差別分別。無生無滅。

nhất thiết xử bình đẳng vô sai biệt phân biệt。 vô sanh vô diệt。

bình đẳng ở tất cả nơi chốn không phân biệt sai khác, không sanh, không diệt。

非過去未來現在。無色相無戲論。無表示無施設。

phi quá khứ vị lai hiện tại。 vô sắc tướng vô hí luận。 vô biểu kì vô thí thiết。
Chẳng quá khứ, vị lai, hiện tại; không sắc tướng, không hí luận; không phô bày,
không thiết lập;

無覺觸無繫著。無稱量過諸稱量。

vô giác xúc vô hệ phược. vô xung lượng quá chu xung lượng.
không xúc giác, không trói buộc; không nói lường, vượt quá nói lường;
無比喻超越比喻。無住無取超眼境界。離心意識無狀貌。
vô bí dụ siêu việt bí dụ. vô trụ vô thù siêu nhãn cảnh giới. ly tâm ý thức vô
trạng mạo.
không tỷ dụ, siêu việt tỷ dụ; không trụ không giữ, vượt quá cảnh giới của mắt;
không tướng trạng, rời tâm, ý, thức;
無文字無音聲。無作意無出無入。
vô văn tự vô âm thanh. vô tác ý vô xuất vô nhập.
không văn tự, không âm thanh; không tác ý, không ra, không vào,
無高無下超言境界。於一切處隨知隨入。
vô cao vô hạ siêu ngôn cảnh giới. u nhất thiết xử tùy tri tùy nhập.
không cao không thấp vượt quá cảnh giới của lời. Đối với mọi nơi chốn thì tùy
biết tùy vào,
但為眾生有下中上性。故見如來有下中上。妙吉祥。
đãn vi chúng sanh hữu hạ trung thượng tánh. cổ kiến Như-Lai hữu hạ trung
thượng. diệu cát tường.
chỉ vì tánh chúng sanh có bậc hạ, bậc trung, bậc thượng nên thấy Như Lai có hạ,
trung, thượng. Diệu Cát Tường!
如來亦不作是念。今此一類下品信解眾生。
Như-Lai diệc bất tác thị niệm. kim thủ nhất loại hạ phẩm tín giải chúng sanh.
Như Lai cũng không nghĩ rằng: Đây là loại chúng sanh tin hiểu bậc hạ,
我當為現下品身相。此之一類中品信解眾生。
ngã đương vi hiện hạ phẩm thân tướng. thủ chi nhất loại trung phẩm tín giải
chúng sanh.
Ta sẽ thị hiện thân tướng bậc hạ. Đây là loại chúng sanh tin hiểu bậc trung,
我當為現中品身相。此之一類上品信解眾生。
ngã đương vi hiện trung phẩm thân tướng. thủ chi nhất loại thượng phẩm tín giải
chúng sanh.
Ta sẽ thị hiện thân tướng bậc trung. Đây là loại chúng sanh tin hiểu bậc thượng,
我當為現上品身相。如來說法亦復如是。
ngã đương vi hiện thượng phẩm thân tướng. Như-Lai thuyết Pháp diệc phục như
thị.
Ta sẽ thị hiện thân tướng bậc thượng. Như Lai nói thuyết pháp cũng như vậy,
但以一音為眾生說。隨眾生類各得解了。
đãn dĩ nhất âm vi chúng sanh thuyết. tùy chúng sanh loại các đắc giải liễu.
chỉ dùng một âm thanh vì chúng sanh nói Pháp, tùy theo từng loại chúng sanh tất
cả đều được hiểu rõ.
如來又復不作是念。此類眾生下品信解。
Như-Lai hựu phục bất tác thị niệm. thủ loại chúng sanh hạ phẩm tín giải.
Như Lai lại càng không nghĩ rằng: Đây là loại chúng sanh tin hiểu bậc hạ,
我當為說聲聞乘法。此類眾生中品信解。
ngã đương vi thuyết Thanh văn thừa Pháp. thủ loại chúng sanh trung phẩm tín
giải.
Ta sẽ nói pháp Thanh văn thừa. Loại này là chúng sanh tin hiểu bậc trung,
我當為說緣覺乘法。此類眾生上品信解。
ngã đương vi thuyết Duyên giác thừa Pháp. thủ loại chúng sanh thượng phẩm tín
giải.
Ta sẽ nói pháp Duyên giác thừa. Đây là loại chúng sanh tin hiểu bậc thượng,
我當為說菩薩乘法。如來又復不作是念。

ngã đương vi thuyết Bồ-tát thừa Pháp. Như-Lai hựu phục bất tác thị niệm.

Ta sẽ nói pháp Bồ-tát thừa. Như Lai càng không nghĩ rằng:

此類眾生信解布施。我當為說布施波羅蜜多法。

thù loại chúng sanh tín giải bố thí. ngã đương vi thuyết bố thí ba la mật đa Pháp.

Đây là loại chúng sanh tín hiểu bố thí, Ta sẽ nói pháp bố thí Ba-la-mật-đa.

此類眾生信解持戒忍辱精進禪定智慧。

thù loại chúng sanh tín giải trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ.

Đây là loại chúng sanh tín hiểu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ,

我當為說彼等諸波羅蜜多法。如來於諸法中不生分別。

ngã đương vi thuyết bỉ đẳng chư ba la mật đa Pháp. Như-Lai ư chư Pháp trung bất sanh phân biệt.

Ta sẽ nói tất cả pháp Ba-la-mật-đa ấy. Như Lai ở trong các pháp không sanh phân biệt.

何以故。如來法身畢竟無生。如來以無生故。

hà dĩ cố. Như-Lai Pháp thân tất cánh vô sanh. Như-Lai dĩ vô sanh cố.

Vì sao? Vì Pháp thân Như Lai rất ráo không sanh, Như Lai dùng không sanh,不以名色宣說隨識而轉。

bất dĩ danh sắc tuyên thuyết tùy thức nhi chuyển.

không dùng danh sắc tuyên thuyết, tùy theo thức mà chuyển.

如來於剎那間暫無分別。如來具無盡相。盡際實際皆決定故。

Như-Lai ư sát-na gian tạm vô phân biệt. Như-Lai cụ vô tận tướng. tận tế thật tế giai quyết định cố.

Như Lai trong sát-na tạm không phân biệt, Như Lai đầy đủ Vô tận tướng, tận tế, thật tế đều quyết định,

是即一切法平等際。如來應供正等正覺。

thị tức nhất thiết Pháp bình đẳng tế. Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác.

tức là tất cả pháp bình đẳng tế. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác,

一切處平等。無下中上差別分別。一切法平等。

nhất thiết xử bình đẳng. vô hạ trung thượng sai biệt phân biệt. nhất thiết Pháp bình đẳng.

bình đẳng ở tất cả nơi, không phân biệt sai biệt hạ, trung, thượng. Tất cả pháp bình đẳng,

無下中上差別分別。亦復如是。何以故。

vô hạ trung thượng sai biệt phân biệt. diệc phục như thị. hà dĩ cố.

không phân biệt sai khác hạ, trung, thượng, cũng lại như vậy. Vì sao?

以一切法無所得故。妙吉祥。若一切法無所得。

dĩ nhất thiết Pháp vô sở đắc cố. diệu cát tường. nhược nhất thiết Pháp vô sở đắc.

Vì do tất cả pháp không có chỗ đắc. Diệu Cát Tường! Nếu tất cả các pháp không có chỗ đắc,

即一切法平等。若法平等即法常住。

tức nhất thiết Pháp bình đẳng. nhược Pháp bình đẳng tức Pháp thường trụ.

tức tất cả pháp bình đẳng, nếu pháp bình đẳng tức pháp thường trú,

若常住即無動。若無動即無依。若一切法無所依止。

nhược thường trụ tức vô động. nhược vô động tức vô y. nhược nhất thiết Pháp vô sở y chỉ.

nếu thường trú tức không chuyển động, nếu không chuyển động tức không nương tựa, nếu tất cả các pháp không chỗ nương tựa,

即心無所住。心無住故。即無生而生。

tức tâm vô sở trụ. tâm vô trụ cố. tức vô sanh nhi sanh.

tức tâm không chỗ trụ, tâm không chỗ trụ tức không sanh mà sanh.

若如是觀即心心所轉而不顛倒。

nhược như thị quán tức tâm tâm sở chuyển nhi bất điên đảo.

Như vậy mà quán tức tâm, tâm sở chuyển động mà không điên đảo.

彼不顛倒心即如說而得。若如說而得即無戲論。

bỉ bất điên đảo tâm tức như thuyết nhi đắc. nhược như thuyết nhi đắc tức vô hí luận.

Tâm ấy không điên đảo thì theo như lời nói mà đắc, nếu theo như lời nói mà đắc, tức là không hí luận,

若無戲論即無所行。若無所行即無流散。

nhược vô hí luận tức vô sở hạnh. nhược vô sở hạnh tức vô lưu tán.

nếu không hí luận tức không chỗ hành, nếu không chỗ hành tức không tan rã,

若無流散即無聚集。若法無流散即法性無違。

nhược vô lưu tán tức vô tụ tập. nhược Pháp vô lưu tán tức Pháp tánh vô vi.

nếu không tan rã tức không tụ tập, nếu pháp không tan rã tức là pháp tánh không sai trái,

若法性無違即一切處而悉隨順。

nhược Pháp tánh vô vi tức nhất thiết xử nhi tất tùy thuận.

nếu pháp tánh không sai trái tức là tất cả nơi chốn đều tùy thuận,

若一切處隨順即法自性無動。若法自性無動即法自性乃有所得。

nhược nhất thiết xử tùy thuận tức Pháp tự tánh vô động. nhược Pháp tự tánh vô động tức Pháp tự tánh nãi hữu sở đắc.

nếu tùy thuận ở tất cả nơi chốn thì tự tánh của pháp không chuyển động, nếu tự tánh của pháp không chuyển động tức là tự tánh của pháp có chỗ đắc.

若法自性有所得者。即無有少法而可決擇。

nhược Pháp tự tánh hữu sở đắc giả. tức vô hữu thiếu Pháp nhi khả quyết trạch.

Nếu tự tánh của pháp có chỗ đắc, thời không có thiếu pháp để có thể quyết chọn.

何以故。當知因緣所生性故。

hà dĩ cố. đương tri nhân duyên sở sanh tánh cố.

Vì sao? Nên biết nhân duyên là nơi sanh tánh,

若因緣生性即畢竟無生。若畢竟無生即得寂靜。

nhược nhân duyên sanh tánh tức tất cánh vô sanh. nhược tất cánh vô sanh tức đắc tịch tĩnh.

nếu nhân duyên sanh tánh tức là rốt ráo không sanh, nếu rốt ráo không sanh liền được Tịch tĩnh,

若得寂靜即一切法作意悉同無依。

nhược đắc tịch tĩnh tức nhất thiết Pháp tác ý tất đồng vô y.

nếu được Tịch tĩnh thì hết thảy pháp tác ý đều giống nhau không nương tựa,

若一切法作意悉同無依即都無依止。

nhược nhất thiết Pháp tác ý tất đồng vô y tức đô vô y chỉ.

nếu hết thảy pháp tác ý đều giống nhau không nương tựa tức là tất cả đều không nương tựa,

若無依止即無得無非得。若無得無非得即得法常住。

nhược vô y chỉ tức vô đắc vô phi đắc. nhược vô đắc vô phi đắc tức đắc Pháp thường trụ.

nếu không nương tựa tức là không đắc và không phi đắc, nếu không đắc và không phi đắc thì được pháp thường trú,

若得法常住即深固法相應。

nhược đắc Pháp thường trụ tức thâm cố Pháp tướng ứng.

nếu được pháp thường trú tức là pháp tương ứng sâu xa bền chắc,

若深固法相應即無有少法可住。亦無佛法。何以故。覺了空性故。

nhược thâm cố Pháp tướng ứng tức vô hữu thiếu Pháp khả trụ. diệc vô Phật Pháp. hà dĩ cố. giác liễu không tánh cố.

nếu pháp tương ứng sâu xa bền chắc thì không có thiếu pháp để có thể trú, cũng không Phật Pháp. Vì sao? Vì hiểu biết rốt ráo không tánh,

若覺了空性即是菩提。

nhược giác liễu không tánh tức thị bồ đề.

nếu hiểu biết rốt ráo không tánh tức là Bồ-đề.

如是空無相無願無造作。無著無生無取無依。悉覺了故。

như thị không vô tướng vô nguyện vô tạo tác. Vô trước vô sanh vô thủ vô y. tất giác liễu cố.

Như vậy không, không tướng, không nguyện, không tạo tác, không chấp trước, không sanh, không chấp thủ, không nương tựa, hiểu rõ tất cả

即是菩提。菩提者與深固法相應。

tức thị bồ đề. bồ đề giả dữ thâm cố Pháp tướng ứng.

tức là Bồ-đề. Bồ-đề nghĩa là cùng với pháp tương ứng sâu xa bền chắc.

相應之名由是建立。是故無高無下法相應。

tướng ứng chi danh do thị kiến lập. thị cố vô cao vô hạ Pháp tướng ứng.

Tên gọi Tương ứng do đó mà kiến lập nên vì vậy pháp tương ứng không cao, không thấp.

無作非無作相應。無縛無解相應。無一性無多性相應。

vô tác phi vô tác tướng ứng. vô phục vô giải tướng ứng. vô nhất tánh vô đa tánh tướng ứng.

Không tạo tác, chẳng phải không tạo tác tương ứng, không trói buộc, không giải thoát tương ứng, không một tánh, không nhiều tánh tương ứng,

無來無去相應。是即深固法相應。

vô lai vô khứ tướng ứng. thị tức thâm cố Pháp tướng ứng.

không đến, không đi tương ứng tức là pháp tương ứng sâu xa bền chắc.

若深固法相應。彼即無所相應亦無所斷復無果證。

nhược thâm cố Pháp tướng ứng. bi tức vô sở tướng ứng diệc vô sở đoạn phục vô quả chứng.

Nếu pháp tương ứng sâu xa bền chắc thì pháp đó không chỗ tương ứng cũng không chỗ đoạn diệt, lại không có chứng quả.

何以故。心法本來自性明亮。

hà dĩ cố. tâm Pháp bản lai tự tánh minh lượng.

Vì sao? Vì tâm, pháp xưa nay tự tánh vắng lặng

但為客塵煩惱之所坌汚。而實不能染汚自性。

đãn vi khách trần phiền não chi sở bộn ô. nhi thật bất năng nhiễm ô tự tánh.

nhưng chỉ vì phiền não bụi trần làm vẩn đục nhưng thật sự không thể làm ô nhiễm tự tánh.

若自性明亮即無煩惱。若無煩惱即無對治。

nhược tự tánh minh lượng tức vô phiền não. nhược vô phiền não tức vô đối trị.

Nếu tự tánh vắng lặng tức là không còn phiền não, nếu không phiền não tức là không đối trị,

謂以對治煩惱皆悉斷故。所以者何。無已淨。

vị dĩ đối trị phiền não giai tất đoạn cố. sở dĩ giả hà. vô dĩ tịnh.

Nghĩa là dùng đối trị thì phiền não đều được đoạn trừ. Tại sao như vậy? Vì vốn không tịnh,

無當淨不離清淨本來如是。若清淨即無生。若無生即無動。

vô đương tịnh bất ly thanh tịnh bản lai như thị. nhược thanh tịnh tức vô sanh. nhược vô sanh tức vô động.

không phải tịnh, không xa rời thanh tịnh xưa nay như vậy. Nếu thanh tịnh tức là không sanh, nếu không sanh thì không chuyển động,

若無動即斷諸喜悅。一切所愛皆亦斷滅。

nhược vô động tức đoạn chư hi duyệt. nhất thiết sở ái giai diệt đoạn diệt.

nếu không chuyển động thì đoạn trừ các vui vẻ và tất cả yêu thích cũng đều đoạn diệt.

若諸愛滅彼即無生。若法無生即是菩提。

nhược chư ái diệt bỉ tức vô sanh. nhược Pháp vô sanh tức thị bồ đề.

Nếu các ái lạc đoạn diệt thì pháp kia không sanh, nếu pháp không sanh tức là Bồ-đề,

若菩提即平等。若平等即真如。

nhược bồ đề tức bình đẳng. nhược bình đẳng tức chân như.

nếu bồ-đề tức là bình đẳng, nếu pháp bình đẳng tức là chơn như,

若真如即一切有為無為法而悉無住。

nhược chân như tức nhất thiết hữu vi vô vi Pháp nhi tất vô trụ.

nếu là chơn như thì tất cả pháp hữu vi và vô vi đều vô trú,

若真如中無彼有為及無為法即無二施設。

nhược chân như trung vô bỉ hữu vi cập vô vi Pháp tức vô nhị thí thiết.

nếu trong chơn như mà không pháp hữu vi và vô vi tức là thiết lập vô nhị,

若有為無為法無二施設彼即真如。若彼真如即無異真如。

nhược hữu vi vô vi Pháp vô nhị thí thiết bỉ tức chân như. nhược bỉ chân như tức vô dị chân như.

nếu thiết lập vô nhị của pháp hữu vi và vô vi thì pháp kia là chơn như, nếu pháp kia chơn như tức là chơn như không khác,

若無異真如。無種類真如。

nhược vô dị chân như. vô chủng loại chân như.

nếu chơn như không khác thì không có chủng loại chơn như,

若無種類真如即無來真如。若無來真如即無去真如。

nhược vô chủng loại chân như tức vô lai chân như. nhược vô lai chân như tức vô khứ chân như.

nếu không chủng loại chơn như tức là chơn như không đến, nếu chơn như không đến, tức là chơn như không đi,

若無去真如即如所說真如。若如所說真如即無生真如。

nhược vô khứ chân như tức như sở thuyết chân như. nhược như sở thuyết chân như tức vô sanh chân như.

nếu chơn như không đi tức là chơn như như chỗ đã nói, nếu chơn như như chỗ nói tức là chơn như không sanh,

若無生真如即無染無淨。

nhược vô sanh chân như tức vô nhiễm vô tịnh.

nếu chơn như không sanh tức là không nhiễm không tịnh,

若無染無淨即無生無滅。若無生無滅即涅槃平等。

nhược vô nhiễm vô tịnh tức vô sanh vô diệt. nhược vô sanh vô diệt tức Niết-Bàn bình đẳng.

nếu không nhiễm không tịnh tức là không sanh không diệt, nếu không sanh không diệt tức là Niết-bàn bình đẳng,

若涅槃平等即無生死亦無涅槃。若無生死亦無涅槃。

nhược Niết-Bàn bình đẳng tức vô sanh tử diệt vô Niết-Bàn. nhược vô sanh tử diệt vô Niết-Bàn.

nếu niết-bàn bình đẳng tức là không sanh không tử cũng không niết-bàn, nếu không sanh không tử cũng không niết-bàn

即無過去未來現在。若無過去未來現在。

tức vô quá khứ vị lai hiện tại. nhược vô quá khứ vị lai hiện tại.

tức là không quá khứ vị lai hiện tại, nếu không quá khứ không vị lai không hiện tại

即無下中上法。若無下中上法。彼即是真如。

tức vô hạ trung thượng Pháp. nhược vô hạ trung thượng Pháp. bỉ tức thị chân như.

tức là pháp không có hạ trung thượng, nếu pháp không có hạ trung thượng thì pháp ấy chính là Chơn như.

真如之名由是建立。此說真如。亦名實性。

chân như chi danh do thị kiến lập. thù thuyết chân như. diệc danh thật tánh. Tên gọi Chơn như do đây mà kiến lập nên. Đây nói là Chơn như cũng gọi là Thật tánh,

此說實性。亦名如性。此說如性。亦即真如。

thù thuyết thật tánh. diệc danh như tánh. thù thuyết như tánh. diệc tức chân như.

nói Thật tánh cũng gọi là Như tánh, nói Như tánh cũng chính là Chơn như.

真如與我而本無二。亦無種類。

chân như dữ ngã nhi bản vô nhị. diệc vô chủng loại.

Chơn như và ngã vốn không hai, cũng không chủng loại.

無二義者即是菩提。菩提者覺了義。此所說義。

vô nhị nghĩa giả tức thị bồ đề. bồ đề giả giác liễu nghĩa. thù sở thuyết nghĩa.

Nghĩa không hai tức chính là Bồ-đề. Bồ-đề chính là hiểu rõ nghĩa, nghĩa đã nói ở đây

即是證入三解脫門之智。宣說一切法智。

tức thị chứng nhập tam giải thoát môn chi trí. tuyên thuyết nhất thiết Pháp trí.

tức là trí chứng vào Tam giải thoát môn, tuyên thuyết tất cả pháp trí,

解入一切法三世平等。一切法無破壞義。此所說義即是無義。

giải nhập nhất thiết Pháp tam thế bình đẳng. nhất thiết Pháp vô phá hoại nghĩa. thù sở thuyết nghĩa tức thị vô nghĩa.

hiểu nhập tất cả pháp ba đời bình đẳng. Tất cả pháp, nghĩa không phá hoại, nghĩa nói ở đây tức là không nghĩa,

無音聲無記說。無詮表及詮表所起。

vô âm thanh vô kí thuyết. vô thuyên biểu cập thuyên biểu sở khởi.

không âm thanh, không ghi nói, không giảng rõ và không khởi ý giảng rõ.

此說名智。所謂義隨知智識隨知智。此說智義。

thù thuyết danh trí. sở vị nghĩa tùy tri trí thức tùy tri trí. thù thuyết trí nghĩa.

Đây nói danh trí tức là nghĩa tùy theo sự biết của trí, thức tùy theo sự biết của trí. Đây gọi là Trí nghĩa,

即是如性智義。識隨知智義。如是勝義即是法性。

tức thị như tánh trí nghĩa. thức tùy tri trí nghĩa. như thị thắng nghĩa tức thị Pháp tánh.

tức là Như tánh trí nghĩa, thức tùy theo chỗ biết của trí nghĩa. Như vậy Thắng nghĩa tức là pháp tánh,

彼法性義即是義隨知智識隨知智。

bỉ Pháp tánh nghĩa tức thị nghĩa tùy tri trí thức tùy tri trí.

Nghĩa của pháp tánh tức là tùy theo sự biết của trí, thức, tùy theo sự biết của trí.

勝義隨知智。如其法性即如其義。若法性即法住性。

thắng nghĩa tùy tri trí. như kỳ Pháp tánh tức như kỳ nghĩa. nhược Pháp tánh tức Pháp trụ tánh.

Thắng nghĩa tùy theo sự hiểu biết của trí, như pháp tánh ấy, tức như nghĩa ấy.

Nếu pháp tánh tức pháp trú tánh,

法寂靜性。彼法寂靜即無所轉。若法無轉。

Pháp tịch tĩnh tánh. bi Pháp tịch tĩnh tức vô sở chuyển. nhược Pháp vô chuyển.

pháp Tịch tĩnh tánh, pháp ấy Tịch tĩnh tức không có chuyển động; nếu pháp không chuyển động

即文與義而悉平等。若文義平等。

tức văn dữ nghĩa nhi tất bình đẳng. nhược văn nghĩa bình đẳng.

tức là văn và nghĩa tất cả đều bình đẳng; nếu văn và nghĩa bình đẳng

即無二之義平等。若彼義平等義識亦平等。

tức vô nhị chi nghĩa bình đẳng. nhược bi nghĩa bình đẳng nghĩa thức diệc bình đẳng.

thì nghĩa bình đẳng không hai; nếu nghĩa kia bình đẳng, nghĩa thức cũng bình đẳng,

此即是為入無二門平等之智。

thù tức thị vi nhập vô nhị môn bình đẳng chi trí.

đây chính là trí bình đẳng vào cửa không hai.

由是世俗勝義而悉平等。世俗義平等故。即空義平等性平等。

do thị thế tục thắng nghĩa nhi tất bình đẳng. thế tục nghĩa bình đẳng cố. tức không nghĩa bình đẳng tánh bình đẳng.

Do vậy Thế tục, Thắng nghĩa, tất cả đều bình đẳng. Thế tục nghĩa bình đẳng nên Không nghĩa bình đẳng, tánh bình đẳng;

若空性義等故。即補特伽羅平等性平等。

nhược không tánh nghĩa bình đẳng cố. tức bổ đặc dà la bình đẳng tánh bình đẳng.

nếu Không, Tánh, Nghĩa bình đẳng tức là Bồ-đặc-dà-la bình đẳng, tánh bình đẳng;

若補特伽羅平等故。即法平等性平等。

nhược bổ đặc dà la bình đẳng cố. tức Pháp bình đẳng tánh bình đẳng.

nếu Bồ-đặc-dà-la bình đẳng tức là pháp bình đẳng, tánh bình đẳng;

若法平等故。即信解平等性平等。

nhược Pháp bình đẳng cố. tức tín giải bình đẳng tánh bình đẳng.

nếu pháp bình đẳng tức là tín giải bình đẳng, bình đẳng tánh;

若信解平等彼覺了故。即是菩提。妙吉祥。

nhược tín giải bình đẳng bi giác liễu cố. tức thị bồ đề. diệu cát tường.

nếu tin hiểu bình đẳng thì hiểu rất ráo, tức là Bồ-đề. Nay Diệu Cát Tường!

若於色平等性有著有礙者。即於眼有礙。

nhược ư sắc bình đẳng tánh hữu trú hữu ngại giả. tức ư nhãn hữu ngại.

Nếu ở nơi sắc bình đẳng, tánh có chấp trước, có ngăn ngại, tức ở nơi mắt có sự ngăn ngại

以色及眼自性智無所礙故。若於諸見有著有礙者。即於身有礙。

dĩ sắc cập nhãn tự tánh trí vô sở ngại cố. nhược ư chu kiến hữu trú hữu ngại giả. tức ư thân hữu ngại.

do sắc và mắt tự tánh trí không chỗ ngăn ngại; nếu nơi chỗ thấy có chấp trước, có ngăn ngại tức là nơi thân có chỗ ngăn ngại

以諸見趣身中自性空智無所礙故。

dĩ chư kiến thú thân trung tự tánh không trí vô sở ngại cố.

do chỗ thấy ở trong thân, tự tánh vốn không, trí không chỗ ngăn ngại;

若於不深固作意有著有礙者。即於法光明有礙。

nhược u bất thâm cố tác ý hữu trú hữu ngại giả. tức u Pháp quang-minh hữu ngại.

nếu ở nơi tác ý không thâm sâu bền chắc, có chấp trước, có ngăn ngại, tức là nơi ánh sáng pháp có sự ngăn ngại,

以深固作意伺察諸法自性空智無所礙故。

dĩ thâm cố tác ý tỳ sát chư Pháp tự tánh không trí vô sở ngại cố.

mà tác ý sâu xa bền vững, xem xét các pháp, tự tánh vốn không, trí không chỗ ngăn ngại;

若於疑惑垢染有著有礙者。即於解脫有礙。

nhược u nghi hoặc cấu nhiễm hữu trú hữu ngại giả. tức u giải thoát hữu ngại.

nếu ở nơi nghi hoặc, cấu nhiễm có chấp trước, có ngăn ngại tức là ở nơi giải thoát có ngăn ngại,

以信解解脫如實之智無所礙故。

dĩ tín giải giải thoát như thật chi trí vô sở ngại cố.

do tin hiểu, giải thoát trí Như thật nên không chỗ ngăn ngại;

若於懈怠垢染有著有礙者。即於現證堅固精進有礙。

nhược u giải đãi cấu nhiễm hữu trú hữu ngại giả. tức u hiện chứng kiên cố tinh tấn hữu ngại.

nếu giải đãi, cấu nhiễm, có chấp trước, có ngăn ngại tức là ở nơi thị hiện chứng đắc tinh tấn bền vững có sự ngăn ngại,

以如所說法覺了之性無所礙故。

dĩ như sở thuyết Pháp giác liễu chi tánh vô sở ngại cố.

do đã thuyết pháp như vậy nên tánh hiểu rất ráo không có chỗ ngăn ngại;

若於諸障有著有礙者。即於七覺支法有礙。

nhược u chư chướng hữu trú hữu ngại giả. tức u thất giác chi Pháp hữu ngại.

nếu ở nơi các chướng có chấp trước có ngăn ngại tức là ở nơi pháp Thất giác chi có sự ngăn ngại,

以無障解脫智無所礙故。應知一切法自性清淨。

dĩ Vô chướng giải thoát trí vô sở ngại cố. ứng tri nhất thiết Pháp tự tánh thanh tịnh.

do không chướng ngại thì giải thoát trí không chỗ ngăn ngại, nên biết tất cả pháp tự tánh thanh tịnh

但由因緣和合而轉。

đãn do nhân duyên hòa hợp nhi chuyển.

nhưng chỉ do nhân duyên hòa hợp mà có chuyển động.

而諸菩薩當善了知一切法中染因淨因。若染因若淨因。

nhi chư Bồ-tát đương thiện liễu tri nhất thiết Pháp trung nhiễm nhân tịnh nhân.

nhược nhiễm nhân nhược tịnh nhân.

Các vị Bồ-tát phải khéo rõ biết trong tất cả pháp đều có nhân ô nhiễm, nhân thanh tịnh. Hoặc là nhân nhiễm, hoặc là nhân tịnh,

皆清淨已即無所住。謂我所起及見所起是染因。

giai thanh tịnh dĩ tức vô sở trụ. vị ngã sở khởi cập kiến sở khởi thị nhiễm nhân.

tất cả đều thanh tịnh tức là không chỗ trụ. Nghĩa là ngã chấp khởi lên và kiến chấp khởi lên đó là nhân nhiễm.

入無我法忍辱是淨因。我我所見是染因。

nhập vô ngã Pháp nhẫn nhục thị tịnh nhân. ngã ngã sở kiến thị nhiễm nhân.

Vào pháp vô ngã, nhẫn nhục đó là nhân tịnh. Ngã, ngã sở, kiến chấp là nhân nhiễm.

於內寂靜外無所行是淨因。欲瞋害尋是染因。

ư nội tịch tĩnh ngoại vô sở hạnh thị tịnh nhân. dục sân hại tầm thị nhiễm nhân.

Ở bên trong Tịch tĩnh, bên ngoài không chỗ hành là nhân tịnh. Dục, sân, hại, tầm là nhân nhiễm.

慈悲喜捨入伺察法忍辱是淨因。四顛倒是染因。

từ bi hi xả nhập tứ sát Pháp nhẫn nhục thị tịnh nhân. tứ điên đảo thị nhiễm nhân.

Từ, bi, hi, xả vào pháp quán, nhẫn nhục là nhân tịnh. Bốn điên đảo là nhân nhiễm.

四念處是淨因。五蓋是染因。五根是淨因。

tứ niệm xứ thị tịnh nhân. ngũ cái thị nhiễm nhân. ngũ căn thị tịnh nhân.

Bốn niệm xứ là nhân tịnh. Năm triền cái là nhân nhiễm. Năm căn là nhân tịnh.

六處是染因。六念是淨因。七不正法是染因。

lục xứ thị nhiễm nhân. lục niệm thị tịnh nhân. thất bất chánh Pháp thị nhiễm nhân.

Sáu xứ là nhân nhiễm. Sáu niệm là nhân tịnh. Bảy pháp không chân chính là nhân nhiễm.

七覺支法是淨因。八邪法是染因。八正法是淨因。

thất giác chi Pháp thị tịnh nhân. bát tà Pháp thị nhiễm nhân. bát chánh Pháp thị tịnh nhân.

Bảy pháp giác chi là nhân tịnh. Tám pháp tà là nhân nhiễm. Tám chánh pháp là nhân tịnh.

九惱處是染因。九次第定是淨因。

cửu não xứ thị nhiễm nhân. cửu thứ đệ định thị tịnh nhân.

Cửu não xứ là nhân nhiễm. Cửu thứ đệ định là nhân tịnh.

十不善業道是染因。十善業道是淨因。總要而言。

thập bất thiện nghiệp đạo thị nhiễm nhân. thập thiện nghiệp đạo thị tịnh nhân. tổng yếu nhi ngôn.

Mười nghiệp đạo bất thiện là nhân nhiễm. Mười nghiệp đạo thiện là nhân tịnh. Tóm lược mà nói,

一切不善作意皆是染因。

nhất thiết bất thiện tác ý giai thị nhiễm nhân.

tất cả tác ý không tốt đều là nhân nhiễm,

一切善作意皆是淨因。若染因若淨因。彼一切法自性皆空。

nhất thiết thiện tác ý giai thị tịnh nhân. nhược nhiễm nhân nhược tịnh nhân. bi nhất thiết Pháp tự tánh giai không.

tất cả tác ý tốt đều là nhân tịnh. Hoặc là nhân nhiễm, hoặc là nhân tịnh, tất cả pháp ấy tự tánh đều Không.

無眾生無壽者。無養者無補特伽羅。無主宰。

vô chúng sanh vô thọ giả. vô dưỡng giả vô bổ đặc đà la. vô chủ tể.

Không chúng sanh, không thọ giả, không dưỡng giả, không Bổ-đặc-dà-la, không chủ tể,

無攝受無所作。如幻無相內心寂靜。

vô nhiếp thọ vô sở tác. như huyễn vô tướng nội tâm tịch tĩnh.

không nhiếp thọ, không tạo tác. Như huyễn không tướng, bên trong tâm Tịch tĩnh.

若內寂靜是即遍寂。若遍寂即自性。

nhược nội tịch tĩnh tức biên tịch. nhược biên tịch tức tự tánh.

Nếu bên trong Tịch tĩnh, tức là Biên tịch, nếu Biên tịch, tức Tự tánh,

若法自性即無所得。若無所得即無依止。

nhược Pháp tự tánh tức vô sở đắc. nhược vô sở đắc tức vô y chỉ.
 nếu Pháp tự tánh tức là không có chỗ đắc, nếu không có chỗ đắc tức là không
 nương tựa,
 若無依止即如虛空。當知染淨。彼一切法與虛空等。
 nhược vô y chỉ tức như hư không. đương tri nhiễm tịnh. bỉ nhất thiết Pháp dĩ hư
 không đẳng.
 nếu không nương tựa tức là giống như hư không. Nên biết nhiễm và tịnh, tất cả
 pháp ấy cùng với hư không bình đẳng.
 然彼虛空亦不壞法性。何以故。妙吉祥。
 nhiên bỉ hư không diệc bất hoại Pháp tánh. hà dĩ cố. diệu cát tường.
 Tuy nhiên, hư không kia cũng là pháp tánh không hoại diệt. Tại sao? Diệu Cát
 Tường!
 是中無有少法可得若生若滅。妙吉祥白佛言。世尊。
 thị trung vô hữu thiểu Pháp khả đắc nhược sanh nhược diệt. diệu cát tường bạch
 Phật ngôn. Thế tôn.
 Vì trong ấy không có thiểu pháp có thể đắc, hoặc sanh, hoặc diệt. Diệu Cát Tường
 bạch đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
 若爾者如來取證菩提。皆謂何乎。佛言。妙吉祥。
 nhược nhĩ giả Như-Lai thủ chứng bồ đề. giai vị hà hồ. Phật ngôn. diệu cát
 tường.
 Như vậy phải chăng Như Lai đều thủ chứng Bồ-đề. Đức Phật nói: Diệu Cát Tường!
 如來以無根本無住故得菩提。妙吉祥言。
 Như-Lai dĩ vô căn bản vô trụ cố đắc bồ đề. diệu cát tường ngôn.
 Như Lai do không căn bản, không trú cho nên đắc Bồ-đề. Diệu Cát Tường bạch:
 何名根本復何名住。佛言。妙吉祥。有身為根本。
 hà danh căn bản phục hà danh trụ. Phật ngôn. diệu cát tường. hữu thân vi căn
 bản.
 Vì sao gọi là căn bản, sao gọi là trú? Đức Phật nói: Diệu Cát Tường! Có thân là
 căn bản,
 依虛妄分別而住。諸佛如來以菩提平等故。
 y hư vọng phân biệt nhi trụ. chư Phật như lai dĩ ô đề bình đẳng cố.
 nương vào hư vọng phân biệt để trú. Chư Phật Như Lai do Bồ-đề bình đẳng,
 即是一切法平等智。是故說名無根本無住。
 tức thị nhất thiết Pháp bình đẳng trí. thị cố thuyết danh vô căn bản vô trụ.
 tức là tất cả pháp trí bình đẳng, vì vậy gọi là không căn bản, không trụ.
 如來以如是故現成正覺。妙吉祥。
 Như-Lai dĩ như thị cố hiện thành chánh giác. diệu cát tường.
 Như Lai do như vậy nên nay thành chính giác. Diệu Cát Tường!
 當知諸法寂靜近寂。何名寂靜何名近寂。
 đương tri chư Pháp tịch tĩnh cận tịch. hà danh tịch tĩnh hà danh cận tịch.
 Nên biết các pháp Tịch tĩnh, Cận tịch. Sao gọi là Tịch tĩnh, sao gọi là Cận
 tịch? 內謂寂靜外謂近寂。何以故。以眼空故我我所自性亦空。
 nội vị tịch tĩnh ngoại vị cận tịch. hà dĩ cố. dĩ nhãn không cố ngã ngã sở tự
 tánh diệc không.
 Bên trong gọi là Tịch tĩnh, bên ngoài gọi là Cận tịch. Vì sao? Vì do Nhãn không
 nên ngã, ngã sở tự tánh cũng không,
 此名寂靜。知眼空已色無所取。此名近寂。
 thử danh tịch tĩnh. tri nhãn không dĩ sắc vô sở thủ. thử danh cận tịch.
 ấy là Tịch tĩnh. Biết nhãn không xong sắc không chỗ chấp lấy, đó gọi là Cận
 tịch.
 以耳空故我我所自性亦空。此名寂靜。

dĩ nhĩ không cố ngã ngã sở tự tánh diệc không. thù danh tịch tĩnh.
Do nhĩ không nên tự tánh ngã, ngã sở cũng không, đó gọi là Tịch tĩnh.
知耳空已聲無所取。此名近寂。

tri nhĩ không dĩ thanh vô sở thù. thù danh cận tịch.
Biết Nhĩ không xong tiếng không chỗ chấp lấy, đó gọi là Cận tịch.
以鼻空故我我所自性亦空。此名寂靜。知鼻空已香無所取。

dĩ tỷ không cố ngã ngã sở tự tánh diệc không. thù danh tịch tĩnh. tri tỷ không dĩ hương vô sở thù.

Do Tỷ không nên tự tánh ngã, ngã sở cũng không, đó gọi là Tịch tĩnh. Biết Tỷ không xong hương không chỗ chấp lấy.
此名近寂。以舌空故我我所自性亦空。

thủ danh cận tịch. dĩ thiết không cố ngã ngã sở tự tánh diệc không.
Đó gọi là Cận tịch. Do Thiết không nên tự tánh ngã, ngã sở cũng không,
此名寂靜。知舌空已味無所取。此名近寂。

thủ danh tịch tĩnh. tri thiết không dĩ vị vô sở thù. thù danh cận tịch.
đó gọi là Tịch tĩnh. Biết Thiết không xong vị không chỗ chấp lấy, đó gọi là Cận tịch.

以身空故我我所自性亦空。此名寂靜。

dĩ thân không cố ngã ngã sở tự tánh diệc không. thù danh tịch tĩnh.
Do Thân không nên tự tánh ngã, ngã sở cũng không, đó gọi là Tịch tĩnh.
知身空已觸無所取。此名近寂。以意空故我我所自性亦空。

tri thân không dĩ xúc vô sở thù. thù danh cận tịch. dĩ ý không cố ngã ngã sở tự tánh diệc không.

Biết Thân không xong xúc không chỗ chấp lấy, đó gọi là Cận tịch. Do Ý không nên tự tánh ngã, ngã sở cũng không,
此名寂靜。知意空已法無所取。此名近寂。

thủ danh tịch tĩnh. tri ý không dĩ pháp vô sở thù. thù danh cận tịch.
đó là Tịch tĩnh. Biết ý không, xong pháp không chỗ chấp lấy, đó là cận tịch.
妙吉祥。菩提自性明亮。心自性明亮。

diệu cát tường. bồ đề tự tánh minh lượng. tâm tự tánh minh lượng.
Diệu Cát Tường! Bồ-đề tự tánh trong sáng (thanh tịnh), Tâm tự tánh trong sáng,
以何因故。說自性明亮。

dĩ hà nhân cố. thuyết tự tánh minh lượng.
do nhân gì mà nói Tự tánh trong suốt?

謂即自性無染污故與虛空等。虛空自性而悉周遍。如虛空性。

vị tức tự tánh vô nhiễm 汚 cố dữ hư không đẳng. hư không tự tánh nhi tất châu biến. như hư không tánh.

Nghĩa là tự tánh không nhiễm ô nên cùng với hư không bình đẳng, tự tánh hư không đều biến khắp tất cả. Như hư không tánh,
畢竟自性本明亮故。又妙吉祥。菩提無入無出。

tất cánh tự tánh bản minh lượng cố. hựu diệu cát tường. bồ đề vô nhập vô xuất.
tự tánh rất ráo vốn thanh tịnh. Lại nữa Diệu Cát Tường! Bồ-đề không ra, không vào.

何名無入無出。謂無攝取故名無入。

hà danh vô nhập vô xuất. vị vô nhiếp thủ cố danh vô nhập.

Sao gọi là không ra, không vào? Vì không nhiếp thủ nên gọi là không vào;
謂無棄捨故名無出。如來證解無入無出。

vị vô khí xả cố danh vô xuất. Như-Lai chứng giải vô nhập vô xuất.

vì không xả bỏ nên gọi là không vào. Như Lai chứng hiểu không vào không ra,
如所證解即同真如。無此無彼以一切法離彼此故。

như sở chúng giải tức đồng chân như. vô thù vô bi dĩ nhất thiết Pháp ly bi thù cố.

như chỗ chúng hiểu tức cùng giống Chơn như, không này không nọ do tất cả các pháp rời xa này nọ,

是故如來現成正覺。又妙吉祥。菩提無相亦無所緣。

thị cố Như-Lai hiện thành chánh giác. hựu diệu cát tường. bồ đề vô tướng diệc vô sở duyên.

cho nên Như Lai thị hiện Thành chính giác. Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-đề không tướng cũng không sở duyên.

何名無相及無所緣。謂眼識無所得此名無相。

hà danh vô tướng cập vô sở duyên. vị nhãn thức vô sở đắc thù danh vô tướng.

Sao gọi là không tướng và không sở duyên? Vì nhãn thức không chỗ đắc đó gọi là vô tướng,

色無所觀此名無所緣。

sắc vô sở quán thù danh vô sở duyên.

vì sắc không chỗ xem xét đó gọi là không chỗ duyên,

耳識無所得此名無相。聲無所聞此名無所緣。

nhĩ thức vô sở đắc thù danh vô tướng. thanh vô sở văn thù danh vô sở duyên.

vì Nhĩ thức không chỗ đắc đó gọi là không tướng, vì tiếng không chỗ nghe đó gọi là không chỗ duyên,

鼻識無所得此名無相。香無所嗅此名無所緣。

tỷ thức vô sở đắc thù danh vô tướng. hương vô sở khứ thù danh vô sở duyên.

vì tỷ thức không chỗ đắc đó gọi là không tướng, vì hương không chỗ ngửi đó gọi là không chỗ duyên,

舌識無所得此名無相。味無所嘗此名無所緣。

thiệt thức vô sở đắc thù danh vô tướng. vị vô sở thường thù danh vô sở duyên.

vì thiệt thức không chỗ đắc đó gọi là không tướng, vì vị không chỗ nếm đó gọi là không chỗ duyên,

身識無所得此名無相。觸無所覺此名無所緣。

thân thức vô sở đắc thù danh vô tướng. xúc vô sở giác thù danh vô sở duyên.

vì thân thức không chỗ đắc đó gọi là không tướng, vì xúc không chỗ cảm giác đó gọi là không chỗ duyên,

意識無所得此名無相。法無所分別此名無所緣。

ý thức vô sở đắc thù danh vô tướng. Pháp vô sở phân biệt thù danh vô sở duyên.

vì ý thức không chỗ đắc đó gọi là không tướng, vì pháp không chỗ phân biệt đó gọi là không chỗ duyên.

妙吉祥。此等皆是諸聖境界。所有三界非聖境界。

diệu cát tường. thù đẳng giai thị chư Thánh cảnh giới. sở hữu tam giới phi Thánh cảnh giới.

Diệu Cát Tường! Hết thấy điều ấy đều là cảnh giới của các bậc Thánh. Mọi điều trong ba cõi chẳng phải là cảnh giới của bậc Thánh.

由是應行聖境界故。又妙吉祥。

do thị ứng hành Thánh cảnh giới cố. hựu diệu cát tường.

Do vậy nên thực hành cảnh giới của bậc Thánh. Lại nữa, Diệu Cát tường!

菩提非過去未來現在。三世平等故。三輪斷故。三輪者。

bồ đề phi quá khứ vị lai hiện tại. tam thể bình đẳng cố. tam luân đoạn cố. tam luân giả.

Bồ-đề chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, ba đời bình đẳng, đoạn trừ tam-luân. Tam luân là:

謂過去心不轉。未來識無取。現在意無動。

vị quá khứ tâm bất chuyển. vị lai thức vô thủ. hiện tại ý vô động.

Nghĩa là tâm quá khứ không chuyển; thức vị lai không chấp lấy; ý hiện tại không động.

彼心意識設有所住。而無分別不離分別。

bì tâm ý thức thiết hữu sở trụ. nhi vô phân biệt bất ly phân biệt.

Tâm, ý, thức ấy thiết lập nên có chỗ trụ mà không phân biệt, không xa lìa phân biệt,

無計度不離計度。無過去已作。無未來領納。

vô kế độ bất ly kế độ. vô quá khứ dĩ tác. vô vị lai lĩnh nạp.

không đo tính không rời đo tính, không quá khứ để tạo tác, không vị lai để nhận nhận lấy,

無現在戲論。又妙吉祥。菩提非身得。無所為故。

vô hiện tại hí luận. hựu diệu cát tường. bồ đề phi thân đắc. vô sở vi cố.

không hiện tại để hí luận. Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-đề chẳng phải thân đắc, là vô vi.

非身得者。謂即眼識無所了知。

phi thân đắc giả. vị tức nhãn thức vô sở liễu tri.

chẳng phải thân đắc, tức là nhãn thức không chỗ rõ biết.

耳鼻舌身意識無所了知。以非心意識所了知故。即是無為。

nhĩ tỷ thiết thân ý thức vô sở liễu tri. dĩ phi tâm ý thức sở liễu tri cố. tức thị vô vi.

Nhĩ, tỷ, thiết, thân, ý, thức không chỗ rõ biết. Do chẳng phải chỗ rõ biết tâm, ý, thức tức là vô vi.

此說無為。謂即無生無住無滅三輪清淨。

thử thuyết vô vi. vị tức vô sanh vô trụ vô diệt tam luân thanh tịnh.

Đây nói vô vi tức là không sanh, không trụ, không diệt, tam luân thanh tịnh,

如其無為。於有為法應如是知。何以故。

như kỳ vô vi. ư hữu vi Pháp ứng như thị tri. hà dĩ cố.

như vô vi đối với hữu vi nên biết như vậy. Vì sao?

一切法無自性故。以法無自性。即法無有二。又妙吉祥。

nhất thiết Pháp vô tự tánh cố. dĩ Pháp vô tự tánh. tức Pháp vô hữu nhị. hựu diệu cát tường.

Vì tất cả pháp không tự tánh, do pháp không tự tánh tức là pháp không có hai.

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

菩提是無差別句。何名無差別。復何名句。

bồ đề thị vô sai biệt cú. hà danh vô sai biệt. phục hà danh cú.

Bồ-đề là Vô sai biệt cú. Sao gọi là vô sai biệt, sao lại gọi là Cú?

謂無想是無差別。真如是句。無住是無差別。

vị vô tưởng thị vô sai biệt. chân như thị cú. vô trụ thị vô sai biệt.

Vì vô tưởng là không sai biệt, Chơn như là Cú; không trú là không sai biệt,

法界是句。無種種性是無差別。實際是句。

Pháp giới thị cú. vô chủng chủng tánh thị vô sai biệt. thật tế thị cú.

Pháp giới là Cú; không các loại tánh là không sai biệt, thật tế là Cú;

無所緣是無差別。無動是句。空是無差別。

vô sở duyên thị vô sai biệt. vô động thị cú. không thị vô sai biệt.

không chỗ duyên là không sai biệt, không động là Cú; Không là không sai biệt,

無相是句。無尋伺是無差別。無想是句。

vô tướng thị cú. vô tâm tỷ thị vô sai biệt. vô tưởng thị cú.

Không tướng là Cú; không xem xét là không sai biệt, không tưởng là Cú;

無求願是無差別。無眾生是句。眾生無自性是無差別。

vô cầu nguyện thị vô sai biệt. vô chúng sanh thị cú. chúng sanh vô tự tánh thị vô sai biệt.

không cầu nguyện là không sai biệt, không chúng sanh là Cú; chúng sanh không tự tánh là không sai biệt,

虛空是句。無所得是無差別。無生是句。

hư không thị cú. vô sở đắc thị vô sai biệt. vô sanh thị cú.

hư không là Cú; không chỗ đắc là không sai biệt, không sanh là Cú;

無滅是無差別。無為是句。無所行是無差別。

vô diệt thị vô sai biệt. vô vi thị cú. vô sở hạnh thị vô sai biệt.

không diệt là không sai biệt, vô vi là Cú; không chỗ hành là không sai biệt,

菩提是句。寂止是無差別。涅槃是句。

bồ đề thị cú. tịch chỉ thị vô sai biệt. Niết-Bàn thị cú.

Bồ-đề là Cú; tịch tĩnh chỉ quán là không sai biệt, Niết-bàn là Cú;

無所取是無差別。無生是句。又妙吉祥。

vô sở thủ thị vô sai biệt. vô sanh thị cú. hựu diệu cát tường.

không chỗ chấp lấy là không sai biệt, không sanh là Cú. Lại nữa, Diệu Cát Tường!

菩提者非身可證。何以故。身雖有生無思無動。如草木瓦礫。

bồ đề giả phi thân khả chứng. hà dĩ cố. thân tuy hữu sanh vô tư vô động. như thảo mộc ngỗ lịch.

Bồ-đề là chẳng phải thân có thể chứng. Tại sao? Vì thân tuy có sanh không tư duy không động, như cỏ cây ngói đá,

其心如幻。空虛不實無所造作。妙吉祥。

kỳ tâm như huyễn. không hư bất thật vô sở tạo tác. diệu cát tường.

tâm ấy như huyễn, hư không không thật có, không chỗ tạo tác. Diệu Cát Tường!

若於身心如實覺了。即是菩提。

nhược u thân tâm như thật giác liễu. tức thị bồ đề.

Nếu ở nơi thân, tâm hiểu rõ như thật, tức là Bồ-đề,

世俗所行非勝義諦。何以故。勝義諦中無身無心無法無非法。

thế tục sở hạnh phi thắng nghĩa đế. hà dĩ cố. thắng nghĩa đế trung vô thân vô tâm vô Pháp vô phi Pháp.

những việc làm thế tục chẳng phải là Thắng nghĩa đế. Vì sao? Vì trong Thắng nghĩa đế không thân, không tâm, không pháp, không phi pháp,

無實無不實。無真無妄。無語言無非語言。

vô thật vô bất thật. vô chân vô vọng. vô ngữ ngôn vô phi ngữ ngôn.

không thật, không không thật, không chơn, không vọng, không lời nói, chẳng phải không lời nói,

一切法是菩提。所以者何。菩提無處所。

nhất thiết Pháp thị bồ đề. sở dĩ giả hà. bồ đề vô xứ sở.

tất cả pháp là Bồ-đề. Tại sao như vậy? Vì Bồ-đề không có nơi chốn,

非語言詮表。猶如虛空無處所故。

phi ngữ ngôn thuyên biểu. do như hư không vô xứ sở cố.

không có ngôn từ nào để bày tỏ hết, giống như hư không không có nơi chốn,

亦無造作無生無滅。非語言詮表。如來以菩提無處所。

diệc vô tạo tác vô sanh vô diệt. phi ngữ ngôn thuyên biểu. Như-Lai dĩ bồ đề vô xứ sở.

cũng không tạo tác, không sanh, không diệt, chẳng phải lời nói giảng rõ. Như Lai dùng Bồ-đề không nơi chốn,

無造作無生滅。無詮表故。如實如理審伺察時。

vô tạo tác vô sanh diệt. vô thuyên biểu cố. như thật như lý thẩm ty sát thời.

không tạo tác, không sanh diệt, không giảng rõ. Lúc như thật như lý thẩm thấu xem xét,

彼一切法悉無言說。菩提亦復如是。

bì nhất thiết Pháp tất vô ngôn thuyết. bỏ đề diệt phục nhu thị.
tất cả pháp kia đều không lời nào để thuyết nói. Bỏ-đề cũng lại như vậy,
如實伺察時亦無言說。何以故。

như thật tỷ sát thời diệt vô ngôn thuyết. hà dĩ cố.
lúc như thật xem xét cũng không lời nói. Vì sao?

語言無實故無生滅故又妙吉祥。菩提無所取無含藏。何名無所取。

ngữ ngôn vô thật cố vô sanh diệt cố hựu diệu cát tường. bỏ đề vô sở thủ vô hàm
tạng. hà danh vô sở thủ.

Vì lời nói không thật, không sanh, không diệt. Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bỏ-đề
không chấp lấy, không chứa đựng. Sao gọi là không chấp lấy?

何名無含藏。了知眼故名無所取。

hà danh vô hàm tạng. liễu tri nhãn cố danh vô sở thủ.

Sao gọi là chứa đựng? Rõ biết nhãn nên gọi là không chấp lấy,

色無所得名無含藏。了知耳故名無所取。

sắc vô sở đắc danh vô hàm tạng. liễu tri nhĩ cố danh vô sở thủ.

sắc không chỗ đắc nên gọi là không chứa đựng. Rõ biết nhĩ nên gọi là không chấp
lấy,

聲無所得名無含藏。了知鼻故名無所取。

thanh vô sở đắc danh vô hàm tạng. liễu tri tỷ cố danh vô sở thủ.

Thanh không chỗ đắc gọi là không chứa đựng. Rõ biết tỷ nên gọi là không chấp
lấy,

香無所得名無含藏。了知舌故名無所取。

huương vô sở đắc danh vô hàm tạng. liễu tri thiết cố danh vô sở thủ.

Hương không chỗ đắc gọi là không chứa đựng. Rõ biết thiết nên gọi là không chấp
lấy,

味無所得名無含藏。了知身故名無所取。觸無所得名無含藏。

vị vô sở đắc danh vô hàm tạng. liễu tri thân cố danh vô sở thủ. xúc vô sở đắc
danh vô hàm tạng.

vị không chỗ đắc gọi là không chứa đựng. Rõ biết thân nên gọi là không chấp lấy,
xúc không chỗ đắc gọi là chứa đựng.

了知意故名無所取。法無所得名無含藏。

liễu tri ý cố danh vô sở thủ. Pháp vô sở đắc danh vô hàm tạng.

Rõ biết ý nên gọi là không chấp lấy, pháp không chỗ đắc gọi là không chứa đựng.

如來以是無所取無含藏故。

Như-Lai dĩ thị vô sở thủ vô hàm tạng cố.

Như Lai dùng chính cái không chấp lấy, không chứa đựng

現證菩提證菩提已。於眼無所取色無所得眼識無住。

hiện chứng bỏ đề chúng bỏ đề dĩ. ư nhãn vô sở thủ sắc vô sở đắc nhãn thức vô
trụ.

mà thị hiện chúng đắc Bỏ-đề, chúng đắc Bỏ-đề xong, ở nơi mắt không chấp lấy, sắc
không chỗ đắc, nhãn thức không trụ;

耳無所取聲無所得耳識無住。

nhĩ vô sở thủ thanh vô sở đắc nhĩ thức vô trụ.

tai không chấp lấy, tiếng không chỗ đắc, nhĩ thức không trụ;

鼻無所取香無所得鼻識無住。舌無所取味無所得舌識無住。

tỷ vô sở thủ huương vô sở đắc tỷ thức vô trụ. thiết vô sở thủ vị vô sở đắc thiết
thức vô trụ.

tỷ không chấp lấy, hương không chỗ đắc, tỷ thức không trú; thiết không chấp lấy,
vị không chỗ đắc, thiết thức không trụ;

身無所取觸無所得身識無住。

thân vô sở thủ xúc vô sở đắc thân thức vô trụ.

thân không chấp lấy, xúc không chỗ đắc, thân thức không trú;

意無所取法無所得意識無住。以識無住故。

ý vô sở thủ Pháp vô sở đắc ý thức vô trụ. dĩ thức vô trụ cố.

ý không chấp lấy, pháp không chỗ đắc, ý thức không trú. Do thức không trụ

乃名如來應供正等正覺。又妙吉祥當知。

nãi danh Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác. hựu diệu cát tường đương tri. mới gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, Diệu Cát Tường nên biết!

眾生有四種法而住於心。何等為四。

chúng sanh hữu tứ chủng Pháp nhi trụ u tâm. hà đẳng vi tứ.

Chúng sanh có bốn loại pháp để trụ nơi tâm. Những gì là bốn?

謂色受想行一切眾生而住其心。謂以眾生於四法中心有住故。

vị sắc thọ tướng hành nhất thiết chúng sanh nhi trụ kỳ tâm. vị dĩ chúng sanh u tứ Pháp trung tâm hữu trụ cố.

Tức là sắc, thọ, tướng, hành tất cả chúng sanh trụ trong tâm ấy. Nghĩa là do chúng sanh ở trong bốn pháp tâm có chỗ trụ.

如來乃說。不生不滅無所了知。

Như-Lai nãi thuyết. bất sanh bất diệt vô sở liễu tri.

Như Lai mới nói không sanh, không diệt, không chỗ rõ biết.

建立菩提名之為空。以菩提空故。即一切法空如來亦空。

kiến lập bồ đề danh chi vi không. dĩ ô đề không cố. tức nhất thiết Pháp không Như-Lai diệt không.

Kiến lập Bồ-đề gọi là Không. Do Bồ-đề Không tức là tất cả pháp không, Như Lai cũng không.

以是空故現成正覺。妙吉祥。

dĩ thị không cố hiện thành chánh giác. diệu cát tường.

Do chính điều không ấy nên thị hiện Thành Chánh Giác. Diệu Cát Tường!

非為空故取證菩提亦空。當知法中有一理智。所謂空性。

phi vi không cố thủ chúng bồ đề diệt không. đương tri Pháp trung hữu nhất lý trí. sở vị không tánh.

Chẳng phải là Không nên chấp lấy chúng Bồ-đề cũng không, nên biết trong Pháp có một lý trí, cho nên gọi là không Tánh.

以菩提不空故即菩提無二。

dĩ ô đề bất không cố tức bồ đề vô nhị.

Do Bồ-đề chẳng không tức là Bồ-đề không hai,

是故菩提及空悉無種類。何以故。彼一切法本無二故。

thị cố bồ đề cập không tất vô chủng loại. hà dĩ cố. bỉ nhất thiết Pháp bản vô nhị cố.

cho nên Bồ-đề và Không tất cả đều không chủng loại. Vì Sao? Vì tất cả pháp ấy vốn là không hai,

無狀貌無種類。無名無相離心意識。

vô trạng mạo vô chủng loại. vô danh vô tướng ly tâm ý thức.

không tướng mạo, không chủng loại, không danh, không tướng, rời tâm ý thức, vô sinh vô diệt vô hành vô bất hành. 亦無積集無文字無忘失。由如是故。

vô sanh vô diệt vô hành vô bất hành. diệt vô tích tập vô văn tự vô vong thất. do như thị cố.

không sanh, không diệt, không hành, không bất hành, cũng không tích tụ, không văn tự, không quên mất. Do như vậy nên

乃說諸法空無所取。此中所說非勝義諦。

nãi thuyết chu Pháp không vô sở thủ. thủ trung sở thuyết phi thắng nghĩa đế.
nói các pháp không, không chỗ chấp thủ. Trong đây nói chẳng phải là Thắng nghĩa đế,

謂勝義諦中無法可得乃說名空。妙吉祥。

vị thắng nghĩa đế trung vô Pháp khả đắc nãi thuyết danh không. diệu cát tường.
vì trong Thắng nghĩa đế không có pháp có thể đắc nên có tên gọi là không. Diệu Cát Tường!

譬如虛空故。此說虛空者。謂無言故名為虛空。

thí như hư không cố. thủ thuyết hư không giả. vị vô ngôn cố danh vi hư không.
Thí như hư không, đây nói là hư không vì không lời nên gọi tên là hư không.

妙吉祥。空亦復如是。此所說空。

diệu cát tường. không diệc phục như thị. thủ sở thuyết không.

Diệu Cát Tường! Không cũng lại như vậy, ở đây nói Không

謂無言故名之為空。若如是解入即一切法無名。

vị vô ngôn cố danh chi vi không. nhược như thị giải nhập tức nhất thiết Pháp vô danh.

vì không lời nên gọi tên là Không, nếu giải thích như thì tất cả pháp không tên gọi.

以無名故彼一切法假名施設。妙吉祥。

dĩ vô danh cố bỉ nhất thiết Pháp giả danh thí thiết. diệu cát tường.

Do không tên gọi nên tất cả pháp ấy đều do giả danh thiết lập nên. Diệu Cát tường!

名者不在方不離方。如名不在方不離方故。

danh giả bất tại phương bất ly phương. như danh bất tại phương bất ly phương cố.

Danh nghĩa là không nơi chốn, không xa lìa nơi chốn; nếu Danh không nơi chốn, không rời xa nơi chốn,

於法名字乃有所說。其所說法亦不在方不離方。

ư Pháp danh tự nãi hữu sở thuyết. kỳ sở thuyết Pháp diệc bất tại phương bất ly phương.

thì ở nơi pháp, danh, tự có chỗ nói, Pháp có chỗ thuyết đó cũng là không nơi chốn, không xa rời nơi chốn.

彼一切法亦復如是。如來了知本來如是。

bỉ nhất thiết Pháp diệc phục như thị. Như-Lai liễu tri bản lai như thị.

Tất cả pháp ấy cũng lại như vậy. Như Lai rõ biết xưa nay như vậy,

不生不滅無起無相。離心意識無文字無音聲。

bất sanh bất diệt vô khởi vô tướng. ly tâm ý thức vô văn tự vô âm thanh.

không sanh, không diệt, không khởi, không tướng, lìa tâm ý thức, không văn tự, không âm thanh,

如所了知亦然解脫如吉祥。當知一切法無縛無解。

nư sở liễu tri diệc nhiên giải thoát Diệu cát tường. đương tri nhất thiết Pháp vô phục vô giải.

nư chỗ liễu tri cũng như giải thoát. Diệu Cát Tường! Nên biết tất cả pháp không buộc, không giải.

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第三

Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh quyển đệ tam

Phật Thuyết Kinh Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm, Quyển Thứ Ba.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:59:11 2006

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm Kinh Quyển Thứ Tư

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 359

**Hán dịch: Thần Pháp Hộ
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Hiệu đính: Thích Trí Thiện (05/2007)**



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 359 《佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經》CBETA 電子佛典 V1.13 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 359 《Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh 》CBETA điện tử Phật Điển V1.13 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 359 《Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh 》CBETA điện tử Phật Điển V1.13 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Vol. 12, No. 359
Thích Trí Thiện hiệu đính

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第四
Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí
quang-minh trang nghiêm Kinh quyển đệ tứ

**KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT
CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM**
Quyển Thứ Tư

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿傳梵大師賜紫沙門臣法護等奉詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu tán Đại phu thí quang lộc khanh truyện phạm
Đại sư tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng phụng chiếu dịch

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triêu Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh
Truyện Phạm Đại Sư truyền lệnh, Sa-môn Thần Pháp Hộ phụng chiếu dịch.

佛言。妙吉祥。菩提者與虛空等。

Phật ngôn. diệu cát tường. Bồ-đề giả dĩ hư không đẳng

Đức Phật nói rằng: *Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề cùng với hư không bình đẳng.*

謂以虛空無高無下。菩提亦然無高無下。

vị dĩ hư không vô cao vô hạ. Bồ-đề diệt nhiên vô cao vô hạ.

Nghĩa là do hư không không cao, không thấp; Bồ-đề cũng như vậy, không cao, không thấp.

由是如來成等正覺。雖成正覺。

do thị Như-Lai thành đẳng chánh giác. tuy thành chánh giác.

Do vậy, Như Lai thành Đẳng Chánh Giác; tuy thành Chánh Giác

亦無少法如微塵許若高若下諸所施作。此如是法若如是知即是實智。

diệc vô thiểu Pháp như vi trần hứa nhược cao nhược hạ chư sở thi tác. thử như
thị Pháp nhược như thị tri tức thị thật trí.

nhưng cũng không có thiếu pháp như cỗi vi trần hoặc cao hoặc thấp các chỗ thiết tạo nên, pháp như thị và Tri như thị tức là Thật trí.

妙吉祥。以何義故名為實智。

diệu cát tường. dĩ hà nghĩa cổ danh vi thật trí.

Diệu Cát Tường! Do nghĩa gì mà có tên Thật trí?

謂一切法了無根本無生無滅。彼無實性亦無所得。

vị nhất thiết Pháp liễu vô căn bản vô sanh vô diệt. bỉ vô thật tánh diệc vô sở đắc.

Vì hết thảy pháp hoàn toàn không gốc rễ, không sanh, không diệt, pháp ấy không thật tánh, cũng không chỗ đắc.

若有實性即是滅法。彼雖有生而無主宰復無攝受。

nhược hữu thật tánh tức thị diệt Pháp. bỉ tuy hữu sanh nhi vô chủ tể phục vô nhiếp thọ.

Nếu có thật tánh tức là diệt pháp, pháp ấy tuy có sanh mà không có chủ tể lại không nhiếp thọ.

妙吉祥。若無主宰無攝受法即是滅法。

diệu cát tường. nhược vô chủ tể vô nhiếp thọ Pháp tức thị diệt Pháp.

Diệu Cát Tường! Nếu Pháp không chủ tể, không nhiếp thọ tức là diệt pháp.

此等諸法若生若滅。當知皆是緣法所轉。

thử đẳng chư Pháp nhược sanh nhược diệt. đương tri giai thị duyên Pháp sở chuyển.

Tất cả pháp ở đây hoặc sanh hoặc diệt, nên biết đó đều là do nhân duyên pháp chuyển,

亦非此中有少法可轉。

diệc phi thử trung hữu thiếu Pháp khả chuyển.

cũng chẳng phải ở trong đó có thiếu pháp có thể chuyển.

然佛如來不於諸法說斷滅相。

nhiên Phật như lai bất ư chư Pháp thuyết đoạn diệt tướng.

Tuy nhiên, Phật Như Lai không ở nơi các Pháp nói tướng đoạn diệt.

復次妙吉祥。菩提者即是如說句。

phục thứ diệu cát tường. Bồ-đề giả tức thị như thuyết cú.

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-đề tức là như thị thuyết cú.

以何義故名如說句。如說句者即是菩提。

dĩ hà nghĩa cổ danh như thuyết cú. như thuyết cú giả tức thị Bồ-đề.

Do nghĩa gì mà gọi là như thị thuyết cú? Vì Thuyết cú như thật tức là Bồ-đề.

如其菩提色受想行識亦然。而不離真如。

như kỳ Bồ-đề sắc thọ tưởng hành thức diệc nhiên. nhi bất ly chân như.

Bồ-đề như vậy nên ấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy nhưng không là Chơn như.

如其菩提眼耳鼻舌身意。色聲香味觸法處亦然。

như kỳ Bồ-đề nhãn nhĩ tỷ thiết thân ý. sắc thanh hương vị xúc Pháp xứ diệc nhiên.

Như Bồ-đề ấy nên nhãn, nhĩ, tỷ, thiết, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, xứ cũng như vậy

而不離真如。如其菩提眼界色界眼識界。

nhi bất ly chân như. như kỳ Bồ-đề nhãn giới sắc giới nhãn thức giới.

nhưng không là Chơn như. Như Bồ-đề ấy nên nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới;

耳界聲界耳識界。鼻界香界鼻識界。舌界味界舌識界。

nhĩ giới thanh giới nhĩ thức giới. tỷ giới hương giới tỷ thức giới. thiết giới

vị giới thiết thức giới.

nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiết giới, vị giới, thiết thức giới;

身界觸界身識界。意界法界意識界亦然。

thân giới xúc giới thân thức giới. ý giới Pháp giới ý thức giới diệc nhiên.

thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng như vậy,

而不離真如。如其菩提地界水界火界風界亦然。

nhĩ bất ly chân như. như kỳ Bồ-đề địa giới thủy giới hỏa giới phong giới diệc nhiên.

nhưng không lìa Chơn như. Như Bồ-đề ấy nên địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới cũng như vậy,

而不離真如。此等諸法如是施設。

nhĩ bất ly chân như. thù đẳng chu Pháp như thị thi thiết.

nhưng không lìa Chơn như. Ở đây tất cả các pháp đều thiết lập như vậy.

其所施設謂蘊處界。由是如來成等正覺。

kỳ sở thí thiết vị uẩn xử giới. do thị Như-Lai thành đẳng chánh giác.

Chỗ thiết lập ấy là uẩn, xử, giới. Do vậy, Như Lai thành Đẳng Chánh Giác.

所成正覺離顛倒法。如其先法後法亦然中法亦然。

sở thành chánh giác ly điên đảo Pháp. như kỳ tiên Pháp hậu Pháp diệc nhiên trung Pháp diệc nhiên.

Chỗ thành Chánh Giác lìa xa pháp điên đảo. Giống như pháp trước, pháp sau cũng như vậy, pháp giữa cũng như vậy,

前際不生後際不去中際性離。

tiền tế bất sanh hậu tế bất khứ trung tế tánh ly.

Tiền tế không sanh, hậu tế không đi, trung tế tánh xa rời.

此如是法是即名為如所說句。如其一法多法亦然。

thử như thị Pháp thị tức danh vi như sở thuyết cú. như kỳ nhất Pháp đa Pháp diệc nhiên.

Pháp ấy như vậy tức chính là tên gọi Như thuyết cú. Một pháp như vậy thì nhiều pháp cũng như vậy;

如其多法一法亦然。妙吉祥。若一性若多性皆無所得。

như kỳ đa Pháp nhất Pháp diệc nhiên. diệu cát tường. nhược nhất tánh nhược đa tánh giai vô sở đắc.

nhieu pháp như vậy nên một pháp cũng như vậy. Diệu Cát Tường! Hoặc một tánh, hoặc nhiều tánh đều không có chỗ đắc;

若有相若無相無入無住。

nhược hữu tướng nhược vô tướng vô nhập vô trụ.

hoặc có tướng, hoặc không tướng, không nhập, không trú.

何名為相何名無相。所言相者。謂即生起一切善法。言無相者。

hà danh vi tướng hà danh vô tướng. sở ngôn tướng giả. vị tức sanh khởi nhất thiết thiện Pháp. ngôn vô tướng giả.

Sao gọi là tướng, sao gọi là không tướng? Cái gọi là tướng là vì sanh khởi tất cả pháp thiện; Cái gọi là không tướng

謂一切法無所得故。

vị nhất thiết Pháp vô sở đắc cố.

tức là tất cả pháp không chỗ đắc.

又相者謂即心無所住分位。無相者即無相三摩地解脫法門。

hựu tướng giả vị tức tâm vô sở trụ phân vị. vô tướng giả tức vô tướng Tam Ma Địa giải thoát Pháp môn.

Lại gọi là tướng là vì tâm không chỗ trú không phân vị. Không tướng tức là Pháp môn Vô tướng tam-ma-địa giải thoát.

又相者即一切法思惟稱量算數伺察。

hựu tướng giả tức nhất thiết Pháp tu duy xung lượng toán số ty sát.

Lại gọi là tướng tức là tất cả pháp Tu duy, Xung lượng, Toán số, Ty sát.

無相者謂出過稱量。何名出過稱量。謂識法無故。

vô tướng giả vị xuất quá xung lượng. hà danh xuất quá xung lượng. vị thức Pháp vô cố.

Không tướng là vì vượt quá Xung lượng. Sao gọi là vượt quá Xung lượng? Vì Thức, Pháp đều không.

又相者即有為伺察。無相者即無為伺察。

hựu tướng giả tức hữu vi ty sát. vô tướng giả tức vô vi ty sát.

Lại gọi là tướng tức là Hữu vi quán. Không tướng tức là Vô vi quán.

復次妙吉祥。菩提者即是無漏無取。

phục thứ diệu cát tường. Bồ-đề giả tức thị vô lậu vô thủ.

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-đề tức là Vô lậu, Vô thủ.

何名無漏。何名無取。無漏者。謂離四種有漏之法。

hà danh vô lậu. hà danh vô thủ. vô lậu giả. vị lý tứ chủng hữu lậu chi Pháp.

Sao gọi là Vô lậu, sao gọi là Vô thủ? Vô lậu là vì xa lìa bốn pháp Hữu lậu.

何等為四。一者欲漏。二者有漏。三者無明漏。

hà đẳng vi tứ. nhất giả dục lậu. nhị giả hữu lậu. tam giả vô minh lậu.

Những gì là bốn? Một là Dục lậu; hai là Hữu lậu; ba là Vô minh lậu;

四者見漏。無取者。謂離四種取著之法。

tứ giả kiến lậu. vô thủ giả. vị lý tứ chủng thủ trước chi Pháp.

bốn là Kiến lậu. Vô thủ là vì xa lìa bốn pháp Thủ trước.

何等為四。一者欲取。二者見取。三者戒禁取。

hà đẳng vi tứ. nhất giả dục thủ. nhị giả kiến thủ. tam giả giới cấm thủ.

Những gì là bốn? Một là Dục thủ; hai là Kiến thủ; ba là Giới cấm thủ;

四者我語取。如是四取。

tứ giả ngã ngữ thủ. như thị tứ thủ.

bốn là Ngã ngữ thủ. Bốn thủ như vậy,

悉由無明暗蔽愛法滋潤互相取著。妙吉祥。若或本初於我語取根本。

tất do vô minh ám tế ái Pháp tu nhuận hỗ tương thủ trước. diệu cát tường. nhược

hoặc bốn sơ u ngã ngữ thủ căn bản.

tất cả đều do vô minh che lấp, tham ái thấm nhuận, cùng nhau chấp trước. Diệu

Cát Tường! Nếu như lúc đầu có thể rõ biết gốc rễ nơi Ngã ngữ thủ,

能了知者即我清淨。我清淨已。

năng liễu tri giả tức ngã thanh tịnh. ngã thanh tịnh dĩ.

tức là Ngã thanh tịnh; ngã thanh tịnh rồi,

隨知一切眾生清淨。由我清淨故即彼一切眾生清淨。

tùy tri nhất thiết chúng sanh thanh tịnh. do ngã thanh tịnh cố tức bi nhất thiết

chúng sanh thanh tịnh.

theo đó biết tất cả chúng sanh thanh tịnh. Do Ngã thanh tịnh nên tất cả chúng

sanh kia đều thanh tịnh.

若一切眾生清淨即法無二無二種類。

nhược nhất thiết chúng sanh thanh tịnh tức Pháp vô nhị vô nhị chủng loại.

Nếu tất cả chúng sanh thanh tịnh tức là pháp không hai, không hai là chủng loại.

彼無二義即無生無滅。妙吉祥。

bi vô nhị nghĩa tức vô sanh vô diệt. diệu cát tường.

Pháp ấy không hai nghĩa tức là không sanh, không diệt. Diệu Cát Tường!

若無生無滅即無心意識可轉。若無心意識可轉即無分別。

nhược vô sanh vô diệt tức vô tâm ý thức khả chuyển. nhược vô tâm ý thức khả chuyển tức vô phân biệt.

Nếu không sanh, không diệt tức là không tâm ý thức có thể chuyển; nếu không tâm ý thức có thể chuyển tức là không phân biệt;

若無分別即深固作意相應無明不能發起。

nhược vô phân biệt tức thâm cố tác ý tướng ứng vô minh bất năng phát khởi.

nếu không phân biệt tức là cùng với tác ý sâu bền tương ứng, vô minh không thể phát khởi được;

若彼無明不發起者。即十二有支亦不生長。

nhược bi vô minh bất phát khởi giả. tức thập nhị hữu chi diệt bất sanh trường.

nếu vô minh kia không thể phát khởi tức là mười hai nhân duyên cũng không sanh trường;

若十二有支不生長者即法無生。

nhược thập nhị hữu chi bất sanh Trường-Giả tức Pháp vô sanh.

nếu mười hai nhân duyên không sanh trường tức là pháp không sanh;

若法無生即法決定。若法決定即調伏義。若調伏義即是勝義。

nhược Pháp vô sanh tức Pháp quyết định. nhược Pháp quyết định tức điều phục

nghĩa. nhược điều phục nghĩa tức thị thắng nghĩa.

nếu pháp không sanh tức là pháp quyết định; nếu pháp quyết định tức là Điều phục nghĩa; nếu Điều phục nghĩa tức là Thắng nghĩa;

若其勝義即離補特伽羅義。

nhược kỳ thắng nghĩa tức ly bỏ đặc dà la nghĩa.

nếu Thắng nghĩa tức là lìa Bỏ-đặc-dà-la nghĩa;

若離補特伽羅義即不可說義。若不可說義即緣生義。

nhược ly bỏ đặc dà la nghĩa tức bất khả thuyết nghĩa. nhược bất khả thuyết nghĩa tức duyên sanh nghĩa.

nếu lìa Bỏ-đặc-dà-la nghĩa tức là Bất khả thuyết nghĩa; nếu bất khả thuyết nghĩa, tức là Duyên sanh nghĩa;

若緣生義即是法義。若法義即如來義。如是所說。

nhược duyên sanh nghĩa tức thị Pháp nghĩa. nhược Pháp nghĩa tức Như-Lai

nghĩa. như thị sở thuyết.

nếu Duyên sanh nghĩa tức là Pháp nghĩa; nếu là pháp nghĩa tức là Như Lai nghĩa.

Nói như vậy đó,

若見緣生即能見法。若能見法即見如來。

nhược kiến duyên sanh tức năng kiến Pháp. nhược năng kiến Pháp tức kiến Như-Lai.

nếu thấy nhân duyên thì có thể thấy pháp; nếu có thể thấy pháp tức là thấy Như Lai.

彼諸所見。若其如理審伺察時。

bì chư sở kiến. nhược kỳ như lý thâm ty sát thời.

Thấy được như vậy, nếu khi quán sát như lý

是中亦無少法可見。妙吉祥。何名少法。謂心所緣。

thị trung diệt vô thiếu Pháp khả kiến. diệu cát tường. hà danh thiếu Pháp. vị tâm sở duyên.

thì trong cái thấy ấy cũng không có thiếu pháp có thể thấy. Diệu Cát Tường! Sao gọi là Thiếu pháp? Vì sở duyên của Tâm,

若無心所緣即無所見。由如是法故如來成等正覺。

nhược vô tâm sở duyên tức vô sở kiến. do như thị Pháp cố Như-Lai thành đẳng chánh giác.

nếu tâm không sở duyên thì không có chỗ thấy. Do pháp như vậy nên Như Lai thành Đẳng Chánh Giác.

平等故平等。

bình đẳng cố bình đẳng。

Bình đẳng tất cả。

復次妙吉祥。菩提者。是清淨義。無垢義。

phục thứ diệu cát tường。Bồ-đề giả。thị thanh tịnh nghĩa。vô cấu nghĩa。

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-đề chính là Thanh tịnh nghĩa, Vô cấu nghĩa,

無著義。何名清淨。何名無垢。何名無著。

Vô trước nghĩa。hà danh thanh tịnh。hà danh vô cấu。hà danh Vô trước。

Vô trước nghĩa。Sao gọi là Thanh tịnh, sao gọi là Vô cấu, sao gọi là vô trước?

謂空解脫門即是清淨。無相解脫門即是無垢。

vị không giải thoát môn tức thị thanh tịnh。vô tướng giải thoát môn tức thị vô cấu。

Vì Không giải thoát môn tức là Thanh tịnh。Vô tướng giải thoát môn tức là Vô cấu。

無願解脫門即是無著。無生是清淨。無作意是無垢。

vô nguyện giải thoát môn tức thị Vô trước。vô sanh thị thanh tịnh。vô tác ý thị vô cấu。

Vô nguyện giải thoát môn tức là Vô trước。Không sanh là Thanh tịnh, không tác ý là Vô cấu;

無起是無著。自性是清淨。圓淨是無垢。

vô khởi thị Vô trú。tự tánh thị thanh tịnh。viên tịnh thị vô cấu。

không phát khởi là Vô trước。Tự tánh là Thanh tịnh, Viên tịnh là Vô cấu,

明亮是無著。無戲論是清淨。離戲論是無垢。

minh lượng thị Vô trú。vô hí luận thị thanh tịnh。ly hí luận thị vô cấu。

Trong sáng là Vô trước。Không hí luận là Thanh tịnh, lìa hí luận là Vô cấu,

戲論寂止是無著。真如是清淨。法界是無垢。

hí luận tịch chỉ thị Vô trú。chơn như thị thanh tịnh。Pháp giới thị vô cấu。

hí luận lặng dừng là Vô trước。Chơn như là Thanh tịnh, Pháp giới là Vô cấu,

實際是無著。虛空是清淨。寥廓是無垢。

thật tế thị Vô trước。hư không thị thanh tịnh。liêu khuếch thị vô cấu。

Thật tế là Vô trước。Hư không là Thanh tịnh, hư không rộng không là Vô cấu,

廣大是無著。了知內法是清淨。外無所行是無垢。

quảng Đại thị Vô trước。liễu tri nội Pháp thị thanh tịnh。ngoại vô sở hạnh thị vô cấu。

Rộng lớn là Vô trước。Rõ biết pháp ở bên trong là Thanh tịnh, ở bên ngoài không chỗ hành là Vô cấu,

內外無所得是無著。了知蘊法是清淨。

nội ngoại vô sở đắc thị Vô trước。liễu tri uẩn Pháp thị thanh tịnh。

trong ngoài không chỗ đắc là Vô trước。Rõ biết Pháp uẩn là Thanh tịnh,

界法自性是無垢。離諸處法是無著。

giới Pháp tự tánh thị vô cấu。ly chu xử Pháp thị Vô trước。

tự tánh pháp giới là Vô cấu, lìa các pháp xử là Vô trước。

過去盡智是清淨。未來無生智是無垢。

quá khứ tận trí thị thanh tịnh。vị lai vô sanh trí thị vô cấu。

Quá khứ Tận trí là Thanh tịnh, vị lai Vô sanh trí là Vô cấu,

現在法界安住智是無著。妙吉祥。此如是等。清淨無垢無著諸義。

hiện tại Pháp giới an trú trí thị Vô trước。diệu cát tường。thử như thị

đẳng。thanh tịnh vô cấu Vô trước chư nghĩa。

hiện tại pháp giới An trú trí là Vô trước。Diệu Cát Tường! Đây là các nghĩa của Thanh tịnh, Vô cấu, Vô trước như vậy。

於一句中普能攝入。謂寂靜句。

ư nhất cú trung phổ năng nhiếp nhập. vị tịch tĩnh cú.

Ở trong một câu được diễn rộng ra thì có thể thâm nhiếp, tức là Tịch tĩnh cú.

若寂靜即遍寂。若遍寂即近寂。若近寂即寂止。

nhược tịch tĩnh tức biến tịch. nhược biến tịch tức cận tịch. nhược cận tịch tức tịch chỉ.

Nếu Tịch tĩnh tức là Biến tịch; nếu Biến tịch tức là Cận tịch; nếu là Cận tịch tức là Tịch chỉ;

若寂止此說即是大牟尼法。

nhược tịch chỉ thử thuyết tức thị Đại Mâu Ni Pháp.

nếu ở đây nói Tịch chỉ tức là Pháp Đại Tịch tĩnh.

復次妙吉祥。如其虛空菩提亦然。

phục thứ diệu cát tường. như kỳ hư không Bồ-đề diệc nhiên.

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Hư không như thật thì Bồ-đề cũng như vậy.

如其菩提諸法亦然。如其諸法眾生亦然。

như kỳ Bồ-đề chư Pháp diệc nhiên. như kỳ chư Pháp chúng sanh diệc nhiên.

Bồ-đề như thật thì các pháp cũng vậy; các pháp như thật thì chúng sanh cũng vậy.

如其眾生刹土亦然。如其刹土涅槃亦然。妙吉祥。

như kỳ chúng sanh sát độ diệc nhiên. như kỳ sát độ Niết-Bàn diệc nhiên. diệu cát tường.

chúng sanh như thật thì quốc độ cũng như thật. Quốc độ như thật thì Niết-bàn cũng vậy,

此說即是涅槃平等。

thử thuyết tức thị Niết-Bàn bình đẳng.

Nói như vậy tức là Niết-bàn bình đẳng

為一切法畢竟邊際清淨之因。無對治離對治因。本來清淨。本來無垢。

vì nhất thiết Pháp tất cánh biên tế thanh tịnh chỉ nhân. vô đối trị ly đối trị nhân. bản lai thanh tịnh. bản lai vô cấu.

vì tất cả pháp rốt ráo biên tế nhân của Thanh tịnh, không đối trị, lìa nhân đối trị. Xưa nay Thanh tịnh, xưa nay Vô cấu,

本來無著。如來了知彼一切法。

bản lai Vô trước. Như-Lai liễu tri bi nhất thiết Pháp.

xưa nay Vô trước. Như Lai rõ biết tất cả pháp ấy,

如是相故現成正覺。然後觀察諸眾生界。

như thị tướng cố hiện thành chánh giác. nhiên hậu quan sát chư chúng sanh giới.

tướng như vậy nên thị hiện thành Chánh Giác. Sau đó quán sát các cõi chúng sanh建立清淨無垢無著遊戲法門。以是名字於諸眾生大悲心轉。

kiến lập thanh tịnh vô cấu Vô trước du hí Pháp môn. dĩ thị danh tự ư chư chúng sanh Đại bi tâm chuyển.

mà kiến lập nên Thanh tịnh, Vô cấu, Vô trước, Du hí pháp môn; dùng Danh tự này là nói với các chúng sanh chuyển tâm Đại bi.

復次妙吉祥。云何是菩薩所行菩薩勝行。

phục thứ diệu cát tường. vân hà thị Bồ-tát sở hạnh Bồ-tát thắng hành.

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Thế nào là Sở hạnh Bồ-tát, Thắng hạnh Bồ-tát?

謂若菩薩無盡無不盡。無生無不生。

vị nhược Bồ-tát vô tận vô bất tận. vô sanh vô bất sanh.

Vì nếu Bồ-tát vô tận và vô bất tận, vô sanh và vô bất sanh,

於畢竟盡相無所領受。然亦不壞畢竟無生。妙吉祥。

ư tất cánh tận tướng vô sở lĩnh thọ. nhiên diệc bất hoại tất cánh vô sanh. diệu cát tường.

nơi tướng rất ráo tận, không chỗ nhận lãnh, nhưng cũng không hoại, rất ráo không sanh.

菩薩若如是行。是為菩薩勝行。

Bồ-tát nhược như thị hành. thị vi Bồ-tát thắng hành.

Bồ-tát nếu thực hành như vậy chính là Thắng hạnh Bồ-tát.

復次妙吉祥。菩薩於過去心已盡此無所行。

phục thứ diệu cát tường. Bồ-tát u quá khứ tâm dĩ tận thử vô sở hạnh.

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-tát nơi tâm quá khứ đã hết đó là Vô sở hạnh,

未來心未至此無所行。

vị lai tâm vị chí thử vô sở hạnh.

tâm vị lai chưa đến đó là Vô sở hạnh,

現在心無住此無所行。菩薩於其過去未來現在諸心悉無所著。

hiện tại tâm vô trụ thử vô sở hạnh. Bồ-tát u kỳ quá khứ vị lai hiện tại chu tâm tất vô sở trú.

tâm hiện tại không trú đó là Vô sở hạnh. Bồ-tát ở nơi các tâm quá khứ, vị lai, hiện tại tất cả đều không chấp trước.

菩薩若如是行。是為菩薩勝行。

Bồ-tát nhược như thị hành. thị vi Bồ-tát thắng hành.

Bồ-tát thực hành như vậy chính là Thắng hạnh Bồ-tát.

又復布施之法。諸佛如來與諸菩薩。

hựu phục bố thí chi Pháp. chư Phật như lai dĩ chư Bồ-tát.

Lại nơi pháp bố thí thì chư Phật Như Lai và các vị Bồ-tát

而無其二無二種類。菩薩若如是行。是為菩薩勝行。

nhĩ vô kỳ nhị vô nhị chủng loại. Bồ-tát nhược như thị hành. thị vi Bồ-tát thắng hành.

là không phải hai, không hai chủng loại. Bồ-tát nếu thực hành như vậy thì chính là Thắng hạnh Bồ-tát;

持戒忍辱精進禪定智慧亦復如是。

trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ diệc phục như thị.

trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng lại như vậy,

諸佛如來與諸菩薩。而無其二無二種類。

chư Phật như lai dĩ chư Bồ-tát. nhĩ vô kỳ nhị vô nhị chủng loại.

tức là chư Phật Như Lai và các vị Bồ-tát là không phải hai, không hai chủng loại.

菩薩若如是行。是為菩薩勝行。

Bồ-tát nhược như thị hành. thị vi Bồ-tát thắng hành.

Bồ-tát nếu thực hành như vậy thì chính là Thắng hạnh Bồ-tát.

又妙吉祥。菩薩不行色空。不行色不空。

hựu diệu cát tường. Bồ-tát bất hành sắc không. bất hành sắc bất không.

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-tát không hành sắc không và không hành sắc bất không.

菩薩若如是行。是為菩薩勝行。何以故。

Bồ-tát nhược như thị hành. thị vi Bồ-tát thắng hành. hà dĩ cố.

Bồ-tát nếu thực hành như vậy thì chính là Thắng nghĩa Bồ-tát. Vì sao?

色即是空色自性空。受想行識亦復如是。

sắc tức thị không sắc tự tánh không. thọ tưởng hành thức diệc phục như thị.

Vì sắc tức là không, sắc tự tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy là故不行識空。不行識不空。菩薩若如是行。

thị cố bất hành thức không. bất hành thức bất không. Bồ-tát nhược như thị hành cho nên không thực hành Thức không, không thực hành Thức bất không. Bồ-tát nếu thực hành như vậy

是為菩薩勝行。何以故。謂心意識無所得故。妙吉祥。

thị vi Bồ-tát thắng hành. hà dĩ cố. vị tâm ý thức vô sở đắc cố. diệu cát tường.
chính là Thắng nghĩa Bồ-tát. Vì sao? Vì tâm ý thức không có chỗ đắc. Diệu Cát Tường!

此中無少法可有若知若斷若修若證。

thử trung vô thiếu Pháp khả hữu nhược tri nhược đoạn nhược tu nhược chứng.
Trong đây không có thiếu pháp có thể có, hoặc biết, hoặc đoạn, hoặc tu, hoặc chứng,

悉無所有由如是故。此說名盡。

tất vô sở hữu do như thị cố. thử thuyết danh tận.
thầy đều không sở hữu, do như vậy nên gọi tên là Tận

如是乃為畢竟盡相。若畢竟盡即無所盡。無盡亦無盡。

như thị nãi vi tất cánh tận tướng. nhược tất cánh tận tức vô sở tận. vô tận diệt vô tận.

Như vậy cho đến rốt ráo tận cùng; nếu rốt ráo tận cùng tức là không còn chỗ nào mà tận cùng nữa, cho đến chỗ vô tận cũng không còn có vô tận.

何以故。如所說盡故。若如所說盡彼即無法可盡。

hà dĩ cố. như sở thuyết tận cố. nhược như sở thuyết tận bi tức vô Pháp khả tận.
Vì sao? Như chỗ nói có tận nhưng nếu như chỗ nói có tận đó là không có pháp có thể tận,

若無法可盡即是無為。

nhược vô Pháp khả tận tức thị vô vi.
nếu không có Pháp có thể tận, tức là Vô vi;

若無為即無生亦無滅。若佛出世若不出世法性常住。

nhược vô vi tức vô sanh diệt vô diệt. nhược Phật xuất thế nhược bất xuất thế Pháp tánh thường trụ.

nếu vô vi tức là không sanh cũng không diệt; nếu Phật ra đời hoặc không ra đời thì pháp tánh thường trú;

以法住故即是法界。如法界住故智無所轉亦非無轉。

dĩ Pháp trụ cố tức thị Pháp giới. như Pháp giới trụ cố trí vô sở chuyển diệt phi vô chuyển.

do pháp thường trú tức là Pháp giới. Như pháp giới thường trú nên trí không chỗ chuyển cũng chẳng phải không chuyển;

以智無轉非無轉故。如是法理若悟入者。

dĩ trí vô chuyển phi vô chuyển cố. như thị Pháp lý nhược ngộ nhập giả.

do trí không chuyển và chẳng phải không chuyển nên pháp lý này nếu ai ngộ nhập
即得無漏無生無滅。此名漏盡。妙吉祥。

tức đắc vô lậu vô sanh vô diệt. thử danh lậu tận. diệu cát tường.

thì chứng đắc vô lậu, không sanh, không diệt; đó gọi là lậu tận. Diệu Cát Tường!

是故當知雖復世俗音聲文字總聚施設。

thị cố đương tri tuy phục thế tục âm thanh văn tự tổng tụ thi thiết.

Vì vậy nên biết tuy là thế tục, âm thanh, văn tự, hợp tất cả, thiết lập

是中無有少法若生若滅。

thị trung vô hữu thiếu Pháp nhược sanh nhược diệt.

mà trong đó không có thiếu pháp hoặc là sanh, hoặc là diệt.

爾時妙吉祥童真菩薩摩訶薩即從座起。

nhĩ thời diệu cát tường đồng chân Bồ-tát Ma-Ha tát tức tùng tọa khởi.

Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Đồng chơn Diệu Cát Tường từ chỗ ngồi đứng dậy,

偏袒右肩右膝著地向佛合掌。

Thiên đàn hữu kiên hữu tất trú địa hướng Phật hiệp chương.

trịch áo bày vai phải quỳ xuống đất phía phải, chắp tay hướng về Phật,

以妙伽陀伸讚歎曰。

dĩ diệu Già đà thân tán thán viết.
đem bài kệ vi diệu mà tán thán rằng:

無形顯色無狀貌
vô hình hiển sắc vô trạng mạo
Không hình hiển sắc không tướng mạo,
無住亦復根本無
vô trụ diệt phục căn bản vô
Không trú cũng lại không căn bản,
以無住故無出入
dĩ vô trụ cố vô xuất nhập
Do không trú nên không ra vào,
已能解脫六處長
dĩ năng giải thoát lục xứ trường
Đã có thể giải thoát sáu xứ,
一切法中無所住
nhất thiết Pháp trung vô sở trụ
Trong tất cả pháp không chỗ trú,
諸行平等得圓成
chư hành bình đẳng đắc viên thành
Các hành bình đẳng được Viên thành,
已能出離於三界
dĩ năng xuất ly u tam giới
Đã có thể ra khỏi ba cõi,
世間諸欲不染心
thế gian chư dục bất nhiễm tâm
Các dục thế gian tâm không nhiễm,
三摩呬多常安處
tam ma hí đa thường an xứ
Tam ma hí đa thường an xứ,
諸威儀事妙肅成
chư uy nghi sự diệu túc thành
Các việc oai nghi diệu túc thành,
平等而來平等去
bình đẳng nhi lai bình đẳng khứ
Bình đẳng mà đến bình đẳng đi,
不壞平等性法門
bất hoại bình đẳng tánh Pháp môn
Pháp môn bất hoại bình đẳng tánh,
大聖善入平等性
Đại Thánh thiện nhập bình đẳng tánh
Đại Thánh khéo vào bình đẳng tánh,
遍入無相妙法門
biến nhập vô tướng diệu Pháp môn
Biến nhập không tướng Diệu pháp môn,
大聖無住無所緣
Đại Thánh vô trụ vô sở duyên
Đại Thánh không trú không chỗ duyên,
普遍諸法得圓成
phổ biến chư Pháp đắc viên thành
Biến khắp các pháp được viên-thành,
眾生威儀及色相
chúng sanh uy nghi cập sắc tướng
Sắc tướng làm uy nghi chúng sanh,

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang
Minh Trang Nghiêm Kinh, Quyển Thứ Tư

是中無滅亦無生
thị trung vô diệt diệt vô sanh
Trong đó không diệt cũng không sanh.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
亦復無彼諸分位
diệt phục vô bỉ chư phân vị
Cũng lại không các phân vị ấy
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán thán.
有性無性皆遠離
hữu tánh vô tánh giai viễn li
Có tánh không tánh đều xa lìa.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
虛空平等性中住
hư không bình đẳng tánh trung trụ
Hư không bình đẳng trú trung tánh.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
行住坐臥亦復然
hành trụ tọa ngọa diệt phục nhiên
Đi đứng ngồi nằm lại cũng vậy.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
平等性中妙安住
bình đẳng tánh trung diệu an trú
Bình đẳng trung tánh diệu an trú.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
諸法皆住等引心
chư Pháp giai trụ đẳng dẫn tâm
Các pháp đều trú tâm Đẳng-dẫn.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên tôn kính tán lễ.
定中高積慧峯峻
định trung cao tích tuệ phong tuấn
Trong định càng cao, tuệ cũng cao
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
語言音聲亦復然
ngữ ngôn âm thanh diệt phục nhiên
Âm thanh lời nói cũng như vậy.

普能示現剎那間
 phổ năng thị hiện sát-na gian
 Năng thị hiện khắp trong Sát-na,
 大聖已離於名色
 Đại Thánh dĩ ly ư danh sắc
 Đại Thánh đã rời ở danh sắc,
 復能善入無相門
 phục năng thiện nhập vô tướng môn
 Lại khéo vào Nơi cửa không tướng,
 大聖善離於諸相
 Đại Thánh thiện ly ư chư tướng
 Đại Thánh khéo rời nơi các tướng,
 已能善入無相門
 dĩ năng thiện nhập vô tướng môn
 Đã khéo vào nơi cửa không tướng,
 無所思惟無分別
 vô sở tư duy vô phân biệt
 Không chỗ tư duy không phân biệt,
 無諸作意無念生
 vô chư tác ý vô niệm sanh
 Không các tác ý không sanh niệm,
 譬如虛空無含藏
 thí như hư không vô hàm tạng
 Ví như hư không không tàng chứa,
 其心平等復如空
 kỳ tâm bình đẳng phục như không
 Tâm ấy bình đẳng lại như Không,
 譬如虛空無中邊
 thí như hư không vô trung biên
 Ví hư hư không không giữa, bên,
 已能超越三世門
 dĩ năng siêu việt tam thế môn
 Đã vượt ra khỏi cửa tam giới,
 諸佛猶如虛空相
 chư Phật do như hư không tướng
 Chư Phật giống như tướng hư không
 已能解脫事及因
 dĩ năng giải thoát sự cập nhân
 Đã giải thoát sự cùng với nhân,
 一切法中無依止
 nhất thiết Pháp trung vô y chỉ
 Không nương tựa trong tất cả pháp,
 無我相亦無音聲
 vô ngã tướng diệc vô âm thanh
 Không ngã tướng cũng không âm thanh,
 大聖不依止蘊法
 Đại Thánh bất y chỉ uẩn Pháp
 Đại Thánh không nương tựa Uẩn pháp,
 已能解脫顛倒心
 dĩ năng giải thoát điên đảo tâm
 Đã giải thoát khỏi tâm điên đảo,
 大聖已離於二邊
 Đại Thánh dĩ ly ư nhị biên
 Đại Thánh đã rời ở Nhị biên,

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang
 Minh Trang Nghiêm Kinh, Quyển Thứ Tư

無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên tôn kính tán than.
 於蘊界法亦普斷
 ư uẩn giới Pháp diệc phổ đoạn
 Nơi Uẩn giới pháp cũng đoạn khắp.
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên tôn kính tán lễ.
 諸相境界亦遠離
 chư tướng cảnh giới diệc viễn li
 Cảnh giới các tướng cũng lìa xa
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên tôn kính tán lễ.
 淨意亦復無所住
 tịnh ý diệc phục vô sở trụ
 Ý thanh tịnh cũng không chỗ trú.
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
 已離戲論無所著
 dĩ ly hí luận vô sở trú
 Đã rời hí luận không chấp trước.
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
 諸佛法性亦如是
 chư Phật Pháp tánh diệc như thị
 Pháp tánh Chư Phật cũng như vậy.
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 KHÔNG chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
 即此虛空亦無相
 tức thử hư không diệc vô tướng
 Tức hư không ấy cũng không tướng.
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
 如水中月無所取
 như thủy trung nguyệt vô sở thủ
 Như trăng trong nước không chỗ lấy.
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
 界處諸法亦復然
 giới xứ chư Pháp diệc phục nhiên
 Giới, Xứ các pháp cũng như vậy.
 無所緣尊今讚禮
 vô sở duyên tôn kim tán lễ
 Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
 亦復斷除於我見
 diệc phục đoạn trừ ư ngã kiến
 Cũng lại đoạn trừ nơi ngã kiến.

法界平等得圓成
Pháp giới bình đẳng đắc viên thành
Pháp giới bình đẳng được viên thành,
色相名數已解脫
sắc tướng danh số dĩ giải thoát
Đã giải thoát sắc tướng, tên, số
無取無捨平等心
vô thủ vô xả bình đẳng tâm
Không thủ, không xả tâm bình đẳng,
已能超越諸魔法
dĩ năng siêu việt chư ma Pháp
Đã vượt khỏi các pháp của Ma,
妙入無障礙法門
diệu nhập Vô chướng ngại Pháp môn
Khéo vào pháp môn Vô chướng ngại,
正智不說諸法有
chánh trí bất thuyết chư Pháp hữu
Chánh Trí không nói các pháp Có,
無語言道無發生
vô ngữ ngôn đạo vô phát sanh
Không có ngôn ngữ, không phát sanh,
聖不依止於二法
Thánh bất y chỉ u nhị Pháp
Bậc Thánh không nương vào hai pháp,
解脫二無二法門
giải thoát nhị vô nhị Pháp môn
Giải thoát pháp môn hai, không hai,
所有身語意過失
sở hữu thân ngữ ý quá thất
Lỗi lầm ở nơi thân, khẩu, ý,
不可譬喻不可思
bất khả thí dụ bất khả tư
Không thể thí dụ, không thể nghĩ,
大聖無轉無發悟
Đại Thánh vô chuyển vô phát ngộ
Đại Thánh không chuyển không phát ngộ,
智為先導遍所行
trí vi tiên đạo biến sở hành
Trí dẫn đầu biến khắp sở hành,
無漏淨念最微妙
vô lậu tịnh niệm tối vi diệu
Vô lậu, tịnh niệm rất vi diệu,
亦無繫著無思惟
diệc vô hệ trước vô tư duy
Cũng không trói buộc, không tư duy,
大聖於心無所緣
Đại Thánh u tâm vô sở duyên
Đại Thánh nơi tâm không sở duyên,
亦無自他想念生
diệc vô tự tha tưởng niệm sanh
Không từ người khác sanh tưởng niệm,
無所緣中有所緣
vô sở duyên trung hữu sở duyên
Trong không chỗ duyên có chỗ duyên,

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang
Minh Trang Nghiêm Kinh, Quyển Thứ Tư

無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
亦復遠離不正法
diệc phục viễn li bất chánh Pháp
Cũng lại rời xa bất chánh pháp.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
一切法中悉通達
nhất thiết Pháp trung tất thông đạt
Trong tất cả pháp thông đạt hết.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
亦復不說諸法無
diệc phục bất thuyết chư Pháp vô
Cũng lại không nói các pháp Không.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
久已摧折我慢幢
cửu dĩ tồi chiết ngã mạn tràng
Đã cắt đứt ngã mạn từ lâu.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
大聖久已普除斷
Đại Thánh cửu dĩ phổ trừ đoạn
Đại Thánh đã đoạn trừ từ lâu.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
一切過失悉遠離
nhất thiết quá thất tất viễn li
Tất cả lỗi lầm đều xa lìa.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
實不實法悉了知
thật bất thật Pháp tất liễu tri
Pháp thật, không thật đều rõ biết.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
而能遍知一切心
nhĩ năng biến tri nhất thiết tâm
Mà biết khắp tất cả tâm khác.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
於一切心不迷著
u nhất thiết tâm bất mê trước
Nơi tất cả tâm không mê trước.

無障礙法已圓明
Vô chướng ngại Pháp dĩ Viên Minh
Pháp không chướng ngại đã Viên minh,
大聖於心無所緣
Đại Thánh ư tâm vô sở duyên
Đại Thánh nơi tâm không chỗ duyên,
無心平等得圓成
vô tâm bình đẳng đắc viên thành
Không tâm bình đẳng được Viên thành,
大聖不依於智法
Đại Thánh bất y ư trí Pháp
Đại Thánh không nương nơi Trí pháp,
一切眾生行亦然
nhất thiết chúng sanh hành diệc nhiên
Tất cả chúng sanh hành cũng vậy,
智者於心無所得
trí giả ư tâm vô sở đắc
Bậc Trí nơi tâm không chỗ đắc,
於一切法正遍知
ư nhất thiết Pháp Chánh-biến-Tri
Nơi tất cả pháp Chánh biến tri,
知一切法皆如幻
tri nhất thiết Pháp giai như huyễn
Biết tất cả pháp đều như huyễn,
已能解脫幻法門
dĩ năng giải thoát huyễn Pháp môn
Đã giải thoát khỏi pháp môn huyễn,
正覺雖行於世間
chánh giác tuy hành ư thế gian
Chánh Giác tuy hành ở Thế gian,
復無世間分別心
phục vô thế gian phân biệt tâm
Lại không thế gian tâm phân biệt,
大聖於彼空中行
Đại Thánh ư bi không trung hành
Đại Thánh hành ở trong không ấy,
空與非空聖所宣
không dữ phi không Thánh sở tuyên
Không và chẳng không bậc Thánh tuyên,
現大神通起化事
hiện Đại Thần thông khởi hóa sự
Hiện Thần thông lớn để hoá độ,
離種種性遍入門
ly chủng chủng tánh biến nhập môn
Rời tất cả tánh biến nhập môn,
了知非一非多性
liễu tri phi nhất phi đa tánh
Rõ biết chẳng một chẳng nhiều tánh,
無高無下平等心
vô cao vô hạ bình đẳng tâm
Không cao không thấp tâm bình đẳng,
金剛喻定現在前
Kim cang dụ định hiện tại tiền
Kim cang dụ định hiện ngay trước,

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang
Minh Trang Nghiệm Kinh, Quyển Thứ Tư

無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
亦復自性無所有
diệc phục tự tánh vô sở hữu
Cũng không tự tánh không sở hữu.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
而能遍觀諸刹土
nhi năng biến quán chư sát độ
Mà quán chiếu khắp các Sát độ.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
是中亦復畢竟無
thị trung diệc phục tất cánh vô
Trong ấy cũng lại rốt ráo không.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
即此幻亦無所有
tức thử huyễn diệc vô sở hữu
Tức huyễn ấy cũng không chỗ đắc.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
亦不依止於世法
diệc bất y chỉ ư thế Pháp
Cũng không nương tựa pháp thế gian.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
由空所成空境界
do không sở thành không cảnh giới
Do không sở thành cảnh giới không.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
悉依如幻三摩地
tất y như huyễn Tam Ma Địa
Đều nương hư huyễn tam-ma-địa.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
若近若遠無所轉
nhược cận nhược viễn vô sở chuyển
Hoặc gần hoặc xa không chuyển động.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
一刹那中成正覺
nhất sát-na trung thành chánh giác
Trong một sát-na thành Chánh Giác.

遍入無對礙法門
biến nhập vô đối ngại Pháp môn
Biến nhập Pháp môn không đối ngại,
雖知涅槃無所動
tuy tri Niết-Bàn vô sở động
Tuy biết Niết-bàn không lay động,
具足種種方便門
cụ túc chủng chủng phương tiện môn
Đầy đủ các pháp môn Phương tiện,
於彼一切眾生類
ư bỉ nhất thiết chúng sanh loại
Nơi tất cả loại chúng sanh kia,
然亦不動涅槃門
nhiên diệc bất động Niết-Bàn môn
Nhưng cũng không động của Niết-bàn,
大聖無相無發悟
Đại Thánh vô tướng vô phát ngộ
Đại Thánh không tướng không phát ngộ,
無我故無對礙心
vô ngã cố vô đối ngại tâm vô
Vô ngã nên tâm không đối ngại,
已離疑惑無過失
dĩ ly nghi hoặc vô quá thất
Đã lìa nghi hoặc, không lỗi lầm,
於一切處正遍知
ư nhất thiết xứ Chánh-biến-Tri
Ở tất cả nơi Chánh biến tri,
佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第四
Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh
quyển đệ tứ
Phật Thuyết Kinh Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm,
Quyển Thứ Tư.

無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
亦於三世善調伏
diệc ư tam thế thiện điều phục
Cũng khéo điều phục nơi ba đời.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
善解智慧及方便
thiện giải trí tuệ cập phương tiện
Khéo tỏ Trí tuệ và phương tiện.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
已離戲論無對礙
dĩ ly hí luận vô đối ngại
Đã rời hí luận không đối ngại.
所緣尊今讚禮
sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.
無我我所亦復然
vô ngã ngã sở diệc phục nhiên
Vô ngã, ngã sở lại cũng vậy.
無所緣尊今讚禮
vô sở duyên tôn kim tán lễ
Không chỗ duyên, tôn kính tán lễ.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tấn Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:59:17 2006
=====

Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm Kinh Quyển Thứ Năm

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 359

Hán dịch: Thần Pháp Hộ
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền
Hiệu đính: Thích Trí Thiện (05/2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 359 《佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經》CBETA 電子佛典
V1.13 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 359 《Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.13 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 359 《Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.13 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 359 Phật nói Đại thừa vào các Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13, Normalized Version

Vol. 12, No. 359
Thích Trí Thiện hiệu đính

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第五
Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí
quang-minh trang nghiêm Kinh quyển đệ ngũ

**KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT
CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM**
Quyển Thứ Năm

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿傳梵大師賜紫沙門臣法護等奉詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí quang lộc khanh truyện phạm Đại
su tứ tử Sa Môn Thần Pháp hộ đẳng phụng chiếu dịch

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh
Truyện Phạm Đại Su ban sắc cho Sa-môn Thần Pháp Hộ phụng chiếu dịch.

稽首十力度煩惱
khê thù thập lực độ phiền não
Lạy đấng Thập Lực vượt phiền não,
善住不共諸法中
thiện trụ bất-cộng chư Pháp trung
Khéo trú trong các pháp bất cộng,
稽首能斷眾結縛
Khê thù năng đoạn chúng kết phược
Lạy đấng năng đoạn các kết phược,
稽首救世諸苦尊
khê thù cứu thế chư khổ tôn
Lạy đấng cứu các khổ ở đời,
普遍通達眾生行
phổ biến thông đạt chúng sanh hạnh

稽首廣大施無畏
khê thù quảng Đại thí vô úy
Lạy đấng quảng đại thí vô úy,
稽首世間尊勝者
khê thù thế gian tôn thắng giả
Lạy đấng Tôn Thắng trên thế gian,
稽首已住於彼岸
khê thù dĩ trụ ư bỉ ngạn
Lạy đấng đã trú nơi bờ Giác,
稽首不住於生死
khê thù bất trụ ư sanh tử
Lạy đấng không trú nơi sanh tử
於一切處離意念
ư nhất thiết xứ ly ý niệm

Thông suốt biến khắp các chúng sanh

如蓮不著於水中

như liên bất trước ư thủy trung

Như hoa sen trong nước không nhiễm,

聖師種種無上句

Thánh sư chủng chủng vô thượng cú

Thánh Sư nhiều loại Vô thượng cú,

普遍善觀諸相門

phổ biến thiện quán chư tướng môn

Khéo quán biến khắp các Tướng môn,

佛大威力不思議

Phật Đại uy lực bất tư nghị

Phật đại oai lực không nghĩ bàn,

稽首廣持勝德門

khê thủ quảng trì thắng đức môn

Lạy đấng rộng giữ Đức thù thắng,

爾時世尊讚妙吉祥童真菩薩摩訶薩言。

nhĩ thời Thế tôn tán diệu cát tường đồng chân Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn khen ngợi Đồng chơn Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường rằng:

善哉善哉妙吉祥。如是如是妙吉祥。

Thiện tai Thiện tai diệu cát tường 。

Hay thay, hay thay Diệu Cát Tường! Đúng vậy, đúng vậy Diệu Cát Tường!

勿於諸佛起色相見。勿於諸佛謂其無相。

vật ư chư Phật khởi sắc tướng kiến 。

Chớ ở nơi chư Phật mà khởi thấy có sắc tướng, chớ ở nơi chư Phật mà bảo rằng không tướng,

勿謂諸佛獨居法界。亦勿謂佛處大眾中。

vật vị chư Phật độc cư Pháp giới 。

chớ bảo rằng chư Phật sống một mình nơi Pháp giới, cũng chớ bảo rằng Phật sống trong Đại chúng,

當知諸佛無見無聞。無所供養無供養者。

đương tri chư Phật vô kiến vô văn 。

nên biết rằng chư Phật là không thấy, không nghe, không chỗ cúng dường, không người cúng dường;

諸佛如來無有少法若一性若多性而可施作。

chư Phật như lai vô hữu thiếu Pháp nhược nhất tánh nhược đa tánh nhi khả thí tác

。

(chớ bảo) chư Phật Như Lai không có thiếu pháp hoặc một tánh hoặc nhiều tánh để có thể thiết lập tạo tác;

亦勿謂佛得菩提果。亦勿謂佛有法可現。

diệc vật vị Phật đắc bồ đề quả 。

cũng đừng bảo rằng Phật chúng đắc quả Bồ-đề, cũng đừng bảo rằng chư Phật có pháp có thể thị hiện,

無見無聞無念無知。佛亦無言已說現說當說諸法。

vô kiến vô văn vô niệm vô tri 。

Phật diệc vô ngôn dĩ thuyết hiện thuyết đương thuyết chư Pháp 。

không thấy, không nghe, không niệm, không biết. Phật cũng không nói rằng: Đã nói, hiện đang nói, sẽ nói các pháp;

亦非諸佛現成正覺。亦無有法能成正覺。

diệc phi chư Phật hiện thành chánh giác 。

cũng chẳng phải chư Phật thị hiện thành Chánh Giác, cũng không có pháp có thể thành Chánh Giác;

Kinh Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới

- 72 -

Tuequang

Foundation

Trí Quang Minh Trang Nghiêm, Quyển Thứ Năm

亦非諸佛斷染證淨。設有所作離見聞覺知。何以故。

diệu phi chư Phật đoạn nhiễm chứng tịnh 。 thiết hữu sở tác ly kiến văn giác tri 。
hà dĩ cố 。

cũng chẳng phải chư Phật đoạn trừ cấu nhiễm, chứng đắc thanh tịnh, thiết lập có
tạo tác, xa lìa sự Thấy, Nghe và Hiểu biết. Vì sao?

妙吉祥當知。一切法本來清淨故。

diệu cát tường đương tri 。 nhất thiết Pháp bản lai thanh tịnh cố 。

Diệu Cát Tường! Vì tất cả pháp xưa nay vốn thanh tịnh.

復次妙吉祥。汝等當知此經功德不可思議。

phục thứ diệu cát tường 。 nữ đẳng đương tri thù Kinh công đức bất khả tu nghị 。

Lại nữa Diệu Cát Tường! Các ông nên biết công đức của Kinh này không thể nghĩ bàn,

若有菩薩以三千大千世界微塵等數一切眾
nhược hữu Bồ-tát dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới vi trần đẳng số nhất thiết chúng
hoặc có Bồ-tát làm cho tất cả chúng sanh nhiều như số vi trần trong Tam Thiên Đại
Thiên Thế Giới,

生。普令建立成緣覺果。

sanh 。 phổ lệnh kiến lập thành Duyên giác quả 。

rộng kiến lập khiến họ thành quả Duyên giác

然於此正法不生信解。若有菩薩於此正法生信解者。

nhiên ư thù chánh Pháp bất sanh tín giải 。

nhược hữu Bồ-tát ư thù chánh Pháp sanh
tín giải giả 。

nhưng ở trong chánh pháp ấy không sanh tin hiểu; hoặc có Bồ-tát ở nơi chánh pháp
ấy mà sanh tin hiểu

其所獲福比前福蘊廣多無量。何況自書或教人書。

kỳ sở hoạch phúc bỉ tiền phúc uẩn quảng đa vô lượng 。

hà huống tự thư hoặc giáo
nhân thư 。

thì phước ấy thu hoạch được so với phước trước nhiều không lường, huống nữa là tự
mình viết hoặc dạy người khác viết

所得福蘊倍復增勝。

sở đắc phúc uẩn bội phục tăng thắng 。

thì phước thu được lại tăng bội phần。

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若復有人以三千大千世界所有一切眾生之類。若卵生若胎生。

nhược phục hữu nhân dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu nhất thiết chúng sanh

chi loại 。

Nếu lại có người làm cho tất cả loài chúng sanh có trong Tam Thiên Đại Thiên Thế

Giới, hoặc do noãn sanh, hoặc do thai sanh,

若濕生若化生。若有色若無色。若有想若無想。

nhược thấp sanh nhược hóa sanh 。

nhược hữu sắc nhược vô sắc 。

nhược hữu tướng nhược
vô tướng 。

hoặc do thấp sanh, hoặc do hoá sanh, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng,
hoặc không tướng,

若非有想若非無想。若二足若四足。若無足若多足。

nhược Phi hữu tướng nhược Phi vô tướng 。

nhược nhị túc nhược tứ túc 。

nhược vô túc
nhược đa túc 。

hoặc chẳng phải có tướng, hoặc chẳng phải không tướng, hoặc hai chân, hoặc bốn
chân, hoặc không chân, hoặc nhiều chân,

彼如是等諸眾生類。普令建立皆得人身。

bỉ như thị đấng chư chúng sanh loại . phổ lệnh kiến lập giai đặc nhân thân .
tất cả các loại chúng sanh ấy mà rộng kiến lập khiến cho họ đều được thân người;
得人身已悉令發起大菩提心。

đắc nhân thân dĩ tất lệnh phát khởi Đại Bồ đề tâm .
được thân người xong khiến cho tất cả đều phát khởi tâm Đại Bồ-đề,
發大菩提心已一一菩薩。於不可思議殑伽沙數佛刹土中。

phát Đại Bồ đề tâm dĩ nhất nhất Bồ-tát . ư bất khả tu nghị cãng Già sa số Phật sát
độ trung .

phát khởi tâm Bồ-đề xong tất cả Bồ-tát, ở trong bất khả tu nghị số cãng-già-sa cõi
Phật,

為微塵等諸佛菩薩并聲聞眾。

vì vi trần đấng chư Phật Bồ-tát tinh Thanh văn chúng .

vì hết thấy chư Phật, Bồ-tát và chúng Thanh văn mà

以飲食衣服坐臥之物。病緣醫藥及諸樂具。

dĩ ẩm thực y phục tọa ngọa chi vật . bệnh duyên y dược cập chư nhạc cụ .

đem thức ăn, y phục, các vật nằm, ngồi, y dược khi bệnh tật cùng với các nhạc cụ,
供給供養經殑伽沙劫。彼彼諸佛入涅槃後。

cung cấp (trong bốn đại tạng chú là cung kính) cúng dường kinh cãng-Già-sa kiếp .

bỉ bỉ chư Phật nhập Niết-Bàn hậu .

cung kính cúng dường trải qua cãng-già-sa kiếp, sau khi chư Phật nhập Niết-bàn thì
造七寶塔廣一由旬高百由旬眾寶界道。

tạo thất bảo tháp quảng nhất do-tuần cao bách do-tuần chúng bảo giới đạo .

người này tạo dựng tháp bằng bảy thứ quý báu rộng một do-tuần, cao trăm do-tuần,
các thứ quý báu làm đường ranh giới,

摩尼真珠殊妙嚴飾。豎立種種寶幢幡蓋。

ma-ni chân châu thù diệu nghiêm sức . thụ lập chúng chúng bảo tràng phiên cái .

ngọc quý Chơn châu trang sức thù diệu, tạo dựng các loại tràng phan và bảo cái,
自在王寶妙網垂覆種種莊嚴。若復有人深心清淨。

tự tại Vương bảo diệu vông thù phúc chúng chúng trang nghiêm . nhược phục hữu
nhân thâm tâm thanh tịnh .

lưới quý của Vua trời Tự Tại rủ xuống che phủ, trang nghiêm các thứ. Nếu có người
thâm tâm thanh tịnh,

能於如是入諸佛境界智光明莊嚴甚深正法。

năng ư như thị nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm thậm thâm chánh
Pháp .

như vậy có thể vào cảnh giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm, nơi Chánh pháp sâu xa
của chư Phật,

聞已信解或復悟入。

văn dĩ tín giải hoặc phục ngộ nhập .

nghe xong rồi tin hiểu hoặc lại ngộ nhập,

起清淨心少略乃至一四句偈為人演說。此所獲福不可稱數。

khởi thanh tịnh tâm thiểu lược nãi chí nhất tứ cú kệ vị nhân diễn thuyết . thù sở
hoạch phước bất khả xưng số .

khởi tâm thanh tịnh chút ít cho đến một bài kệ bốn câu vì người khác diễn nói,
phước ấy thu được không thể nói số,

現證佛智成辦福行殊勝事業。比前菩薩布施福蘊。

hiện chứng Phật trí thành辦 phước hạnh thù thắng sự nghiệp . bỉ tiền Bồ-tát bố
thí phước uân .

hiện chứng thành Phật trí đầy đủ phước hạnh sự nghiệp thù thắng, so với Bồ-tát
trước bố thí phước uân,

百分不及一。千分不及一。百千分不及一。

bách phần bất cập nhất . thiên phần bất cập nhất . bách thiên phần bất cập nhất .
thì trăm phần không bằng một phần, ngàn phần không bằng một phần, trăm ngàn phần
không bằng một phần,

千俱胝分不及一。百千俱胝分不及一。

thiên câu chi phần bất cập nhất . bách thiên câu chi phần bất cập nhất .

ngàn ức phần không bằng một phần, trăm ngàn ức phần không bằng một phần,

算分數分及譬喻分。乃至烏波尼殺曇分。皆不及一。

toán phân số phần cập thí dụ phân . nãi chí ô ba ni sát đàm phần . giai bất cập
nhất .

toán phân, số phần cùng với thí dụ phân, cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không
bằng một phần.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường .

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有在家菩薩於阿僧祇苑伽沙數諸佛菩薩及聲聞所。

nhược hữu tại gia Bồ-tát u A-tăng-kì cãng Già sa số chu Phật Bồ-tát cập Thanh văn
sở .

Nếu có vị Bồ-tát tại gia trong a-tăng-kỳ Cãng-dà-sa số chu Phật, Bồ-tát và Thanh
văn mà thường

以其飲食衣服坐臥之具病緣醫藥。經阿僧祇苑伽沙劫供給供養。

dĩ kỳ ẩm thực y phục tọa ngọa chi cụ bệnh duyên y dược . Kinh A-tăng-kì cãng dà sa
kiếp cung cấp cúng dường .

đem thức ăn, y phục đầy đủ các thứ nằm, ngồi, thuốc thang khi có bệnh tật trải qua
a-tăng-kì Cãng-dà-sa kiếp, cung kính cúng dường.

或有出家菩薩戒行清淨深心具足。

hoặc hữu xuất gia Bồ-tát giới hạnh thanh tịnh thâm tâm cụ túc .

Hoặc có Bồ-tát xuất gia, giới hạnh thanh tịnh, thâm tâm đầy đủ,

於其一切牛畜聚中。少略乃至施以一食。

ư kỳ nhất thiết ngưu súc tụ trung . thiểu lược nãi chí thí dĩ nhất thực .

đối với hết thầy đoàn trâu bò gia súc mà bớt phần nhỏ cho đến bố thí một bữa ăn,

此獲福蘊比前福蘊。百分不及一。千分不及一。

thử hoạch phước uẩn bỉ tiền phước uẩn . bách phần bất cập nhất . thiên phần bất cập
nhất .

phước uẩn đó thu được so với phước uẩn trước thì trăm phần không bằng một phần,
ngàn phần không bằng một phần,

百千分不及一。千俱胝分不及一。百千俱胝分不及一。

bách thiên phần bất cập nhất . thiên câu chi phần bất cập nhất . bách thiên câu chi
phần bất cập nhất .

trăm ngàn phần không bằng một phần, trăm ức phần không bằng một phần, trăm ngàn ức
phần không bằng một phần,

算分數分及譬喻分。乃至烏波尼殺曇分。

toán phân số phần cập thí dụ phân . nãi chí ô ba ni sát đàm phần .

toán phân, số phần cùng với thí dụ phân, cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần

皆不及一。

giai bất cập nhất .

đều không bằng một phần,

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường .

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若三千大千世界如微塵等出家菩薩。戒行具足深心清淨者。

nhược tam Thiên Đại Thiên thế giới như vi trần đẳng xuất gia Bồ-tát 。 giới hạnh cụ túc thâm tâm thanh tịnh giả 。

Nếu trong Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới Bồ-tát xuất gia như số vi trần, giới hạnh đầy đủ thâm tâm thanh tịnh,

一一菩薩於十方世界阿僧祇劫伽沙數諸佛菩薩及聲聞

nhất nhất Bồ-tát ư thập phương thế giới A-tăng-kì cãng dà sa số chư Phật Bồ-tát cập Thanh văn

tất cả các vị Bồ-tát trong mười phương Thế Giới A-tăng-kì Cãng-già-sa số chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn mà

所。以其飲食衣服坐臥之具病緣醫藥。

sở 。 dĩ kỳ ẩm thực y phục tọa ngoạn chi cụ bệnh duyên y dược 。

đem thức ăn, y phục đầy đủ các thứ nằm, ngồi, thuốc thang khi bệnh tật,

經阿僧祇劫伽沙數劫中供給供養。

Kinh A-tăng-kì cãng già sa số kiếp trung cung cấp cúng dường 。

trải qua trong số kiếp a-tăng-kì cãng-già-sa cung kính cúng dường thì

彼諸菩薩所獲福蘊其數無量。

bỉ chư Bồ-tát sở hoạch phước uẩn kì số vô lượng 。

phước uẩn chư Bồ-tát kia nhận được nhiều vô số lượng.

若有菩薩或在家者或出家者。戒行具足深心清淨。

nhược hữu Bồ-tát hoặc tại gia giả hoặc xuất gia giả 。

Nếu có Bồ-tát hoặc là tại gia, hoặc là xuất gia, Giới hạnh đầy đủ, thâm tâm thanh tịnh,

於此正法聞已信解。若自書寫或教人書。

ư thử chánh Pháp văn dĩ tín giải 。

ở nơi Chánh pháp nghe xong tin hiểu, hoặc tự viết chép, hoặc dạy người khác chép,

此所獲福比前菩薩布施福蘊倍復增勝。百分不及一。

thử sở hoạch phước bỉ tiền Bồ-tát bố thí phước uẩn bội phục tăng thắng 。

phước ấy thu được so với Bồ-tát trước bố thí phước uẩn lại tăng hơn gấp bội, trăm phần không bằng một phần,

千分不及一。百千俱胝算數譬喻。皆不及一。

thiên phần bất cập nhất 。

ngàn phần không bằng một phần, trăm ngàn ức toán, số, thí dụ phần cũng không bằng một phần.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩以三千大千世界滿中七寶。經三千大千世界微塵數劫。

nhược hữu Bồ-tát dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới mãn trung thất bảo 。

Thiên Đại Thiên thế giới vi trần số kiếp 。

Nếu có Bồ-tát đem đầy đủ thất bảo trong Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, trải qua Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới số kiếp như vi trần,

布施供養佛菩薩等。若有菩薩於此正法。

bố thí cúng dường Phật Bồ-tát đẳng 。

bố thí cúng dường chư Phật, Bồ-tát; nếu có Bồ-tát ở trong Chánh pháp do

少略乃至一四句偈。能解入者此所獲福。

thiểu lược nãi chí nhất tứ cú kệ 。

mà có thể hiểu nhập chút ít cho đến một bài kệ bốn câu thì phước ấy thu được

比前福蘊百分不及一。千分不及一。百千俱胝算數譬喻。

bì tiền phước uẩn bách phần bất cập nhất . thiên phần bất cập nhất . bách thiên câu chi toán số thí dụ .

so với phước uẩn trước trăm phần không bằng một phần, ngàn phần không bằng một phần, trăm ngàn ức toán, số, thí dụ phần

皆不及一。

giai bất cập nhất .

đều không bằng một phần.

妙吉祥。

diệu cát tường .

Diệu Cát Tường!

且置如上經三千大千世界微塵數劫布施福行。妙吉祥。

thả trí như thượng kinh tam Thiên Đại Thiên thế giới vi trần số kiếp bố thí phước hạnh . Diệu cát tường .

Lại giống như trên, trải qua Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới số kiếp vi trần bố thí phước hạnh, Diệu Cát Tường!

假使阿僧祇伽沙數等諸菩薩。

giả sử A-tăng-kì cãng già sa số đấng chư Bồ-tát .

Giả sử A-tăng-kì Cãng-già-sa số tất cả các vị Bồ-tát,

一一菩薩皆於阿僧祇伽沙數佛刹土中。

nhất nhất Bồ-tát giai ư A-tăng-kì cãng già sa số Phật sát độ trung .

tùng vị đều ở trong A-tăng-kì cãng-già-sa số cõi Phật

以閻浮檀金所成諸妙寶樹及殊妙衣服。普遍光明真珠摩尼寶網垂覆。

dĩ diêm-phù-đàn kim sở thành chư diệu bảo thụ cập thù diệu y phục . phổ biến

quang-minh chân châu ma-ni bảo võng thùy phủ.

dùng vàng Diêm-phù-đàn làm thành các loại cây quý báu và các loại y phục thù diệu,

dùng lưới ngọc quý Chơn châu ánh sáng chiếu khắp che trùm,

自在王摩尼寶所成樓閣。以電光明摩尼寶。

tự tại Vương ma-ni bảo sở thành lầu các . dĩ điện quang-minh ma-ni bảo .

dùng ngọc quý của Vua Tự Tại làm thành lầu gác, dùng ngọc quý ánh quang minh

而為界道。豎立殊妙幢幡寶蓋。圓滿作已。

nhĩ vi giới đạo . thụ lập thù diệu tràng phiên bảo cái . viên mãn tác dĩ .

để làm đường ranh, tạo lập các Tràng phan, bảo cái thù diệu. Tạo làm đầy đủ xong,

普為阿僧祇伽沙數佛世尊等日日供養。

phổ vi A-tăng-kì cãng già sa số Phật Thế tôn đấng nhật nhật cúng dường.

rộng khắp a-tăng-kì Cãng-già-sa chư Phật Thế Tôn, hằng ngày cúng dường

如是經于阿僧祇伽沙劫修布施行。

như thị Kinh vu A-tăng-kì cãng già sa kiếp tu bố thí hành .

như vậy qua đến số A-tăng-kì Cãng-già-sa kiếp tu hạnh bố thí,

或有菩薩於此最上甚深正法生信解已。

hoặc hữu Bồ-tát ư thù tối thượng thậm thâm chánh Pháp sanh tín giải dĩ .

nếu có Bồ-tát ở nơi chánh pháp tối thượng thậm thâm sanh tin hiểu rồi,

少略乃至一四句偈。為餘菩薩如理宣說令其解入。

thiểu lược nãi chí nhất tứ cú kệ . vi du Bồ-tát như lý tuyên thuyết lệnh kỳ giải

nhập .

chút ít cho đến một bài kệ bốn câu vì Bồ-tát tàn dư theo như lý tuyên thuyết khiến

cho các vị ấy hiểu nhập

此獲福蘊比前菩薩布施福蘊。百分不及一。

thử hoạch phước uẩn bì tiền Bồ-tát bố thí phước uẩn . bách phần bất cập nhất .

thì phước uẩn đó thu được so với Bồ-tát trước bồ thí phước uẩn trăm phần không bằng một phần,

千分不及一。百千俱胝算數譬喻。皆不及一。

thiên phần bất cập nhất . bách thiên câu chi toán số thí dụ . giai bất cập nhất . ngàn phần không bằng một phần, trăm ngàn ức toán, số, thí dụ phần đều không bằng một.

又妙吉祥。正使三界成已。

hựu diệp cát tường . chánh sử tam giới thành dĩ .

Lại nữa, Diệp Cát Tường! Chánh sử trong ba cõi hoàn thành xong,

所有一切地獄餓鬼畜生趣中諸眾生類。

sở hữu nhất thiết Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh thú trung chư chúng sanh loại .

nơi có tất cả các loại chúng sanh trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh;

若有在家菩薩為彼地獄餓鬼畜生趣中一切眾生普令救拔。

nhược hữu tại gia Bồ-tát vì bị Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh thú trung nhất thiết

chúng sanh phổ lệnh cứu bạt .

nếu có Bồ-tát tại gia vì tất cả chúng sanh trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh mà cứu giúp rộng khắp để vớt họ ra khỏi những chốn này;

得出離已皆悉建立成緣覺果。

đắc xuất ly dĩ giai tất kiến lập thành Duyên giác quả .

được ra khỏi xong, thầy đều khiến lập cho họ thành quả Duyên giác.

若有出家菩薩於諸牛畜聚中。少略乃至施以一食。

nhược hữu xuất gia Bồ-tát ư chư ngưu súc tụ trung . thiểu lược nãi chí thí dĩ nhất thực .

Nếu có Bồ-tát xuất gia đối với những loài trâu bò gia súc mà chỉ bồ thí chút ít cho đến một bữa ăn

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phước bất khả xưng lượng .

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。正使十方所有一切佛刹土中。

hựu diệp cát tường . chánh sử thập phương sở hữu nhất thiết Phật sát độ trung .

Lại nữa, Diệp Cát Tường! Chánh sử trong mười phương nơi có tất cả cõi Phật,

不可說俱胝那庾多百千如微塵等出家菩薩。

bất khả thuyết câu chi na du đa bách thiên như vi trần đẳng xuất gia Bồ-tát .

không thể nói trăm ngàn ức na-du-đa như vi trần số Bồ-tát xuất gia,

一一菩薩於十方世界一一方皆有十佛刹

nhất nhất Bồ-tát ư thập phương thế giới nhất nhất phương phân giai hữu thập Phật sát

các vị Bồ-tát ở trong mười phương thế giới mỗi phương đều có mười quốc độ Phật

不可說俱胝那庾多百千如微塵等諸佛世尊。

bất khả thuyết câu chi na du đa bách thiên như vi trần chư Phật thế tôn .

không thể nói số trăm nghìn ức na-du-đa như vi trần chư Phật Thế Tôn.

彼一一佛并諸菩薩聲聞大眾。

bỉ nhất nhất Phật tịnh chư Bồ-tát Thanh văn Đại chúng .

Tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát cùng với đại chúng Thanh văn đã

經十佛刹不可說俱胝那庾多百千微塵數劫。

kinh thập Phật sát bất khả thuyết câu chi na du đa bách thiên vi trần số kiếp .

trải qua mười cõi Phật không thể nói trăm nghìn ức na-du-đa số vi trần kiếp,

以飲食衣服坐臥之具病緣醫藥。

dĩ ẩm thực y phục tọa ngọa chi cụ bệnh duyên y dược .

đem thức ăn, y phục đầy đủ các thứ nằm ngồi, y dược khi bệnh tật,

為彼一一諸佛如來。

vi bi nhất nhất chu Phật như lai 。

vi tất cả chu Phật Như Lai ấy,

於日日中以十佛刹不可說俱胝那庾多百千如微塵等世界充滿自在王摩尼妙寶布

ư nhật nhật trung dĩ thập Phật sát bất khả thuyết câu chi na du đa bách thiên như

vi trần đẳng thể giới sung mãn tự tại Vương ma-ni diệu bảo bố

**hằng ngày ở trong mười cõi Phật dùng ngọc quý báu của vua Tỳ Tị không thể nói số
trăm ngàn ức na-du-đa như vi trần đầy đầy trong cõi nước, bố thí cúng dường.**

施供養。若有菩薩於此正法生信解已。

thí cúng dường 。

Nếu có Bồ-tát ở nơi Chánh pháp sanh tin hiểu xong,

於其牛畜聚中少略乃至施以一食。

ư kỳ ngưu súc tụ trung thiếu lược nãi chí thí dĩ nhất thực 。

đổi với các loài ngưu, súc mà chỉ đem bố thí chút ít cho đến đem bố thí một bữa ăn

此所獲福比前菩薩布施福蘊。百分不及一。千分不及一。

thử sở hoạch phước bi tiền Bồ-tát bố thí phước uẩn 。

**thì phước thu được ấy so với Bồ-tát trước bố thí phước uẩn, trăm phần không bằng
một phần, ngàn phần không bằng một phần,**

百千俱胝算數譬喻。皆不及一。何以故。

bách thiên câu chi toán số thí dụ 。

trăm ngàn ức, toán, số, thí dụ đều không bằng một phần. Vì sao?

今此正法若得聞者。即得不退轉。

kim thử chánh Pháp nhược đắc văn giả 。

Vì Chánh pháp hôm nay nếu ai được nghe thì chứng quả vị Bất thối chuyển,

諸大菩薩大智印故。

chu Đại Bồ-tát Đại trí ấn cố 。

đạt được Đại trí ấn của Đại Bồ-tát.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。悉令建立皆住隨信行地。

nhược hữu Bồ-tát năng vi thập phương nhất thiết thể giới nhất thiết chúng sanh 。

tất linh kiến lập giai trụ tùy tín hành địa 。

Nếu có Bồ-tát thường vì hết thảy chúng sanh, hết thảy thể giới trong mười phương

để kiến lập để tất cả trụ vào địa vị Tuỳ tín hành,

若有菩薩為一眾生建立令住隨義行地。

nhược hữu Bồ-tát vi nhất chúng sanh kiến lập linh trụ Tùy nghĩa hành địa 。

nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh kiến lập khiến cho trụ địa vị Tuỳ nghĩa hành

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phước bất khả xưng lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生建立令住隨義行地。

nhược hữu Bồ-tát năng vi thập phương nhất thiết thể giới nhất thiết chúng sanh

kiến lập linh trụ tùy nghĩa hành địa 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thảy chúng sanh, hết thảy thể giới trong mười phương

kiến lập khiến cho trụ nơi địa vị Tuỳ nghĩa hành,

若有菩薩為一眾生建立令住隨法行地。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập lệnh trụ Tuỳ Pháp hành địa 。
nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh kiến lập khiến cho họ trụ nơi địa vị Tuỳ pháp hành
此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phúc bất khả xưng lượng 。
thì phước thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令住隨法行地。

nhược hữu Bồ-tát năng vì thập phương nhất thiết thế giới nhất thiết chúng sanh 。

kiến lập lệnh trụ Tuỳ Pháp hành địa 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thảy chúng sanh, hết thảy thế giới trong mười phương,

kiến lập khiến cho tất cả trụ nơi địa vị Tuỳ pháp hành,

若有菩薩為一眾生建立令住須陀洹果。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập lệnh trụ Tu-đà-hoàn quả 。

nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh kiến lập khiến cho trụ quả vị Tu-đà-hoàn

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phúc bất khả xưng lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令住須陀洹果。

nhược hữu Bồ-tát năng vì thập phương nhất thiết thế giới nhất thiết chúng sanh 。

kiến lập lệnh trụ Tu-đà-hoàn quả 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thảy chúng sanh, hết thảy thế giới trong mười phương,

kiến lập khiến cho tất cả trụ quả vị Tu-đà-hoàn.

若有菩薩為一眾生建立令住斯陀含果。此所獲福不可稱量。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập lệnh trụ Tu-đà-hàm quả 。

thử sở hoạch phúc bất khả xưng lượng 。

Nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh, kiến lập khiến trụ quả vị Tu-đà-hàm thì phước ấy
thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令住斯陀含果。

nhược hữu Bồ-tát năng vì thập phương nhất thiết thế giới nhất thiết chúng sanh 。

kiến lập lệnh trụ Tu-đà-hàm quả 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thảy chúng sanh, hết thảy thế giới trong mười phương,

kiến lập khiến tất cả trụ quả vị Tu-đà-hàm,

若有菩薩為一眾生建立令住阿那含果。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập lệnh trụ A-na-hàm quả 。

nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh, kiến lập khiến cho trụ quả vị A-na-hàm

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phúc bất khả xưng lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令住阿那含果。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập lệnh trụ A-na-hàm quả 。

nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh, kiến lập khiến cho trụ quả vị A-na-hàm

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phúc bất khả xưng lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

Kinh Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới

- 80 -

Tuequang

Foundation

Trí Quang Minh Trang Nghiêm, Quyển Thứ Năm

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令住阿那含果。

nhược hữu Bồ-tát năng vì thập phương nhất thiết thế giới nhất thiết chúng sanh 。
kiến lập linh trụ A-na-hàm quả 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thầy chúng sanh, hết thầy thế giới trong mười phương,
kiến lập khiến cho tất cả trụ quả vị A-na-hàm,

若有菩薩為一眾生建立令住阿羅漢果。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập linh trụ A-la-hán quả 。

nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh, kiến lập khiến cho trụ quả vị A-la-hán

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phước bất khả xưng lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令住阿羅漢果。

nhược hữu Bồ-tát năng vì thập phương nhất thiết thế giới nhất thiết chúng sanh 。
kiến lập lệnh trụ A-la-hán quả 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thầy chúng sanh, hết thầy thế giới trong mười phương,
kiến lập khiến cho tất cả trụ quả vị A-la-hán,

若有菩薩為一眾生建立令住緣覺之果。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập lệnh trụ Duyên giác chi quả 。

nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh, kiến lập khiến cho trụ quả vị Duyên giác

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phước bất khả xưng lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令住緣覺之果。

nhược hữu Bồ-tát năng vì thập phương nhất thiết thế giới nhất thiết chúng sanh 。
kiến lập linh trụ Duyên giác chi quả 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thầy chúng sanh, hết thầy thế giới trong mười phương,
kiến lập khiến cho tất cả trụ quả vị Duyên giác,

若有菩薩為一眾生建立令發大菩提心。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập linh phát Đại bồ đề tâm 。

nếu có Bồ-tát vì một chúng sanh, kiến lập khiến phát Tâm Bồ-đề lớn

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phước bất khả xưng lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường!

若有菩薩能為十方一切世界一切眾生。建立令發菩提心已。

nhược hữu Bồ-tát năng vì thập phương nhất thiết thế giới nhất thiết chúng sanh 。
kiến lập lệnh phát bồ đề tâm dĩ 。

Nếu có Bồ-tát năng vì hết thầy chúng sanh, hết thầy thế giới trong mười phương,
kiến lập, khiến cho tất cả phát tâm Bồ-đề xong,

若有菩薩為一眾生建立令住不退轉位。

nhược hữu Bồ-tát vì nhất chúng sanh kiến lập lệnh trụ bất thối chuyển vị 。

nếu có Bồ-Tát vì một chúng sanh, kiến lập khiến cho chúng sanh đó trụ nơi địa vị Bất thối chuyển

此所獲福不可稱量。

thử sở hoạch phúc vô hữu xung lượng 。

thì phước ấy thu được không thể nói lường.

又妙吉祥。正使菩薩普為一切眾生。

hựu diệu cát tường 。

Lại nữa, Diệu Cát Tường! Bồ-tát Chánh sử rộng vì nhất thiết chúng

建立皆住不退轉位。若有菩薩發清淨心。

kiến lập giai trụ bất thối chuyển vị 。

kiến lập đều trụ nơi địa vị Bất thối chuyển, nếu có Bồ-tát phát khởi tâm thanh tịnh,

於此最上甚深正法。正信解已。能自書寫或教人書。

ư thử tối thượng thậm thâm chánh Pháp 。

ở nơi Chánh pháp thậm thâm tối thượng, chân chánh tin hiểu xong, có thể tự viết chép, hoặc dạy người chép,

或復為他廣大宣說。

hoặc phục vi tha quảng Đại tuyên thuyết 。

hoặc lại vì người khác tuyên thuyết rộng rãi,

少略乃至令一眾生於此最上甚深正法信解悟入者。

thiểu lược nãi chí lệnh nhất chúng sanh ư thử tối thượng thậm thâm chánh Pháp tín giải ngộ nhập giả 。

chút ít cho đến khiến cho một chúng sanh ở nơi chánh pháp thậm thâm tối thượng tin hiểu, ngộ nhập

所獲福蘊無量無數不可稱計。

sở hoạch phúc uẩn vô lượng vô số bất khả xung kế 。

thì phước uẩn thu hoạch được là vô lượng, vô số không thể tính đếm.

爾時世尊。普為大眾說伽陀曰。

nhĩ thời Thế tôn 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn, khắp vì Đại chúng nói kệ rằng:

若有諸菩薩

nhược hữu chư Bồ-tát

Nếu có các Bồ-tát,

受持正法門

thọ trì chánh Pháp môn

Thọ trì chánh pháp môn,

復於甚深典

phục ư thậm thâm điển

Lại nơi kinh sâu xa

此福廣無邊

thử phúc quảng vô biên

Phước ấy rộng vô biên,

若有諸菩薩

nhược hữu chư Bồ-tát

Nếu có các Bồ-tát,

十俱胝佛所

thập câu chi Phật sở

Nơi mười ức đức Phật,

遍禮人中尊

biên lễ nhân trung tôn

Lễ đấng nhân trung Tôn,

Kinh Phật Thuyết Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới

Foundation

Trí Quang Minh Trang Nghiêm, Quyển Thứ Năm

供十俱胝佛

cung thập câu chi Phật

Cúng dường mười ức Phật.

極盡時邊際

cực tận thời biên tế

Tận biên tế thời gian.

愛樂而聽受

ái lạc nhi thính thọ

Yêu thích để nghe thọ.

果報中最勝

quả báo trung tối thắng

Quả báo tối thắng nhất.

神力往十方

Thần lực vãng thập phương

Thần lực đi mười phương.

親近而供養

thân cận nhi cúng dường

Gần gũi để cúng dường.

最上諸正士

tối thượng chư chánh sĩ

Các chánh sĩ tối thượng.

悲愍諸眾生
bi mẫn chư chúng sanh
Bi xót các chúng sanh,
今此甚深經
kim thử thậm thâm Kinh
Nay Kinh sâu xa này,
若能為他人
nhược năng vi tha nhân
Nếu năng vì người khác,
是即佛教中
thị tức Phật giáo trung
Chính là lời Phật dạy,
彼所獲福果
bỉ sở hoạch phúc quả
Phước quả người ấy được,
諸佛大悲愍
chư Phật Đại bi mẫn
Chư Phật đại bi mẫn,
如廣大燈明
như quang Đại đăng minh
Như đèn sáng rộng lớn,
中有猛利慧
trung hữu mãnh lợi tuệ
Trung hữu tuệ sắc bén,
能發信解心
năng phát tín giải tâm
Hay phát tâm tin hiểu,
如是善逝教
như thị thiện thệ giáo
Thiện Thệ dạy như vậy,
聞已復為他
văn dĩ phục vi tha
Nghe rồi vì người khác,
如為彼諸佛
như vi bỉ chư Phật
Như vì chư Phật ấy,
入大無餘依
nhập Đại vô dư y
Nhập Đại Vô Dư Y,
能建立寶塔
năng kiến lập bảo tháp
Năng kiến lập Bảo tháp,
眾寶所莊嚴
chúng bảo sở trang nghiêm
Trang nghiêm các vật báu,
豎立勝幡蓋
thọ lập thắng phiên cái
Lập tràng phan thù thắng,
上徹有頂天
thượng triệt hữu đỉnh Thiên
Trên suốt trời Hữu Đảnh,
若有諸菩薩
nhược hữu chư Bồ-tát

增長眾利樂
tăng trường chúng lợi lạc
Tăng trường điều lợi lạc.
諸佛共宣說
chư Phật cộng tuyên thuyết
Chư Phật cùng tuyên thuyết.
須臾敷演者
tu du phu diễn giả
Diễn bày trong chốc lát.
善開發淨信
thiện khai phát tịnh tín
Khéo khai phát tịnh tín.
廣大復最勝
quang Đại phục tối thắng
Lớn lao lại Tối thắng.
宣示此正法
tuyên kì thử chánh Pháp
Tuyên thị chánh pháp này.
普照人天界
phổ chiếu nhân Thiên giới
Khắp soi cõi Nhơn, Thiên.
及具大力者
cập cụ Đại lực giả
Vói đầy đủ đại lực.
速得成佛果
tốc đắc thành Phật quả
Chóng đắc thành quả Phật.
若有得聞者
nhược hữu đắc văn giả
Nếu có người được nghe.
展轉而宣演
triển chuyển nhi tuyên diễn
Triển chuyển để tuyên thuyết.
最上人中尊
tối thượng nhân trung tôn
Nhơn trung Tôn tối thượng.
清淨涅槃已
thanh tịnh Niết-Bàn dĩ
Thanh tịnh niết bàn xong.
增聳復殊妙
tăng tủng phục thù diệu
Cao vót lại thù diệu.
高踰有頂際
cao du hữu đỉnh tế
Cao quá trời Hữu đảnh.
寶鈴出妙聲
bảo linh xuất diệu thanh
Chuông báu xuất diệu thanh.
嚴好而廣大
nghiêm hảo nhi quang Đại
Trang nghiêm mà rộng rãi.
愛樂此經典
ái lạc thử Kinh điển

Nếu có các Bồ-tát,
於如是相中
ư như thị tướng trung
Ở trong tướng như vậy,
於彼清淨處
ư bỉ thanh tịnh xứ
Ở chỗ Thanh tịnh kia,
此所獲福蘊
thử sở hoạch phước uẩn
Phước uẩn đó thu được,
若有諸菩薩
nhược hữu chư Bồ-tát
Nếu có các Bồ-tát,
廣為他流通
quảng vi tha lưu thông
Rộng vì người khác nói,
此所獲福蘊
thử sở hoạch phước uẩn
Phước uẩn ấy thu được,
趣求大菩提
thú cầu Đại bồ đề
Thú cầu Đại Bồ-đề,
此甚深經典
thử thậm thâm Kinh điển
Kinh điển thậm thâm này,
諸大菩薩眾
chư Đại Bồ-tát chúng
Các chúng Đại Bồ-tát,
十方一切佛
thập phương nhất thiết Phật
Hết thầy Phật mười phương,
普現諸佛身
phổ hiện chư Phật thân
Khắp hiện thân chư Phật,
佛說此經已。妙吉祥菩薩摩訶薩。

Phật thuyết thử Kinh dĩ 。 diệu cát tường Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Phật thuyết kinh này xong, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường

并餘無數不思議不可說諸菩薩眾。及大聲聞。

tịnh dư vô số bất tu nghị bất khả thuyết chư Bồ-tát chúng 。 cập Đại Thanh văn 。
và vô số không thể nghĩ bàn, không thể kể hết số các chúng Bồ-tát cùng chúng đại
Thanh văn khác,

一切世間天人阿修羅乾闥婆等。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La Càn thát bà đấng 。

tất cả thế gian Thiên, Nhơn, A-tu-la, Càn-thát-bà .v.v.

聞佛所說皆大歡喜。信受奉行。

văn Phật sở thuyết giai Đại hoan hỷ 。 tín thọ phụng hành 。

nghe Phật thuyết đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

佛說大乘入諸佛境界智光明莊嚴經卷第五

Phật thuyết Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang-minh trang nghiêm Kinh
quyển đệ ngũ

Phật Thuyết Kinh Đại Thừa Nhập Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Minh Trang Nghiêm
Quyển Thứ Năm.

Yêu thích Kinh điển này.

聞已發淨信

văn dĩ phát tịnh tín

Nghe xong phát Tịnh tín.

安布是正法

an bố thị chánh Pháp

An bày chánh pháp ấy.

廣大而最勝

quảng Đại nhi tối thắng

Rất nhiều mà tối thắng.

受持此正法

thọ trì thử chánh Pháp

Thọ trì chánh pháp ấy.

滌除愆法垢

địch trừ lận Pháp cấu

Tẩy sạch pháp hạp hoi.

功德勝無量

công đức thắng vô lượng

Công đức quá vô lượng.

隨願而獲得

tùy nguyện nhi hoạch đắc

Tùy nguyện mà thu được.

諸佛之所宣

chư Phật chi sở tuyên

Chỗ chư Phật tuyên thuyết.

多受持宣演

đa thọ trì tuyên diễn

Thọ trì tuyên diễn nhiều.

悉於虛空界

tất ư hư không giới

Đều ở cõi hư không.

令一切瞻仰

linh nhất thiết chiêm ngưỡng

Khiến tất cả chiêm ngưỡng.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:59:24 2006

=====